

TIẾT 1,2,3	Bài 1 TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ	NS: 4/9/2023
-----------------------	---	-------------------------

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Một số truyền thống của gia đình, dòng họ.
- Ý nghĩa của truyền thống của gia đình, dòng họ.
- Những việc làm cụ thể, phù hợp để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.
- *Điều chỉnh hành vi*: Có những việc làm cụ thể, phù hợp để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.
- *Phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.
- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Yêu nước*: Tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ.
- *Trách nhiệm*: Hành động có trách nhiệm với chính mình, với truyền thống của gia đình, dòng họ, có trách nhiệm với đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về truyền thống của gia đình, dòng họ để chuẩn bị vào bài học mới.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ là gì? Biểu hiện của tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ? Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống của gia đình, dòng họ?

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “Thẩm thấu âm nhạc”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Thẩm thấu âm nhạc” Luật chơi: - Học sinh xem video bài hát “Lá cờ” (sáng tác: Tạ Quang Thắng) và trả lời câu hỏi. - Bài hát nói về truyền thống nào của gia đình Việt Nam? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về những truyền thống đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần. - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học <i>Tự hào về truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ chính là giữ gìn nguồn gốc bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tạo điều kiện cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Để thực hiện nhiệm vụ cao quý ấy không ai khác chính là thế hệ thanh niên Việt Nam ngày nay. Vậy tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ là gì? Biểu hiện của tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ như thế nào cô và các em sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.</i>	

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Truyền thống gia đình, dòng họ

a. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ.
- Liệt kê được các truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho đọc thông tin, tình huống.
- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh: Tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ là gì? Các truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.

THẢO LUẬN NHÓM BÀN

PHIẾU BÀI TẬP

Dòng họ Nguyễn Lân có truyền thống gì?

Em có suy nghĩ gì về truyền thống của dòng họ Nguyễn Lân?

Từ thông tin trên và những hiểu biết của bản thân, em hiểu thế nào là truyền thống gia đình, dòng họ?

TRÒ CHƠI

“THỬ TÀI HIỂU BẾT”

Chia lớp ra thành hai đội

Mỗi đội cử 5 bạn xuất sắc nhất

Đại diện hai đội lên bảng và liệt kê những truyền thống mà em biết trong 5’

Đội nào viết được nhiều truyền thống sẽ được 10 điểm.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm dự án của các nhóm: Phiếu bài tập

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Khái niệm truyền thống gia đình dòng họ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	I. Khám phá

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc thông tin Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập <u>Câu 1:</u> Dòng họ Nguyễn Lâm có truyền thống gì? <u>Câu 2:</u> Em có suy nghĩ gì về truyền thống của dòng họ Nguyễn Lâm? <u>Câu 3:</u> Từ thông tin trên và những hiểu biết của bản thân, em hiểu thế nào là truyền thống gia đình, dòng họ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	1. Truyền thống gia đình, dòng họ * Khái niệm - Truyền thống gia đình, dòng họ là những giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ đã tạo ra và được giữ gìn, phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác. - Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ là thể hiện sự hài lòng, hãnh diện về các giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ đã tạo ra.
<i>Các truyền thống tốt đẹp</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Thử tài hiểu biết” Luật chơi: + Giáo viên chia lớp thành hai đội. Mỗi đội cử 5 bạn xuất sắc nhất. + Thời gian: Trò chơi diễn ra trong vòng hai phút. + Cách thức: Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau viết các đáp án lên bảng, nhóm nào viết được nhiều đáp án đúng hơn thì nhóm đó sẽ chiến thắng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: nghe hướng dẫn. Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. Tham gia chơi trò chơi nhiệt tình, đúng luật.	* Các truyền thống tốt đẹp - Một số truyền thống gia đình, dòng họ: truyền thống tốt đẹp về văn hoá, đạo đức, lao động, nghề nghiệp, học tập,...

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh chơi trò chơi “Thử tài hiểu biết”. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. Giáo viên giới thiệu: <i>Chú ý phân biệt truyền thống tốt đẹp với các hủ tục.</i> <u>Truyền thống:</u> <i>Là những giá trị tinh thần được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của một cộng đồng. Nó bao gồm những đức tính, tập quán, tư tưởng, lối sống và ứng xử được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.</i> <i>Hủ tục là phong tục, tập quán đã lỗi thời, lạc hậu, làm cản trở tiến trình phát triển. Lâu nay, những hủ tục thường mang màu sắc mê tín đã trở thành vật cản, là gánh nặng truyền đời đối với các cộng đồng người, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số.</i>	
---	--

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ

a. Mục tiêu:

- Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống của gia đình, dòng họ

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho đọc thông tin.

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh: Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống của gia đình, dòng họ?

Kĩ thuật "Các mảnh ghép"

Giai đoạn 1
Nhóm chuyên sâu

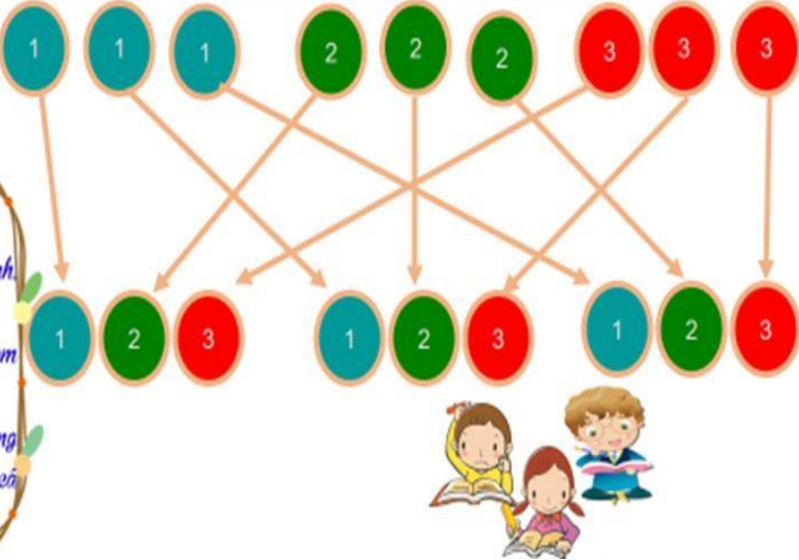


Giai đoạn 2
Nhóm mảnh ghép



Nhóm I, III: Gia đình bạn Dung có truyền thống tốt đẹp nào? Bạn đã có thái độ và việc làm như thế nào đối với truyền thống đó?

Nhóm II, IV: Gia đình bạn Nam có truyền thống tốt đẹp nào? Mọi người trong gia đình Nam đã có thái độ và việc làm như thế nào đối với truyền thống đó?



c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi thông qua thảo luận * Vòng chuyên sâu (5 phút) - Chia lớp ra làm 2 nhóm hoặc 4 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2, ... (nếu 2 nhóm) hoặc 1,2,3,4 (nếu 4 nhóm)... -Giao nhiệm vụ: Nhóm I, III: Gia đình bạn Dung có truyền thống tốt đẹp nào? Bạn đã có thái độ và việc làm như thế nào đối với truyền thống đó? Nhóm II, IV: Gia đình bạn Nam có truyền thống tốt đẹp nào? Mọi người trong gia đình Nam đã có thái độ và việc làm như thế nào đối với truyền thống đó? * Vòng mảnh ghép (5 phút) - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới, số 4 tạo thành nhóm 4 mới & giao nhiệm vụ mới: 1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?	2. Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ - Truyền thống của gia đình, dòng họ giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm, động lực, vượt qua khó khăn, thử thách và nỗ lực vươn lên để thành công.
---	--

2. Việc tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ đã giúp ích gì cho Dung?

3. Việc duy trì nề nếp, gia phong đã đem lại điều gì cho gia đình Nam?

4. Theo em, truyền thống gia đình, dòng họ có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân, gia đình và xã hội?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cặp đôi, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm

- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

-Yc hs nhận xét câu trả lời.

-Gv đánh giá, chốt kiến thức.

Giáo viên: - Những giá trị, truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ sẽ là hành trang vững chắc cho mỗi người bước vào đời. Giúp mỗi chúng ta phát triển toàn diện hơn về mặt tư duy lẫn phong cách. Từ những những truyền thống tốt đẹp đó chính là hành trang cho chúng ta sau này. Nhưng chúng ta cần rèn luyện như thế nào?

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ.

a. Mục tiêu:

- Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.

- Liệt kê được các biểu hiện của tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho đọc thông tin, tình huống.

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh: Giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ? Đề xuất được cách rèn luyện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh ; Sản phẩm dự án của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua kỹ thuật khăn trải bàn

-GV: Chia lớp thành 4 nhóm

Nhóm 1: Theo em, việc làm của Linh và gia đình sẽ mang đến cảm xúc như thế nào cho người thân?

Nhóm 2: Em có suy nghĩ gì về mong muốn của bạn An?

Nhóm 3: Từ việc làm của gia đình bạn Linh và bạn An, theo em mỗi người cần làm gì để giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ?

Nhóm 4: Hãy nêu những việc làm biểu hiện không giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

+ Bước 1: Suy nghĩ độc lập: (3’).

+ Bước 2: Chia sẻ với nhóm: (3’).

+ Bước 3: Thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe hướng dẫn, làm việc cá nhân, nhóm suy nghĩ, trả lời.

- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm

- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.

- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:

+ Kết quả làm việc của học sinh.

+ Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.

Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

3. Giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ

Chúng ta cần tự hào, trân trọng, nối tiếp và gìn giữ truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ bằng hành vi và thái độ phù hợp.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

-HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b. Nội dung:

- Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy.
- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ... ? Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học. ? Bài tập: Em hãy cùng các bạn trong lớp giới thiệu truyền thống gia đình, dòng họ bằng cách vẽ hoặc dán ảnh các thành viên trong gia đình của mình vào "cây truyền thống gia đình" theo mẫu. Sau đó, ghi chú thích về nghề nghiệp, đức tính, tư tưởng, lối sống,... được lưu truyền và gìn giữ từ nhiều đời nay. Em có mong muốn tiếp nối các truyền thống đó không? Vì sao? Hãy chia sẻ cùng các bạn trong lớp. ? Bài tập: Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về: hiếu thảo, hiếu học, yêu nghề, yêu thương. Chọn một câu ca dao, tục ngữ ở trên mà em thích nhất và rút ra ý nghĩa của câu ca dao, tục ngữ ấy? Em đã thực hiện điều đó như thế nào? - GV cho học sinh chơi trò chơi “Đổi mặt” LUẬT CHƠI: - Số người tham gia: 5 bạn - Cách thức: Các bạn đứng vòng tròn. Lần lượt đọc câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn về truyền thống tốt đẹp. (Không được đọc lặp lại câu của người khác.) Đến lượt, bạn nào không đọc được sẽ bị loại. ? Bài tập: Em hãy xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống sau: Tình huống 1: Dòng họ Nguyễn Huy của Bình có truyền thống hiếu học. Hằng năm, cứ vào đầu năm học, dòng họ lại tổ chức trao phần thưởng cho con cháu đạt thành tích cao trong học tập và thi đỗ đại học. Năm nay, Bình không được nhận phần thưởng vì kết quả học tập của bạn chưa cao. Tình huống 2:	III. Luyện tập 1. Bài tập tình huống 2. Những câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn nói về truyền thống tốt đẹp: 1. Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. 2. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. 3. Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi. 3. Bài tập: Em hãy xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống Tình huống 1: Theo em, Bình cần làm để phát huy truyền thống hiếu học của dòng họ: cố gắng nỗ lực trong học tập, rèn luyện đạo đức tốt. Tình huống 2: Nếu em là Hải, em sẽ nói với
--	--

Gia đình Hải có nghề truyền thống làm đồ chơi Trung thu. ông nội bạn đã từng được vinh danh là nghệ nhân nổi tiếng và cha mẹ Hải vẫn tiếp tục say mê làm ra những chiếc mặt nạ, đèn ông sao, đèn lồng,... và mong muốn Hải tiếp nối nghề truyền thống của gia đình. Có người khuyên Hải không nên theo nghề truyền thống của gia đình vì vất vả và không còn phù hợp với xu thế hiện nay nữa.

Tình huống 3:

Gia đình Tuấn có truyền thống yêu nước, ông của bạn là lão thành cách mạng, bố đang làm việc trong quân đội. Tuấn rất tự hào về truyền thống gia đình mình nhưng lại muốn trở thành một doanh nhân, bởi theo Tuấn làm công việc gì mà có đóng góp cho đất nước cũng là tiếp nối truyền thống của gia đình. Từng phản đối và cho rằng Tuấn phải tiếp nối công việc, nghề nghiệp được truyền từ đời ông, cha đến nay mới là tiếp nối truyền thống của gia đình.

Nhóm 1: Theo em, Bình cần làm gì để phát huy truyền thống hiếu học của dòng họ?

Nhóm 2: Nếu là Hải, em sẽ nói với người khuyên em như thế nào?

Nhóm 3: Em đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?

LUẬT CHƠI:

Sắm vai ở tình huống, tập làm chuyên gia để trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, hoàn thành sơ đồ bài học.
- Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.
- Với hoạt động trò chơi: HS nghe hướng dẫn, tham gia.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm, trò chơi tích cực.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm.
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

người khuyên em: "mặc dù truyền thống làm đồ chơi Trung thu của gia đình là vất vả nhưng đổi lại được đó là niềm vui của các bạn nhỏ được trọn vẹn, và đây cũng là truyền thống của gia đình nên em cũng sẽ tiếp tục theo chân ông bà cha mẹ để giữ truyền thống đó mãi về sau."

Tình huống 3:

Em đồng tình với ý kiến bạn Tùng. Vì truyền thống là những gì được lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác thì mới được gọi là truyền thống.

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua trò chơi, hoạt động dự án..

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi trò chơi, hoạt động dự án ... +Trò chơi “Đoán ô chữ”: - Ô chữ thứ nhất: gồm 7 chữ cái nói về đơn vị xã hội gồm cha mẹ, con cái đôi khi có cả ông bà. => GIA ĐÌNH - Ô thứ hai: gồm 6 chữ cái có nội dung: Chỉ toàn thể nói chung những người cùng huyết thống làm thành các thế hệ nối tiếp => DÒNG HỌ + Hoạt động dự án: Nhóm 1: Em hãy viết thư cho ông bà, bố mẹ trong gia đình đề nói lên niềm tự hào của em về truyền thống gia đình, dòng họ và chia sẻ những việc em sẽ làm để phát huy những truyền thống tốt đẹp đó. <i>Gợi ý: Thông qua bài viết; làm báo ảnh; làm áp phích hoặc làm video;...</i> Nhóm 2: Em hãy vẽ một bức tranh về ước mơ nghề nghiệp của em trong tương lai, tiếp nối truyền thống của gia đình, dòng họ. Nhóm 3: Em hãy lập kế hoạch và thực hiện việc giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ của em theo bảng mẫu Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	
---	--

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm, trò chơi tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
--	--

***Hướng dẫn tự học**

- Học thuộc nội dung bài học
- Chuẩn bị bài 2: Yêu thương con người:
- + Đọc trước bài học
- + Trả lời các câu hỏi phần ngữ liệu

Tiết 4,5	Bài 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI	NS: 23/9/2023
-----------------	------------------------------------	--------------------------------

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.
- Giá trị của tình yêu thương con người.
- Những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.
- Thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người.
- Những biểu hiện trái với tình yêu thương con người cần phê phán, lên án.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động, thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.
- *Điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lý, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống nhằm phát huy giá trị to lớn của tình yêu thương con người.
- *Phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những giá trị về tình yêu thương con người theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. Xác định được lí tưởng sống của bản thân lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân để phù hợp với các giá trị đạo đức về yêu thương con người.
- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, chà đạp lên các giá trị nhân văn của con người với con người.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tình yêu thương con người.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước*: Tự hào về truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc.
- *Nhân ái*: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để góp phần vun đắp giá trị của tình yêu thương con người.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống yêu thương con người. Đấu tranh bảo vệ những truyền thống tốt đẹp; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lệch lạc trong mối quan hệ giữa con người với con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về tình yêu thương con người để chuẩn bị vào bài học mới.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Tình yêu thương con người là gì? Biểu hiện của tình yêu thương con người? Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của tình yêu thương con người?

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “Thăm thấu âm nhạc”



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Câu 1: Hình ảnh trên đề cập đến hoạt động giúp đỡ đồng bào miền trung bị lũ lụt năm 2020

Câu 2: Hoạt động của nhà nước và nhân dân ta giúp đỡ đồng bào miền trung: Hỗ trợ về vật chất và tinh thần, quyên góp tiền và các vật dụng ủng hộ đồng bào miền trung

Câu 3: Đồng cảm với những đau thương mất mát mà đồng bào miền trung gặp phải, rất trân trọng và tự hào về sự giúp đỡ của mọi người dân Việt Nam hướng về đồng bào nơi lũ lụt trong khó khăn hoạn nạn.

d. Tổ chức thực hiện:

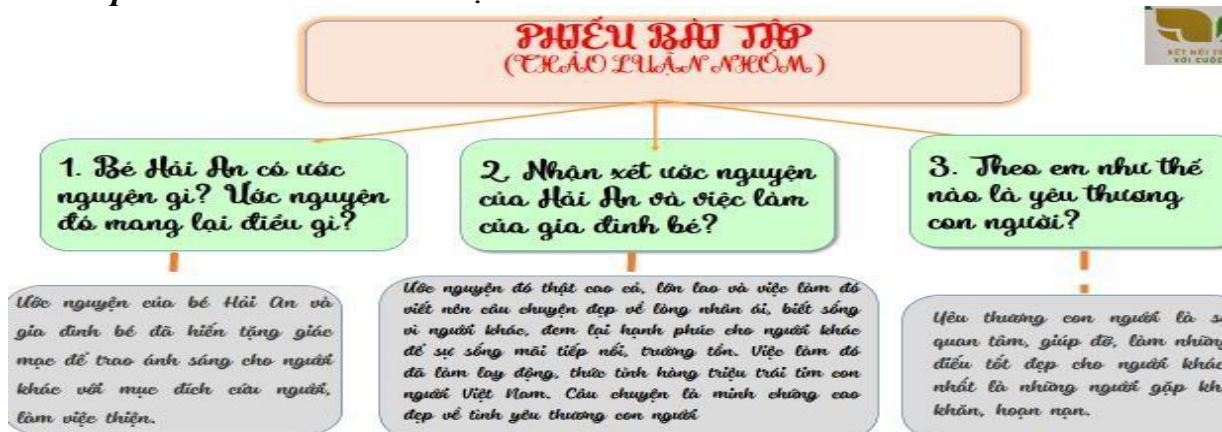
Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Thăm thấu âm nhạc”	

Luật chơi: ❖ Xem video “Thương lắm miền Trung ơi” và trả lời câu hỏi: ❖ 1. Hình ảnh gợi em nhớ tới sự việc nào xảy ra ở nước ta? ❖ 2. Trước sự việc đó, Nhà nước và Nhân dân ta đã có những hành động gì? ❖ 3. Em hãy chia sẻ cảm xúc của mình trước những hành động đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. Câu 1: Hình ảnh trên đề cập đến hoạt động giúp đỡ chia sẻ đồng bào miền trung bị lũ lụt năm 2020 Câu 2: Hoạt động của nhà nước và nhân dân ta giúp đỡ đồng bào miền trung: Hỗ trợ về vật chất và tinh thần, quyên góp tiền và các vật dụng ủng hộ đồng bào miền trung Câu 3: Đồng cảm với những đau thương mất mát mà đồng bào miền trung gặp phải, rất trân trọng và tự hào về sự giúp đỡ của mọi người dân Việt Nam hướng về đồng bào nơi lũ lụt trong khó khăn hoạn nạn. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học <i>Yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy. Vậy yêu thương con người là gì? Biểu hiện của yêu thương con người như thế nào cô và các em sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.</i>	
2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Thế nào là yêu thương con người a. Mục tiêu: - Nêu được khái niệm yêu thương con người. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin, cùng tìm hiểu nội dung thông tin nói về bé Hải An trong sách giáo khoa.	

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh: Yêu thương con người là gì?



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.



d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Khái niệm yêu thương con người

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập

Gv yêu cầu học sinh đọc thông tin

Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập

Câu 1: Bé Hải An có ước nguyện gì? Ước nguyện đó mang lại điều gì?

Câu 2: Nhận xét ước nguyện của Hải An và việc làm của gia đình bé?

Câu 3: Theo em như thế nào là yêu thương con người?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

- Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời

I. Khám phá

1. Khái niệm

***Thông tin**

***Nhận xét**

Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những lúc gặp khó khăn, hoạn nạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện của yêu thương con

người

a. Mục tiêu:

- Liệt kê được các biểu hiện yêu thương con người.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh, tình huống
- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh: Biểu hiện của yêu thương con người?

TEAM WORK



PHIẾU BÀI TẬP (THẢO LUẬN NHÓM)

Tìm hiểu biểu hiện của tình yêu thương con người bằng cách hoàn thiện phiếu bài tập

Đối quan hệ	Gia đình	Nhà trường	Xã hội
Hình thức			
Lời nói			
Việc làm			
Thái độ			



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập, phần tham gia trò chơi ...)

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 2: Biểu hiện của yêu thương con người

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa, phiếu bài tập và trò chơi “người làm vườn nhân hậu”

? Em hãy quan sát những hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi:

1. Tình yêu thương con người được biểu hiện trong các mối quan hệ nào? Với những hình thức nào?

2. Em có suy nghĩ gì về những việc làm được đề cập đến trong những hình trên?

*** Phiếu bài tập:** Tìm hiểu biểu hiện của tình yêu thương con người bằng cách hoàn thiện phiếu bài tập

*** Trò chơi “người làm vườn nhân hậu”**

Luật chơi:

+ Giáo viên chia lớp thành hai đội. Mỗi đội cử 5 bạn xuất sắc nhất. Nhóm 1: Lời nói, nhóm 2: việc làm, nhóm 3: thái độ...thể hiện yêu thương con người.

+ Thời gian: Trò chơi diễn ra trong vòng năm phút.

+ Cách thức: Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau viết các đáp án và dán lên cây, nhóm nào viết được nhiều đáp án đúng hơn thì nhóm đó sẽ chiến thắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS:

+ Nghe hướng dẫn.

+ Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.

+ Tham gia chơi trò chơi nhiệt tình, đúng luật.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- Học sinh chơi trò chơi “người làm vườn nhân hậu”

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn

2. Biểu hiện của yêu thương con người

- Tình yêu thương con người thể hiện ở sự đồng cảm, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện; biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác; khi cần thiết có thể hi sinh quyền lợi của bản thân vì người khác;...

-Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. Giáo viên giới thiệu: <i>Chú ý phân biệt yêu thương con người với lòng thương hại.</i>	
2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa yêu thương con người a. Mục tiêu: - Hiểu vì sao phải yêu thương con người. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin, quan sát tranh, tình huống - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, và trò chơi để hướng dẫn học sinh: Ý nghĩa của yêu thương con người là gì? Trò chơi Thử tài hiểu biết <i>Kể tên các chương trình nhân ái trên truyền hình mà em biết</i>  c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm . d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi, câu hỏi. <i>Theo em, tình yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với người được nhận tình yêu thương và người thể hiện tình yêu thương với người khác?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).	3. Ý nghĩa <i>-Tình yêu thương con người mang lại niềm vui, sự tin tưởng vào bản thân và cuộc sống; giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn, hoạn nạn; làm cho mối quan hệ giữa con người với con người thêm gần gũi, gắn bó; góp phần xây dựng cộng đồng an toàn, lành mạnh và tốt đẹp hơn.</i> <i>-Người biết yêu thương con người sẽ được mọi</i>

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv đánh giá, chốt kiến thức.

người yêu quý và kính trọng. Yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy.

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Cách rèn luyện

a. Mục tiêu:

- Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người của bản thân và người khác.
- Liệt kê được các biểu hiện của yêu thương con người của bản thân.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi để hướng dẫn học sinh: Cách rèn luyện của học sinh về tình yêu thương con người.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động: Thực hiện hành động yêu thương

- Em hãy thực hiện một việc làm thể hiện tình yêu thương đối với người thân trong gia đình và chia sẻ trước lớp.
- Em hãy thực hiện một hành động hay một lời nói cụ thể thể hiện tình yêu thương với bạn bè, thầy cô trong lớp em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

4. Cách rèn luyện:

- HS nghe hướng dẫn, làm việc cá nhân suy nghĩ, trả lời. - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
3. Hoạt động 3: Luyện tập a. Mục tiêu: - HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập. b. Nội dung: - Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy. - Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...  Trò chơi Tiếp sức đồng đội <i>Tìm những biểu hiện yêu thương con người và trái với yêu thương con người</i> LUẬT CHƠI: - Số người tham gia: cả lớp - Cách thức: Chia lớp làm hai đội theo dãy bàn. Mỗi dãy cử 5 bạn đại diện. Lần lượt viết biểu hiện. (Không được đọc lặp lại câu của người khác.) - Thời gian: 5 phút thảo luận, 3 phút viết. c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	III. Luyện tập 1. Bài tập 1

- GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

? Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học.

? Bài tập 1: GV cho học sinh chơi trò chơi: Tiếp sức đồng đội

Em cùng các bạn trong nhóm liệt kê những biểu hiện của tình yêu thương con người và những biểu hiện trái với tình yêu thương con người trong cuộc sống

LUẬT CHƠI:

- Số người tham gia: cả lớp

- Cách thức: Chia lớp làm hai đội theo dãy bàn. Mỗi dãy cử 5 bạn đại diện. Lần lượt viết biểu hiện. (Không được đọc lặp lại câu của người khác.)

- Thời gian: 5 phút thảo luận, 3 phút viết.

? Bài tập 2: Em đồng tình hoặc không đồng tình với việc làm của bạn nào dưới đây? Vì sao?

? ? Bài tập 3: Bài tập tình huống: GV cho học sinh thảo luận nhóm bàn

? Bài tập: Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về yêu thương con người.

- GV cho học sinh chơi trò chơi “Kì phùng địch thủ”

LUẬT CHƠI:

- Số người tham gia: cả lớp

- Cách thức: Chia lớp làm hai đội(hoặc 3) theo dãy bàn. Mỗi dãy cử 1 đại diện. Lần lượt đọc câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn về truyền thống tốt đẹp. (Không được đọc lặp lại câu của người khác.) Đến lượt đội nào không đọc được sẽ bị loại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, hoàn thành sơ đồ bài học.

- Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.

- Với hoạt động trò chơi: HS nghe hướng dẫn, tham gia.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

1. Biểu hiện của yêu thương con người: Quan tâm, giúp đỡ thông cảm, sẻ chia, biết tha thứ, biết hi sinh vì người khác, ...

2. Biểu hiện trái với yêu thương con người: Nhỏ nhen, ích kỷ thờ ơ trước những khó khăn và đau khổ của người khác, bao che cho điều xấu, vô cảm, vụ lợi cá nhân, đánh đập, sỉ nhục người khác.

2. Bài tập 2

3. Bài tập 3

4. Bài tập 4

Những câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn nói về yêu thương con người

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm, trò chơi tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án.. c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án ... + Hoạt động dự án: Nhóm 1: Em hãy vẽ một bức tranh mang thông điệp yêu thương con người để giới thiệu với bạn bè trong nước và quốc tế. Nhóm 2: Em hãy lập kế hoạch và thực hiện việc giúp đỡ một bạn trong lớp/ trường có hoàn cảnh khó khăn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV:	

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).	
--	--

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân.
- + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

***Hướng dẫn tự học**

- Học thuộc nội dung của bài
- Chuẩn bị bài 3: Siêng năng, kiên trì:
- + Đọc bài mới, trả lời những câu hỏi có trong bài.
- + Đọc trước phần ghi nhớ

BÀI 3: TIẾT 6,7: SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ

NS: 08/10/2023

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì.
- Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.
- Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi

Nhận biết được vai trò của việc siêng năng, kiên trì, tích cực học tập, rèn luyện để đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày; nhận biết được sự cần thiết phải siêng năng kiên trì để có thành công.

Năng lực phát triển bản thân

Nhận thức được bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

3. Về phẩm chất:

Chăm chỉ: Kiên trì, cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết; có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày;

Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân.

Trách nhiệm: Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng; tôn trọng và thực hiện nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật về giao thông;

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết được một cách đơn giản thế nào là siêng năng, kiên trì
- Phát hiện được vấn đề cần tìm hiểu:

- + Thấy được vai trò ý nghĩa của siêng năng kiên trì trong cuộc sống
- + Biết được một số việc làm thể hiện siêng năng kiên trì.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia trò chơi "Ai nhanh hơn"
 - Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về siêng năng, kiên trì. Ai tìm được nhanh và nhiều câu đúng hơn sẽ chiến thắng.

c. Sản phẩm: Học sinh tích cực tham gia thi, nêu được một số câu ca dao tục ngữ, và nói được những hiểu biết ban đầu về câu ca dao, tục ngữ đó

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS chia thành nhóm - Giao nhiệm vụ và phổ biến cách chơi cho các nhóm + Chia sẻ hiểu biết của em về ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ đã tìm được. + Cách làm: Giáo viên chia thành 2 đội, mỗi đội gồm có 5 học sinh, trong thời gian quy định mỗi học sinh trong một đội sẽ trình bày một câu ca dao, tục ngữ nói về siêng năng, kiên trì. + Yêu cầu bạn trả lời sau không được trùng với câu trả lời trước, đội nào tìm đúng và nhanh hơn sẽ chiến thắng + Các bạn không trực tiếp tham gia thi có nhiệm vụ nêu ý nghĩa của các câu ca dao đó Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS tiến hành trò chơi, các em không trực tiếp chơi thì nêu ý nghĩa của các câu ca dao tục ngữ mà các đội đã nêu ra. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh trình bày các câu ca dao tục ngữ, - Giáo viên gọi một số học sinh nêu ý nghĩa của các câu ca dao tục ngữ đã tìm hiểu. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học Siêng năng , kiên trì là những đức tính tốt đẹp cần có của con người, là chìa khoá mang đến thành công. Vì thế, HS cần có hiểu biết về siêng năng, kiên trì và rèn luyện đức tính này	1. Cẩn cù bù thông minh 2. Có chí thì nên. 3. Hữu chí cánh thành. 4. Người có chí thì nên, nhà có nền thì vững. 5. Mưu cao chẳng bằng chí dày. 6. Thua keo này bày keo khác. 7. Hết con bĩ cực, đến kì thái lai. 8. Ai đội đá mà sống ở đời. 9. Ba cái vui thì trẻ, ba cái bề thì già. 10. Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo. 12. Chớ vì ghen một miếng mà bỏ bữa bỏ ăn, chớ vì ngã một lần mà chân không bước

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Siêng năng, kiên trì và biểu hiện của siêng năng, kiên trì

a. Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì

b. Nội dung:

- GV cho học sinh cùng tìm hiểu nội dung câu chuyện nói về Trạng Nguyên Mạc Đĩnh Chi trong sách giáo khoa

- Học sinh lắng nghe câu chuyện, sau đó cùng chia sẻ suy nghĩ của bản thân thông qua đọc câu chuyện trên, trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Các học sinh chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình về câu chuyện trên, thấy được phẩm chất kiên trì siêng năng đã đem lại những kết quả tốt đẹp cho Mạc Đĩnh Chi.

- Nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì là gì

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin bằng cách mời một HS đọc to, rõ ràng thông tin, cả lớp lắng nghe. - Sau khi HS đọc thông tin, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau: <i>a) Mạc Đĩnh Chi đã nỗ lực như thế nào để thi đỗ trạng nguyên?</i> <i>b) Em hiểu thế nào là siêng năng, kiên trì?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng lắng nghe một học sinh đọc truyện, theo dõi câu truyện trong sách giáo khoa - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình + Học sinh 1 + Học sinh 2 Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	I. Khám phá 1. Siêng năng, kiên trì và biểu hiện của siêng năng, kiên trì a, Thế nào là siêng năng kiên trì? - Siêng năng là đức tính của con người biểu hiện ở sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên, đều đặn. - Kiên trì là sự quyết tâm làm đến cùng dù gặp khó khăn, gian khổ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật phẩm chất cần cù chịu khó của Mạc Đĩnh Chi như:
Mạc Đĩnh Chi đã nỗ lực để thi đỗ trạng nguyên: tranh thủ ghé qua lớp học ở gần nhà, đứng ngoài cửa nghe thầy giảng, ngày nhật củi, tối về cậu lại lo ôn luyện, học bài, bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng để học, dùng lá để tập viết.

Gv nhấn mạnh:

Siêng năng là tính cách làm việc tự giác, cần cù, chịu khó, thường xuyên của con người.

Kiên trì là tính cách làm việc miệt mài, quyết tâm giữ và thực hiện ý định đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại cũng không nản chí.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: biểu hiện của siêng năng, kiên trì.

a. Mục tiêu:

- HS nêu được những biểu hiện của siêng năng, kiên trì trong học tập , lao động và cuộc sống

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau trao đổi và hoàn thành nội dung phiếu học tập đó là chỉ ra những biểu hiện của siêng năng kiên trì được thể hiện cụ thể qua từng hình ảnh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Học sinh hoàn thành được phiếu học tập theo yêu cầu của giáo viên

SẢN PHẨM HỌC TẬP

Quan sát hình ảnh	Xác định các hành vi, việc làm thể hiện sự siêng năng, kiên trì và chưa thể hiện siêng năng, kiên trì trong mỗi bức tranh?
	Hình ảnh này là biểu hiện của siêng năng kiên trì, vì nhân vật trong bức tranh đã thể hiện sự kiên trì trong học tập , gặp bài khó không bỏ cuộc

	Hình ảnh này là biểu hiện của siêng năng kiên trì, vì nhân vật trong bức tranh đã thể hiện sự chăm chỉ lao động làm việc nhà giúp đỡ bố mẹ
	Hình ảnh này là biểu hiện của siêng năng kiên trì, vì nhân vật trong bức tranh đã thể hiện sự chăm chỉ lao động, học tập của HS
 Sao cây nhà cậu lại héo thế này? Tại tớ tưới nước.	Hình ảnh này là không phải là biểu hiện của siêng năng kiên trì, vì nhân vật trong bức tranh đã thể hiện chưa siêng năng, kiên trì trong việc chăm sóc cây
* Kể thêm các biểu hiện siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và trong cuộc sống mà em biết? - Trong học tập chăm chỉ học bài, làm bài tập về nhà và chăm chỉ lắng nghe cô giáo giảng bài. - Trong lao động chăm chỉ làm việc, kiên trì những cách làm mới, hiệu quả. - Trong cuộc sống luôn luôn cố gắng biến bản thân trở thành người tốt nhất, luôn trau dồi kiến thức hằng ngày, làm việc gì cũng làm đến cùng.	

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, các nhóm cùng nhau hoàn thành phiếu học tập giáo viên đưa ra với nhiệm vụ là a) Xác định các hành vi, việc làm thể hiện sự siêng năng, kiên trì và chưa thể hiện siêng năng, kiên trì trong mỗi bức tranh? b) Kể thêm các biểu hiện siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và trong cuộc sống mà em biết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời 2 nội dung trên	* Biểu hiện của siêng năng, kiên trì Biểu hiện của siêng năng, kiên trì là luôn cần cù, chăm chỉ, nỗ lực, chịu khó, quyết tâm hoàn thành công việc đã đặt ra; tự giác, chủ động thực hiện công việc không bỏ cuộc khi gặp khó khăn, trở ngại; không

- Mỗi nhóm mô tả nội dung từng bức tranh vào phiếu học tập do giáo viên đưa ra ứng với từng nội dung trên Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những biểu hiện của yêu thương con người - Siêng năng, kiên trì là đức tính tốt của con người, siêng năng được biểu hiện qua sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên, kiên trì là sự thể hiện quyết tâm đến cùng, cho dù gặp khó khăn gian khổ cũng không lùi bước. - Trái với siêng năng là lười biếng, sống dựa dẫm, ỉ lại ăn bám, Trái với kiên trì là nản lòng, chóng chán.	<i>trông chờ, ý lại vào người khác</i>
---	---

Tiết 2

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì

b. Nội dung:

- Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, 3 nhóm một sẽ tìm hiểu một tình huống trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Các nhóm xử lý tình huống giáo viên đưa ra và hoàn thành được phiếu học tập theo yêu cầu của giáo viên

SẢN PHẨM HỌC TẬP

Em hãy đọc tình huống dưới đây	Em hãy trả lời câu hỏi sau	Dự kiến câu trả lời
--------------------------------	----------------------------	---------------------

Nhóm 1,2,3: Hoa mới theo bố mẹ chuyển từ quê lên Hà Nội học. Thời gian đầu chuyển cấp học và môi trường mới còn bỡ ngỡ nên Hoa học môn Tiếng Anh chưa tốt. Không nản lòng, Hoa đã lên kế hoạch mỗi ngày dành ít nhất 30 phút để học tiếng Anh. Cuối tuần, bạn ra Hồ Gươm mạnh dạn giao tiếp với người nước ngoài. Kiên trì từng ngày, chỉ sau một học kì, trình độ tiếng Anh của Hoa đã tiến bộ rõ rệt	1. Hoa đã gặp phải khó khăn gì trong việc học tiếng Anh ? 2. Hoa đã vượt qua khó khăn đó như thế nào ? 3. Siêng năng, kiên trì học tiếng Anh đã mang lại điều gì cho bạn thuở 4. Em rút ra bài học gì từ việc rèn luyện kiên trì của Hoa	
Nhóm 4,5,6: Vân có số cân nặng nhiều hơn so với các bạn cùng trang lứa. Được mọi người góp ý, Vân quyết tâm giảm cân. Hằng ngày, Vân dậy sớm tập thể dục. Có những hôm trời mùa đông giá lạnh, Vân vẫn không bỏ buổi tập nào. Bên cạnh đó, Vân thực hiện nghiêm túc chế độ ăn uống khoa học như: hạn chế ăn đồ ngọt, ăn ít tinh bột, nhiều rau xanh, hoa quả, ... Nhờ siêng năng, kiên trì tập luyện kết hợp với ăn uống khoa học, Vân đã giảm cân và có ngoại hình cân đối	1. Trong cuộc sống hạm Vân gặp khó khăn gì 2. Bạn đã tìm cách vượt qua khó khăn đó như thế nào? 3. Siêng năng , kiên trì và mang lại điều gì cho bạn Vân 4. Em rút ra bài học gì từ việc rèn luyện siêng năng , kiên trì của Vân	

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên tiếp tục sử dụng các nhóm đã thực hiện nội dung 2 để thực hiện nhiệm vụ 3, mỗi nhóm sẽ thực hiện một nhiệm vụ sau <i>Nhóm 1,2,3: Đọc tình huống 1 và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập</i> <i>Nhóm 4,5,6: Đọc tình huống 2 và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung nhóm mình Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	2. Ý nghĩa của siêng năng, kiên trì + Siêng năng, kiên trì là chìa khoá giúp con người thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.

- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... GV tóm tắt ý kiến thảo luận của HS và kết luận về ý nghĩa của siêng năng kiên trì . + Nhờ siêng năng kiên trì các bạn Hoa và Vân đã gặt hái được kết quả tốt đẹp trong học tập và rèn luyện thân thể + Siêng năng, kiên trì có ý nghĩa giúp con người thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.	
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể

b. Nội dung:

- Bài tập 1: Học sinh làm việc cá nhân, quan sát tranh và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Các nhóm mô tả và chỉ ra được ý nghĩa mà các bức tranh đề cập

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bài tập 1: Em hãy quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên gọi một số học sinh quan sát tranh và trả lời câu hỏi liên quan đến tranh Tranh 1 : GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi : Tranh 2: GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời: Bạn Nam đã siêng năng, kiên trì như thế nào để thực hiện ước mơ của mình? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	Bài 1: Tranh 1: Để có kết quả học tập tốt hơn, bạn cần giảm bớt thời gian chơi điện tử, chăm chỉ học bài và làm bài đầy đủ. Tranh 2: Để thực hiện ước mơ trở thành môn giỏi, bạn Nam đã siêng năng, kiên trì rèn luyện thân thể nâng cao sức khỏe và kỹ năng bắt bóng.

- Học sinh quan sát tranh và suy nghĩ về câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Các học sinh lần lượt trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên nhận xét kết quả của các nhóm và khái quát nội dung: Bài tập 2: a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể b. Nội dung: - Bài tập 2: Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ thực hiện một nhiệm vụ giáo viên đặt ra để hoàn thành các bài tập và tình huống trong sách giáo khoa. c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh: - Giải quyết được các tình huống trong sách giáo khoa để từ đó rút ra ý nghĩa cho bản thân mình d. Tổ chức thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Nhóm 1,2,3: Đọc tình huống 1 và trả lời các câu hỏi Nhóm 4,5,6: Đọc tình huống 2 và trả lời các câu hỏi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm tiến hành đọc và giải quyết tình huống Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên nhận xét kết luận với từng nội dung cụ thể để giúp học sinh có định hướng xử lý các tình huống diễn ra trong thực tế cuộc sống.	Bài 2: TH1: a) Theo em, Hân nên tham gia. Tại vì đó là cơ hội để bạn học hỏi và trau dồi thêm những gì mà bạn đang thiếu. b) Hân cần cố gắng, kiên trì, chăm chỉ học từ vựng mỗi ngày. TH2: a) Việc làm của Hòa trong tình huống trên thể hiện bạn thiếu đức tính chăm chỉ và kiên trì. b) Nếu là bạn của Hoa em sẽ khuyên bạn nên cố gắng chăm chỉ tham gia, vì qua các phong trào này bạn học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm và đặc biệt là trau dồi cho bạn 1 lượng kiến thức khác lớn.
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống

b. Nội dung:

Học sinh thực hiện bài tập này tại nhà dưới sự hướng dẫn của giáo viên

Bài tập 2: Em hãy xây dựng và thực hiện kế hoạch khắc phục những biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì của bản thân, sau đó chia sẻ kết quả thực hiện với thầy cô và các bạn?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh sưu tầm được một tấm gương thành công do siêng năng kiên trì và rút ra được ý nghĩa

- Xây dựng được kế hoạch để khắc phục những biểu hiện chưa siêng năng

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Bài tập 2: GV hướng dẫn HS nêu những biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì của bản thân (trong học tập, rèn luyện thân thể, lao động ...) và lập kế hoạch để khắc phục nhược điểm này theo mẫu sau

Biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì	Kế hoạch khắc phục

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV lựa chọn một vài bài viết đọc cho cả lớp cùng nghe vào tiết sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Siêng năng, kiên trì là đức tính quý mà mỗi người cần tu dưỡng, rèn luyện. Đó chính là chìa khoá giúp chúng ta thành công trong công việc và cuộc sống. Người có tính siêng năng, kiên trì luôn nhận được sự yêu thương, quý trọng của mọi người

* Hướng dẫn tự học:

- Hệ thống các kiến thức đã học.
- Hoàn thành các bài tập
- Đọc và chuẩn bị bài: Tôn trọng kỉ luật:
- + Đọc trước nội dung bài
- + Trả lời các câu hỏi phân ngữ liệu
- + Đọc trước ghi nhớ

TIẾT 8,9,11	TÔN TRỌNG SỰ THẬT	NS: 2/10/2023
------------------------	--------------------------	----------------------

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

Sau khi học xong bài này, học sinh có thể:

- Nêu được khái niệm và một số biểu hiện về tôn trọng sự thật.
- Nhận được ý nghĩa của tôn trọng sự thật.
- Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật và đấu tranh để bảo vệ sự thật

2. Kỹ năng và năng lực

a. Kỹ năng: quan sát, thực hành, làm việc nhóm

b. Năng lực:

- Năng lực phát hiện vấn đề;
- Năng lực giao tiếp;
- Năng lực hợp tác;
- Năng lực tự học.

3. Phẩm chất:

- Trung thực
- Dũng cảm đấu tranh để bảo vệ sự thật; tố cáo những suy nghĩ và việc làm trái với sự thật

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- KHBG, Sách giáo viên, Sách giáo khoa Giáo dục công dân 6.
- Một số tranh ảnh được phóng to, một số mẫu chuyện gắn với nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa Giáo dục công dân 6.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “truyền tin”

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao NV học tập GV hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “truyền tin” - Cách chơi: Mỗi đội gồm 5 - 7 người, quản	

trò sẽ nói nhỏ một câu nói dễ nhầm lẫn cho người đầu hàng. Nhiệm vụ của người nghe là phải truyền tai nhau câu nói đó. Người cuối cùng sẽ nói to câu đó, đội nói đúng sẽ thắng cuộc.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

1. Để trở thành người thắng cuộc các thành viên tham gia trò chơi cần tuân thủ điều gì?
2. Em rút ra bài học gì từ trò chơi đó?

1. Để trở thành người thắng cuộc các thành viên tham gia trò chơi cần tuân thủ:

- + Cần tập trung
- + Chú ý lắng nghe
- + Truyền đạt đúng thông tin ban đầu

2. Em rút ra bài học từ trò chơi này là: ngoài việc trò chơi mang lại niềm vui cho chúng ta, thì còn muốn nhắc nhở chúng ta cần phải thận trọng, trung thực khi truyền đạt thông tin.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu mục I. Tôn trọng sự thật và biểu hiện của tôn trọng sự thật

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm và các biểu hiện của tôn trọng sự thật

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao NV học tập	I. Tôn trọng sự thật và biểu hiện của tôn trọng sự thật

Nhiệm vụ 1. GV hướng dẫn HS tìm hiểu câu chuyện “Dù sao trái đất vẫn quay” ở SGK bằng cách mời một HS đọc to, rõ ràng câu chuyện, cả lớp lắng nghe. Sau khi HS đọc truyện, GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi theo câu hỏi:

? Nhà bác học Ga-li-lê đã tôn trọng sự thật như thế nào?

? Từ câu truyện trên, em hiểu thế nào là sự thật và tôn trọng sự thật?

Nhiệm vụ 2. GV yêu cầu HS quan sát thông tin, hình ảnh trong SGK ; sau đó thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi :

- Em hãy tìm biểu hiện của tôn trọng sự thật qua các bức hình trong SGK?
- Em hãy kể thêm các biểu hiện của tôn trọng sự thật?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

a) Khái niệm :

- Sự thật là những gì có thật trong cuộc sống hiện thực.
- Tôn trọng sự thật là công nhận cái có thật, đã và đang diễn ra trong thực tế; suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật.

b) Biểu hiện

- Biểu hiện của tôn trọng sự thật là:
 - + Suy nghĩ, nói và hành động theo đúng sự thật.
 - + Đấu tranh để bảo vệ sự thật
 - + Phê phán những hành vi không tôn trọng sự thật

Hoạt động 2. Tìm hiểu mục II. Ý nghĩa của tôn trọng sự thật

a. Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao NV học tập GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm nghiên cứu một trường hợp trong SGK và trả lời các câu hỏi.	II. Ý nghĩa của tôn trọng sự thật:

a) *Nêu suy nghĩ của em về nội dung đoạn hội thoại?*

b) *Theo em, việc tôn trọng sự thật có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
 - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

a) Suy nghĩ: nội dung đoạn hội thoại: đã giúp em có được 1 bài học quý giá nói thật, sống trung thực giúp tâm hồn thanh thản, bình an và sức khỏe tốt hơn.

Ý nghĩa của tôn trọng sự thật:

- Góp phần bảo vệ cuộc sống, bảo vệ những giá trị đúng đắn, tránh nhầm lẫn, oan sai;
- Giúp con người tin tưởng, gắn kết với nhau hơn;
- Làm cho tâm hồn thanh thản và cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.
- Người tôn trọng sự thật là người thẳng thắn, trung thực, được mọi người tin tưởng, kính trọng.

Hoạt động 3. Tìm hiểu mục III. Cách tôn trọng sự thật

a. Mục tiêu: HS trình bày được những biện pháp, hành động để tôn trọng sự thật

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao NV học tập GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm nghiên cứu một trường hợp trong SGK và trả lời các câu hỏi. <i>? Nhận xét về cách ứng xử của mỗi nhân vật trong các thông tin?</i>	III. Cách tôn trọng sự thật: - Bạn vũ rất sùng cảm, khéo léo khi tố cáo hành động của tên trộm với chú phụ xe bus. - Bạn Dũng thẳng thắn, chân

? Thảo luận về cách tôn trọng sự thật?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
 - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới

thành và tế nhị khi khuyên bạn nhận lỗi và phản ánh sự thật với thầy giáo.

- Bạn Nam không trung thực khi không dám nhận lỗi do mình gây ra, mà đổ lỗi cho người khác

- Mẹ Dung là người từ tốn, tinh tế, khéo léo trong việc đáp lại lời mời; bạn Dung thiếu tinh tế, khéo léo khi nói sự thật

- Cách tôn trọng sự thật: Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ dũng cảm, khéo léo, tinh tế và nhân ái.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết và xử lý tình huống.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi phần luyện tập SGK.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi phân vận dụng trong SGK.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Hướng dẫn tự học

- Học bài, trả lời câu hỏi sách giáo khoa
- Ôn tập để kiểm tra giữa kì 1: Từ bài 1 đến hết bài 3
- Tìm hiểu trước nội dung bài 5: Tự lập

TIẾT 10	KIỂM TRA GIỮA KỲ 1	NS: 5/11/2023
--------------------	---------------------------	----------------------

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 1-9) so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo Viên: Đề, hướng dẫn chấm
2. Học sinh: Giấy, bút, thước.

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp.
2. Phát đề kiểm tra
3. Làm bài
4. Thu bài
5. Hướng dẫn tiết sau học: Tôn trọng sự thật (tt)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: GDCD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MA TRẬN ĐỀ

T T	Mạch h nội dung	Nội dung/chủ đề/bài	Mức độ đánh giá								Tổng		Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tỉ lệ %		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Giáo dục đạo đức	Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	4 câu	½ câu		½ câu							
		Tỉ lệ	20%	10 %		10%					20 %	20 %	4
		Yêu thương con người			4 câu								
		Tỉ lệ			20 %						20 %		2

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

		Siêng năng, kiên trì	2 câu					2/3 câu		1/3 câu			
		Tỉ lệ	10%					20 %		10 %	10 %	30 %	4
Tổng câu			6	1/2	4	1/2		2/3		1/3			13
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%				10
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%		

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: GD CD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Tự hào về truyền thống gia đình dòng họ.	Nhận biết: -Truyền thống gia đình dòng họ. -Ý nghĩa, giữ gìn truyền thống gia đình dòng họ. Thông hiểu: -Hiểu được cách giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình dòng họ..	4 TN, 1/2TL	1/2TL		
2		Yêu thương con người	Thông hiểu: - Biểu hiện, hành động ý nghĩa của lòng yêu thương con người		4 TN		
3		Siêng	Nhận biết:	2TN		2/3 TL	1/3 TL

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

		năng, kiên trì.	-Biểu hiện siêng năng, kiên trì. Vận dụng: - Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa có đức tính siêng năng, kiên trì cần cố gắng hoàn thiện đức tính này. Vận dụng cao: - Thực hiện được đức tính siêng năng kiên trì trong học tập và cuộc sống.				
Tổng				6 TN, 1/2TL	4TN, 1/2TL	2/3 TL	1/3TL
Tỉ lệ %				40 %	30 %	20 %	10 %
Tỉ lệ chung				70 %		30 %	

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm có 02 trang)

KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: GDCD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)*

MÃ ĐỀ A

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước câu trả lời đó.

Câu 1: Truyền thống là những giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ được:

- A. truyền từ đời này sang đời khác. B. mua bán, trao đổi trên thị trường.
C. nhà nước ban hành và thực hiện. D. đời sau bảo vệ nguyên trạng.

Câu 2: Tiếp nối, phát triển và làm rạng rỡ truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ được gọi là?

- A. gia đình trên dưới có sự đoàn kết, đồng lòng nhất trí.
B. tất cả thành viên được vui vẻ, gia đình hạnh phúc.
C. giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.
D. gia đình văn hóa, có nề nếp gia phong, tôn ti trật tự.

Câu 3: Ý nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

- A. giúp ta có thêm kinh nghiệm và sức mạnh trong cuộc sống.
B. giúp ta có thêm tiền tiết kiệm.
C. giúp ta có rất nhiều bạn bè trong đời sống.
D. giúp ta không phải lo về việc làm.

Câu 4: Câu tục ngữ nào dưới đây khuyên chúng ta giữ truyền thống văn hóa tốt đẹp của gia đình dòng họ?

- A. Có qua có lại mới toại lòng nhau.
B. Giấy rách phải giữ lấy lề.
C. Vung tay quá trán.
D. Qua cầu rút ván.

Câu 5: Ý kiến nào sau đây là đúng khi nói về lòng yêu thương con người?

- A. tình yêu thương giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn.
B. yêu thương là phải nghĩ tốt, bênh vực cả những người làm điều xấu.
C. chỉ cần yêu thương những người trong gia đình, dòng họ của mình.
D. giúp đỡ người khác, hi vọng người đó trả ơn, báo đáp lại cho mình.

Câu 6: Hành động nào không biểu hiện lòng yêu thương con người?

- A. quyên góp sách giáo khoa cũ, đồ dùng học tập cho học sinh vùng lũ lụt.
B. chăm sóc, quan tâm ông bà, bố mẹ, anh chị em của mình khi bị ốm đau.

C. giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp và trong trường.

D. bao che cho hành động sai trái của bạn bè chơi thân với mình trong lớp.

Câu 7: Phẩm chất đạo đức nào dưới đây gắn liền với biểu hiện của yêu thương con người?

A. Nhỏ nhen.

B. Ích kỷ

C. Bao dung

D. Vô cảm

Câu 8: Yêu thương con người, chúng ta sẽ nhận được điều gì?

A. mọi người yêu quý và kính trọng.

B. người khác nể và yêu quý.

C. mọi người coi thường.

D. mọi người xa lánh.

Câu 9: Kiên trì là gì?

A. bỏ dở công việc

B. thường xuyên làm việc.

C. quyết tâm làm đến cùng.

D. tự giác làm việc.

Câu 10: Câu ca dao, tục ngữ nào dưới đây nói về siêng năng, kiên trì?

A. Máu chảy ruột mềm.

B. Kiên tha lâu cũng đầy tổ.

C. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

D. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

PHẦN II: TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

a. Kể tên bốn truyền thống gia đình dòng họ mà em biết?

b. Theo em mỗi người cần làm gì để giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ ?

Câu 2 (3.0 điểm): Vào mỗi buổi tối lúc 7 giờ, Nam thường ngồi vào bàn học bài và làm bài tập. Những bài tập đầu Nam làm rất nhanh, nhưng đến các bài tập sau Nam đọc và thấy khó quá nên đã qua nhà Tuấn nhờ bạn ấy giải hộ cho nhanh.

a. Em hãy nhận xét về việc làm của Nam? Nếu là bạn của Nam, em sẽ khuyên bạn ấy như thế nào?

b. Hãy chia sẻ những việc em đã làm để thể hiện tính kiên trì, siêng năng trong học tập?

-Hết-

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm có 02 trang)

KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: GD CD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ B

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước câu trả lời đó.

Câu 1: Truyền thống tốt đẹp của gia đình dòng họ là:

A. Là những giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ được lưu truyền từ đời này qua đời khác.

B. Là của cải vật chất được truyền từ đời này sang đời khác.

C. Là những câu chuyện được truyền từ đời này sang đời khác.

D. Là những bài học được truyền từ đời này sang đời khác.

Câu 2: Biểu hiện của giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ là?

A. thay đổi cách làm để những truyền thống của gia đình, dòng họ ngày càng được phát triển.

B. buồn vì dòng họ mình không ai đỗ đạt cao.

C. mặc cảm vì có bố mẹ là người lao động chân tay.

D. không thích nghề của gia đình vì cho rằng nó tầm thường.

Câu 3: Hành vi nào dưới đây thể hiện sự giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

A. Tâm cho rằng gia đình, dòng họ mình không có truyền thống tốt đẹp nào.

B. Lan chăm chú nghe cha mẹ kể về truyền thống gia đình, dòng họ mình.

C. Bình chê nghề làm đồ gốm truyền thống của gia đình là nghề lao động vất vả, tầm thường.

D. Tuấn cho rằng dòng họ là những gì xa vời, không cần quan tâm lắm.

Câu 4: Gia đình Hòa luôn động viên con cháu trong gia đình theo ngành Y để làm nghề làm thuốc nam. Hòa đã thi đỗ Đại học Y Hà Nội. Việc làm đó thể hiện điều gì?

A. giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.

B. yêu thương con cháu.

C. giúp đỡ con cháu.

D. quan tâm con cháu.

Câu 5: Lòng yêu thương con người xuất phát từ đâu?

A. xuất phát từ lòng chân thành, vô tư, trong sáng.

B. xuất phát từ sự ban ơn.

C. xuất phát từ lòng thương hại.

D. xuất phát từ sự giàu có.

Câu 6: Lòng yêu thương con người có ý nghĩa nào?

A. khi giúp đỡ người khác, là cách thể hiện mình trước người khác.

B. mục đích sau này được người đó trả ơn, báo đáp lại cho mình.

C. giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn, hoạn nạn.

D. đánh bóng tên tuổi của mình, để được mọi người khen ngợi.

Câu 7: Yêu thương con người, chúng ta sẽ nhận được điều gì?

- A. mọi người yêu quý và kính trọng.
B. mọi người kính nể và sợ hãi.
C. mọi người coi thường.
D. mọi người xa lánh.

Câu 8: Ý kiến nào dưới đây không đúng?

- nghĩa
- A. tình yêu thương giúp con người vượt qua khó khăn trong cuộc sống.
 - B. tình yêu thương làm cho mọi người gần gũi nhau hơn cuộc sống thêm ý nghĩa
 - C. quan tâm giúp đỡ mọi người là biểu hiện của yêu thương con người.
 - D. chỉ có người già, người khuyết tật mới cần tình yêu thương của mọi người.

Câu 9: Đây là biểu hiện của siêng năng?

- A. cần cù
C. quyết tâm
- B. nản lòng
D. chông chán

Câu 10. Kiên trì là:

- A. thường xuyên làm việc
B. bỏ cuộc giữ chừng
C. quyết tâm làm đến cùng.
D. tự giác làm việc.

PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm):

- a. Em hãy nêu 4 truyền thống gia đình dòng họ mà em biết?
- b. Gia đình Lan bao đời nay có truyền thống hiếu học. Ai cũng đạt thành tích cao trong học tập. Theo em bạn Lan nên làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình của mình?

Câu 2 (3.0 điểm): Tối nào sau khi ăn cơm tối cùng gia đình xong Long cũng vội vào bàn học và làm bài tập về nhà và soạn bài mới. Long chỉ đọc qua loa vài giải những bài tập dễ trước. Đối với những bài tập khó Long không chịu suy nghĩ mà giở sách giải ra chép, Long cho rằng làm vậy cho nhanh khỏi phải suy nghĩ mất thời gian.

- a. Nhận xét về việc làm của Long? Nếu là bạn của Long, em sẽ khuyên bạn ấy như thế nào?
- b. Hãy chia sẻ những việc em đã làm để thể hiện tính kiên trì, siêng năng trong học tập?

(Hết)

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Hướng dẫn chấm này có 01 trang)

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	A	B	A	D	C	A	C	B

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1. (2,0 điểm)	Hs có thể trả lời các đáp án sau: a. Bốn truyền thống gia đình dòng họ: hiếu thảo, yêu nước, cần cù lao động, giữ nghề truyền thống.	1.0
	b. Chúng ta cần tìm hiểu để tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ mình, từ đó có những việc làm phù hợp với khả năng để phát huy truyền thống.	1.0
Câu 2. (3,0 điểm)	a. - Nam có biểu hiện siêng năng học tập và làm bài tập đầy đủ. Nhưng Nam lại thiếu tính kiên trì vì không quyết tâm làm bài tập khi gặp bài khó. - Em sẽ khuyên Nam : Là học sinh, nếu chỉ có tính siêng năng thôi chưa đủ, mà còn phải có tính kiên trì mới đạt kết quả tốt trong học tập. Muốn có tính kiên trì thì cần phải thường xuyên rèn luyện ngay từ khi còn nhỏ-	1,0 1.0
	b. Học sinh chia sẻ những việc mình đã làm để thể hiện tính kiên trì, siêng năng trong học tập: <i>luôn hoàn thành các nhiệm vụ học tập thầy cô giao; gặp bài khó cố gắng thực hiện hoàn thành.....</i>	1,0

***Lưu ý: HSKT CHỈ CẦN LÀM ĐÚNG 5 CÂU TN LÀ ĐẠT**

GV trong quá trình chấm có thể linh hoạt với những cách giải thích khác phù hợp

MÃ ĐỀ B

(Hướng dẫn chấm này có 01 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	A	B	A	A	C	A	D	A	C

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1. (2,0 điểm)	Hs có thể trả lời các đáp án sau: a. Truyền thống gia đình, dòng họ: yêu nước, hiếu thảo, hiếu học, cần cù lao động.	1,0
	b. Bạn Lan cố gắng học thật giỏi để duy trì và phát huy truyền thống hiếu học của gia đình mình..	1,0
Câu 2. (3,0 điểm)	a.- Long có biểu hiện siêng năng học tập và làm bài tập đầy đủ. Nhưng Long lại thiếu tính kiên trì vì không quyết tâm làm bài tập khi gặp bài khó - Em sẽ khuyên Long : Là học sinh, nếu chỉ có tính siêng năng thôi chưa đủ, mà còn phải có tính kiên trì mới đạt kết quả tốt trong học tập. Muốn có tính kiên trì thì cần phải thường xuyên rèn luyện ngay từ khi còn nhỏ. Nếu bạn cứ phụ thuộc vào sách giải thì sẽ không hiểu được kiến thức, sẽ bị lệ thuộc và như vậy kết quả học tập sẽ không cao.	1,0 1,0
	b. Học sinh chia sẻ những việc mình đã làm để thể hiện tính kiên trì, siêng năng trong học tập: <i>luôn hoàn thành các nhiệm vụ học tập thầy cô giao; gặp bài khó cố gắng thực hiện hoàn thành.....</i>	1,0

***Lưu ý: HSKT CHỈ CẦN LÀM ĐÚNG 5 CÂU TN LÀ ĐẠT**
GV trong quá trình chấm có thể linh hoạt với những cách giá.

TIẾT 12,13	TỰ LẬP	04/10/2023
-------------------	---------------	-------------------

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm tự lập.
- Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- *Tự chủ và tự học*: Tự lập, tự học tập.
- *Năng lực giao tiếp*: Chủ động, tự tin, trong giao tiếp, thể hiện sự tự lập.
- *Năng lực giải quyết vấn đề*: Có khả năng nhận thức các vấn đề, đưa ra các phương án giải quyết các vấn đề liên quan đến bản thân.

b. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Có kiến thức cơ bản để tự nhận thức, tự quản lí, tự bảo vệ bản thân.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Hoàn thiện bản thân nhằm nâng cao giá trị bản thân, đạt những mục tiêu cuộc sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, của bản thân, lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện của bản thân mình
- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.

3. Về phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Tự rèn luyện tính tự lập của bản thân trong đời sống
- *Trách nhiệm*: Tích cực, chủ động hoàn thành nhiệm vụ học tập, lao động, các hoạt động tập thể, hoạt động đội.

HSKT: Nhận biết biểu hiện và biết cách thực hiện tự lập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Thiết bị dạy học: Kế hoạch bài dạy, máy tính, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu:

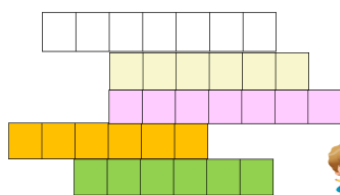
- Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.
- Học sinh bước đầu nhận biết về tính tự lập để chuẩn bị vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Chuyển giao nhiệm vụ (nội dung): Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “Ô chữ bí mật”	



TRÒ CHƠI GIẢI Ô CHỮ



- Giải ô chữ để tìm từ khóa. Ai tìm được từ khóa nhanh nhất sẽ chiến thắng.

Luật chơi:

- + Có 5 ô chữ với các màu sắc khác nhau. Mỗi bạn có 1 lượt chọn và trả lời câu hỏi.
- + Mỗi bạn có 10 giây suy nghĩ.
- + Mỗi câu hỏi trả lời đúng đạt 10 điểm, trả lời sai không có điểm.

1. Hàng ngang gồm 7 chữ cái, chỉ thành tích nổi bật của học sinh mức bình thường.
2. Hàng ngang 2 gồm 6 chữ cái, chỉ sự đối lập và ý lại.
3. Hàng ngang số 3 gồm 7 chữ cái chỉ sự đồng nghĩa với làm việc.
4. Hàng ngang 4 gồm 6 chữ cái, chỉ hoạt động chính học sinh, trường học.
5. Hàng ngang số 5 gồm 6 chữ cái, chỉ thái độ tôn trọng và đúng mực đối với người lớn tuổi.

- Sau khi chơi, GV yêu cầu HS chia sẻ những hiểu biết về từ chìa khoá “**TỰ LẬP**” và dẫn dắt vào bài học.

* Thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm):

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.
- HS xung phong chơi trò chơi, cá nhân lần lượt trình bày các câu trả lời.

* Báo cáo, thảo luận:

- Ô chữ hàng ngang:

1. Xuất sắc
2. Tự giác
3. Làm việc
4. Học tập
5. Lễ phép

- Từ khóa: Tự lập * Kết luận, nhận định: Tự lập là một đức tính tốt của con người. Bài học hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tính tự lập.	
---	--

[illegible]

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

bức, bức lột đã làm nên sự nghiệp lớn - đó là tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc.

Từ câu chuyện trên, chúng ta nhận thấy Bác là người có ý chí tự lập, có quyết tâm lớn và không ngại khó khăn, gian khổ. Tự làm, tự giải quyết công việc của mình không dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.

=> Biểu hiện ấy của Bác chính là biểu hiện của một con người có tính tự lập. Vậy em hiểu thế nào là tự lập

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu biểu hiện của Tự lập.

HSKT: Nhận biết biểu hiện tự lập

a) Mục tiêu:

- Học sinh nêu được các biểu hiện của của người có tính tự lập.
- Học sinh được phát triển năng lực phát triển bản thân.

b) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn học sinh quan sát 3 bức tranh trong SGK, kết hợp với đọc thông tin và đặt một số câu hỏi để HS tìm hiểu về biểu hiện của tự lập và trái với tự lập trong học tập và sinh hoạt.

+ *Các bạn trong tranh đã tự làm được những việc gì? Bạn nào chưa làm được những việc của mình ?*

+ *Theo em việc làm nào là biểu hiện của tự lập? Vì sao?*

- Sau khi HS trả lời, GV tiếp tục nêu câu hỏi:

? *Nêu những biểu hiện của tự lập và trái với tự lập ?*

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS nghe hướng dẫn

- HS quan sát tranh, suy nghĩ câu trả lời

* Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời

+ Tranh 1: Tự khâu vá quần áo

+ Tranh 2: Bạn nữ chưa tự lập khi hỏi chép bài bạn nam

+ Tranh 3: Bạn Hải rất tự lập, không dựa dẫm vào người nhà

+ *Biểu hiện của tự lập:*

- Luôn tự tin

- Luôn cố gắng khắc phục khó khăn để tự giải quyết các vấn đề trong khả năng của mình.

- Luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên trong học tập, cuộc sống

- Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại vào người khác

2. Biểu hiện của tính tự lập

- Là sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn thử thách.

+ <i>Biểu hiện chưa tự lập:</i> - Lười biếng, hèn nhát - Luôn dựa dẫm, ỷ lại vào người khác - Đùn đẩy trách nhiệm, trốn tránh công việc - Không tự giác trong công việc * <i>Kết luận, nhận định:</i> GV nhấn mạnh những việc nên làm để rèn luyện tính tự lập như chăm chỉ, chủ động học hỏi những điều chưa biết, tích cực học tập và tham gia các hoạt động tập thể - xã hội.	- Có ý chí nỗ lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. - Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người khác.
--	--

[illegible]

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

+ Tình huống 2: Tính tự lập của anh Luận đã mang lại cho anh điều là: doanh nghiệp của anh ngày càng phát triển, tạo công ăn việc làm cho nhiều người. + Đối với bản thân: Giúp thành công trong cuộc sống và được mọi người tôn trọng; Có thêm kinh nghiệm sống, kinh nghiệm trong công việc; Rèn đức tính kiên trì, nhẫn nại để vượt lên mọi hoàn cảnh; + Đối với gia đình: cha mẹ rất hạnh phúc, mọi thành viên trong gia đình cũng yên tâm hơn khi mỗi cá nhân đều tự lo cho bản thân, không dựa dẫm, ỷ lại vào gia đình. + Đối với xã hội: Góp phần phát triển xã hội * Kết luận, nhận định: GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về biểu hiện, ý nghĩa của tự lập và tổng kết những nội dung chính của bài học (sgk/25)	nại để vượt lên mọi hoàn cảnh; + Đối với gia đình: Khi con biết tự lập, cha mẹ rất hạnh phúc vì thấy con mình trưởng thành, tự lo được cho bản thân. Mọi thành viên trong gia đình cũng yên tâm hơn khi mỗi cá nhân đều tự lo cho bản thân, không dựa dẫm, ỷ lại vào gia đình. + Đối với xã hội: Góp phần phát triển xã hội
--	--

2.4. Xây dựng cách rèn luyện tính tự lập.

a) Mục tiêu: HS thấy được sự cần thiết phải rèn luyện tính tự lập và đề xuất được cách rèn luyện tính tự lập.

b) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ (nội dung): ? Trước những người có tính tự lập em có tình cảm gì? ? Em hãy đánh giá khả năng tự lập của bản thân? (Em đã biết tự lập chưa? Kể những việc làm của em thể hiện tính tự lập?) ? Đề xuất cách rèn luyện tính tự lập? * Thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm): - Suy nghĩ câu trả lời * Báo cáo, thảo luận: - HS lần lượt trình bày câu trả lời, các HS khác nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần) * Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt vấn đề.	4. Cách rèn luyện tính tự lập: - Chúng ta cần chủ động làm việc. - Tự tin và quyết tâm khi thực hiện hành động. - Học sinh rèn luyện tính tự lập trong học tập, công việc và sinh hoạt hằng ngày.
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá, áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao bài tập cho HS.	* Luyện tập
---	---------------------------

Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn

Biểu hiện của tự lập là gì?

- A. Luôn làm theo ý mình, không nghe ý kiến của người khác.
- B. Sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn, thử thách; có ý chí nỗ lực phấn đấu, vươn lên trong học tập, công việc và cuộc sống.
- C. Sẵn sàng làm mọi cách để đạt mục đích của mình.
- D. Tự mình làm, không hợp tác với người khác trong công việc.

* Thực hiện nhiệm vụ: Suy nghĩ lựa chọn đáp án

* Báo cáo, thảo luận:

- Đáp án: **B**

* Kết luận, nhận định:

* Chuyển giao nhiệm vụ (nội dung):

1. *Sưu tầm ca dao, tục ngữ, châm ngôn nói về tính tự lập.*

* Thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm)

- HS suy nghĩ

* Báo cáo, thảo luận

- Phát biểu cá nhân HS khác bổ sung.

* Kết luận, nhận định

Bài tập. Sưu tầm ca dao, tục ngữ:

- Tự lực cánh sinh

- Đi bằng đôi chân của mình.

- Đói thì đầu gối phải bò, ...

- Nước lã mà vã nên hồ

Tay không mà dựng cơ đồ mới ngoan.

- Làm người ăn tối lo mai/

Việc mình hồ để để ai lo giùm

* Chuyển giao nhiệm vụ (nội dung):

- BT2. Em hãy kể về 1 hành vi ỷ lại, dựa dẫm và phụ thuộc vào người khác mà em đã gặp hoặc nghe kể trong học tập và cuộc sống. Em rút ra bài học gì từ những hành vi đó?

- BT3: Xử lý tình huống

1. Nếu là Hoa, em sẽ làm gì ?

Bài tập 2

- Biểu hiện của thói ỷ lại: thờ ơ với cuộc sống, công việc học tập của chính mình, không suy nghĩ cho tương lai, để mặc bố mẹ sắp đặt mọi việc, bé thì được mua điếm, lớn thì được chạy việc cho. Hay đơn giản hơn, từ những việc nhỏ nhất như dọn dẹp phòng ở, giặt giũ,... cũng lười nhác, để bố mẹ làm; gặp bài tập khó thì nhờ vả bạn bè,...

- Hậu quả của thói ỷ lại:

Người sống ỷ lại, quen dựa dẫm thường lười lao động, suy nghĩ, tư duy, thiếu năng lực đưa ra quyết định trong những hoàn cảnh cần thiết. Từ đó, họ không làm chủ được cuộc đời, không có bản lĩnh, không có sáng tạo,... dễ gặp thất bại trong mọi việc.

Tương lai của đất nước không thể phát triển tốt đẹp nếu những chủ nhân tương lai của đất nước đều lười biếng, ỷ lại như vậy.

Bài tập 3

a) Nếu là Hoa em sẽ gọi điện hỏi mẹ cách nấu và tự tay vào bếp để tập nấu.

b) Nếu là Hải em sẽ nói An nên tự giác đến trường, không nên phiền bố mẹ như vậy vì nhà bạn gần trường có thể chịu khó đi, mình nên tập tính tự giác khi còn nhỏ từ những việc mình có thể làm.

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

2. Nếu là Hải, em sẽ nói gì với An ? * Thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm): - HS suy nghĩ kể được hành vi ý lại, dựa dẫm vào người khác * Báo cáo, thảo luận: - HS kể hành vi và hậu quả của hành vi dựa dẫm, ý lại - HS xử lý được tình huống BT3	
---	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng (1 phút giao nhiệm vụ/ HS tự thực hiện)

a) Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ: - Em hãy lập và thực hiện kế hoạch rèn luyện tính tự lập của bản thân. (Gợi ý SGK/25) * Thực hiện nhiệm vụ: - HS lập kế hoạch * Báo cáo, thảo luận: - HS báo cáo vào tiết học sau (phần Luyện tập) * Kết luận, nhận định	
---	--

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hệ thống bài học.
- Đọc và chuẩn bị bài “ Tự nhận thức bản thân”

TIẾT 14,15,18	TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN	NS: 1/12/2023
--------------------------	------------------------------	----------------------

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.
- Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân.
- Biết tôn trọng bản thân; xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- Điều chỉnh hành vi: có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống;
- Phát triển bản thân: lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân;
- Tự chủ và tự học: Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân ;
- Giao tiếp và hợp tác: Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, biết điều chỉnh hành vi của bản thân mình để phù hợp với mối quan hệ với các thành viên trong xã hội.

3. Về phẩm chất:

Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân;

Trách nhiệm: Có thói quen nhìn nhận đánh giá bản thân mình, có ý thức tu dưỡng và rèn luyện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, Sách giáo viên, Sách giáo khoa Giáo dục công dân 6.
- Một số tranh ảnh được phóng to, một số mẫu chuyện gắn với nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa Giáo dục công dân 6.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Tạo tình huống có vấn đề giúp HS nhớ lại và chia sẻ những thông tin của bản thân để tăng cường sự hiểu biết về nhau làm tiêu đề cho việc xây dựng bài mới.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi đóng vai “Phóng viên nhí”.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Phóng viên nhí” Luật chơi: - Một bạn học sinh đóng vai phóng viên xuống dưới lớp để phỏng vấn một số bạn với những câu hỏi liên quan đến bài học - Các bạn được phỏng vấn tự giới thiệu về mình ngắn gọn trước khi trả lời phỏng vấn. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới	- Câu trả lời của học sinh liên quan đến nội dung câu hỏi

->Trong cuộc sống hàng ngày mỗi việc làm của chúng ta đều phải được nhìn nhận lại. Bởi sau khi nhìn nhận lại việc làm của bản thân chúng ta mới nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy, khắc phục điểm yếu để tự hoàn thiện mình để sống tốt đẹp hơn.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu mục I. Thế nào là tự nhận thức bản thân ?

a. Mục tiêu:

- Trình bày được thế nào là tự nhận thức bản thân.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc, tìm hiểu thông tin về câu chuyện: “**Con gà**” đại bàng trong sách giáo khoa.

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh tìm hiểu: Thế nào là tự nhận thức bản thân?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc thông tin Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập Câu 1: “Con gà” đại bàng đã mong ước điều gì? Câu 2: Vì sao “Con gà” đại bàng không thực hiện được mong ước đó? Câu 3: Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì cho bản thân? Gv yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi: em hiểu tự nhận thức bản thân là gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và	I. Thế nào là tự nhận thức bản thân - Con gà “đại bàng” có mong ước được bay lên như những chú chim khác - Con gà” đại bàng không thực hiện được mong ước vì: Mặc dù ban đầu đã có ước muốn bay cao như đại bàng. Tuy nhiên nó luôn nghĩ nó là gà chứ không phải là loài chim nên không thể bay, không nhận thức được khả năng của bản thân mình. - Qua câu chuyện em rút ra bài học cho bản thân: + Phải biết nhận thức được điểm mạnh và điểm yếu của bản thân bản thân mình để phát huy điểm mạnh, đồng thời khắc phục điểm yếu. + Nếu chúng ta có mơ ước tốt đẹp, thì hãy theo đuổi ước mơ đó. Bằng cách hãy luôn cố gắng học hỏi thay đổi và hoàn thiện bản thân... - Tự nhận thức bản thân là biết nhìn nhận, đánh giá đúng về bản thân mình (khả năng, hiểu biết, tính cách, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu...)

thảo luận - GV mời HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới	
--	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu mục II. Ý nghĩa của tự nhận thức bản thân

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được vai trò, ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh trao đổi, thảo luận các ý kiến theo bảng
 - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh tìm hiểu: Vai trò, ý nghĩa của tự nhận thức bản thân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa, phiếu bài tập * Phiếu bài tập: Tìm hiểu ý nghĩa của tự nhận thức bản thân bằng cách hoàn thiện phiếu bài tập ? Qua đó hãy cho biết tự nhận thức bản thân có ý nghĩa như thế nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới	II. Ý nghĩa của tự nhận thức bản thân - Tự nhận thức đúng đắn về bản thân giúp em: + Nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy và điểm yếu để khắc phục. + Biết rõ mong muốn, những khả năng, khó khăn, thách thức của bản thân để có thể đặt ra mục tiêu, ra quyết định và giải quyết vấn đề phù hợp.

Hoạt động 3. Tìm hiểu mục III. Cách tự nhận thức bản thân

a. Mục tiêu:

- Nhận xét được điểm mạnh, điểm yếu, thói quen, hành động đúng/ chưa đúng của bản thân và của người khác trong hoạt động cụ thể.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin, quan sát tranh, tình huống
- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi để hướng dẫn học sinh tìm hiểu: Cách tự nhận thức bản thân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm .

Nhóm 1- Thông tin 1:

a) Hoa đã tự nhận thức bản thân bằng cách: ghi nhật kí hằng ngày, thường xuyên trao đổi với mọi người xung quanh, lắng nghe ý kiến mọi người, tham gia các hoạt động để khám phá bản thân

b) Chia sẻ về những cách khác để tự nhận thức hoàn thiện bản thân:

+ Ghi lại những cảm xúc và hành vi khi đối diện với cách tình huống căng thẳng.
+ Liệt kê các điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để đề ra hướng phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu.

+ Thuyết phục bạn bè, người thân chia sẻ những điều họ nghĩ về bạn.

+ Khi tương tác với những người mà bạn cảm thấy thoải mái, hãy hỏi họ những phản ứng về hành vi và hành động của mình.

+ Tập cách tư duy tích cực, lạc quan, sáng tạo và xây dựng sự tin tưởng với người khác.

+ Tích cực tham gia các hoạt động tập thể.

Nhóm 2- Thông tin 2:

a) Bình tuyệt đối hóa thần tượng. Bình nên sống thực với bản thân, không nên vì thần tượng mà thay đổi bản thân.

b) Không đồng tình với hành động, việc làm của Bình. Vì Bình đã không nhận thức được bản thân mình có đúng như vậy không mà chỉ vì thần tượng; việc làm này khiến cho Bình không còn là chính mình vì mãi thay đổi bản thân theo thần tượng.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua phiếu học tập: Nhóm 1- Thông tin 1: a) Hoa đã tự nhận thức bản thân bằng cách nào? b) Em còn biết thêm những cách nào khác để tự nhận thức bản thân? Hãy chia sẻ với các bạn.	III. Cách tự nhận thức bản thân: - Để tự nhận thức đúng về bản thân, em cần: + Đánh giá bản thân qua thái độ, hành vi, kết quả trong từng hoạt động, tình huống cụ thể. + Quan sát phản ứng và lắng nghe nhận xét của người khác về mình.

Nhóm 2- Thông tin 2: a) Em có nhận xét gì về hành động, việc làm của Bình? b) Em có đồng tình với hành động, việc làm đó không, vì sao? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới	+ So sánh những nhận xét, đánh giá của người khác về mình với tự nhận xét, đánh giá của mình. + Thân thiện, cởi mở, tích cực tham gia các hoạt động để rèn luyện và phát triển bản thân.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết và xử lý tình huống.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi phần luyện tập SGK.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi phần vận dụng trong SGK.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời.
- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

* Hướng dẫn tự học

- Học bài, trả lời câu hỏi sách giáo khoa, hoàn thành phiếu bài tập
- Tìm hiểu trước nội dung bài 7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm

TIẾT 16	ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1	NS: 17/12/2023
----------------	-----------------------------	-----------------------

I/ Mục tiêu.

1/ Về kiến thức:

Giúp HS củng cố, hệ thống hóa kiến thức đã học trong học kì I để chuẩn bị tốt cho việc kiểm tra cuối học kì đạt kết quả tốt

2/ Về năng lực:

- Phát triển năng lực tự sáng tạo, sáng tạo hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, năng lực giải quyết vấn đề.
- Tự nhận thức về giá trị bản thân, tự điều chỉnh hành vi cho phù hợp với pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội.
- Tự chịu trách nhiệm về các hành vi và việc làm của bản thân.
- Thực hiện trách nhiệm công dân với cộng đồng đất nước

II/ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Phát hiện được vấn đề cần tìm hiểu

b. **Nội dung:** Giáo viên nêu yêu cầu: HS nhắc lại các bài đã học

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV nêu yêu cầu HS hãy nhắc lại tên các bài đã học	- Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS làm việc cá nhân	- Bài 2: Yêu thương con người
Bước 3: Báo cáo kết quả: HS kể tên các bài đã học	- Bài 3: Siêng năng, kiên trì
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Bài 4: Tôn trọng sự thật - Bài 5: Tự lập - Bài 6: Tự nhận thức bản thân

1. Hoạt động 2: Ôn tập

a. Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức đã học

b. **Nội dung:** Giáo viên nêu yêu cầu: HS nhắc lại nội dung cụ thể các bài đã học

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------	------------------

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV nêu yêu cầu HS hãy nhắc lại nội dung cụ thể các bài đã học Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS làm việc cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả: HS nêu cụ thể nội dung các bài đã học Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ. + Tìm hiểu truyền thống các gia đình, dòng họ. + Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. + Việc cần làm để giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ. - Bài 2: Yêu thương con người + Thế nào là yêu thương con người + Biểu hiện của tình yêu thương con người. + Giá trị của tình yêu thương con người. - Bài 3: Siêng năng, kiên trì + Thế nào là siêng năng, kiên trì + Biểu hiện của siêng năng, kiên trì + Ý nghĩa của siêng năng, kiên trì - Bài 4: Tôn trọng sự thật + Thế nào là tôn trọng sự thật + Biểu hiện của tôn trọng sự thật + Ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật + Cách tôn trọng sự thật - Bài 5: Tự lập: + Thế nào là tự lập + Biểu hiện của tính tự lập + Ý nghĩa của tự lập - Bài 6: Tự nhận thức bản thân: + Thế nào là tự nhận thức bản thân + Ý nghĩa của tự nhận thức bản thân + Cách tự nhận thức bản thân
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

a. *Mục tiêu:* HS củng cố kiến thức đã học

b. *Nội dung:* Câu hỏi trắc nghiệm

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh

d. *Tổ chức thực hiện:*

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Gv phổ biến luật của trò chơi Ai nhanh, Ai giỏi với các câu hỏi trắc nghiệm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS làm việc cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả: HS nêu câu trả lời Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Đáp án của các câu hỏi trắc nghiệm

4. Hoạt động 3: Vận dụng

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học

b. Nội dung: Xử lý tình huống

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Gv nêu 1 số tình huống đã học trong các bài để hs xử lý Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS làm việc cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả: HS nêu câu trả lời Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Câu trả lời xử lý tình huống

**Hướng dẫn tự học*

- Học thuộc nội dung trong các bài đã học
- Tập xử lý các tình huống trong phần vận dụng của các bài
- Tiết sau: Thi cuối kì 1

TIẾT 17

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1

NS: 18/12/2023

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 1-16) so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo Viên: Đề, hướng dẫn chấm
2. Học sinh: Giấy, bút, thước.

III. Tiến trình dạy học

1. Ôn định lớp.
2. Phát đề kiểm tra
3. Làm bài
4. Thu bài

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

MA TRẬN ĐỀ

KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: GD CD – LỚP 6
Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

TT	Mạch nội dung	Nội dung/chủ đề/bài	Mức độ đánh giá								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Câu TN	Câu TL	Tổng điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL			
1	Giáo dục đạo đức	Yêu thương con người	1 câu								1 câu		0.5
		Tôn trọng sự thật	2 câu		2 câu				1 câu	4 câu	1 câu	3.0	
		Tự lập	2 câu			1 câu				2 câu	1 câu	3.0	
2	Giáo dục kĩ năng sống	Tự nhận thức bản thân	3 câu					1 câu			3 câu	1 câu	3.5
Tổng câu			8		2	1		1		1	10	3	10
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		50%	50%	
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%		

BẢNG ĐẶC TẢ

T T	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhâ □ biết	Thôn g hiều	Vậ d ng	Vậ d ng cao
1	Giáo dục đạo đức	Yêu thương con người	Nhận biết: - Yêu thương con người.	1TN			
		Tôn trọng sự thật	Nhận biết: - Tôn trọng sự thật, biểu hiện của tôn trọng sự thật. Thông hiểu: - Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tôn trọng sự thật. Vận dụng cao: - Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tôn trọng sự thật.	2TN	2TN		1TL
		Tự lập	Nhận biết: - Tự lập, biểu hiện của tự lập. Thông hiểu: - Giải thích vì sao cần phải tự lập?	2TN	1TL		
2	Giáo dục kĩ năng sống	Tự nhận thức bản thân	Nhận biết: - Tự nhận thức bản thân, ý nghĩa, những việc cần làm của tự nhận thức bản thân. Vận dụng thấp: Xác định và khắc phục điểm yếu của bản thân.	3TN		1TL	
Tổng				8TN	2TN, 1TL	1TL	1TL
Tỉ lệ %				40 %	30 %	20 %	10 %
Tỉ lệ chung				70 %		30 %	

(Đề này gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ A

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước phương án đó.

Câu 1: Yêu thương con người là gì?

- A. Giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn.
- B. Quan tâm người khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn.
- C. Yêu quý, kính trọng người lớn tuổi và những người xung quanh.
- D. Quan tâm, giúp đỡ người khác và làm những điều tốt đẹp cho người khác.

Câu 2: Tôn trọng sự thật là

- A. suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật.
- B. bịa đặt, vu khống, nói xấu về người khác.
- C. cương quyết bảo vệ ý kiến cá nhân đến cùng.
- D. giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn, hoạn nạn.

Câu 3: Biểu hiện của tôn trọng sự thật là gì?

- A. Nói đi học để đi chơi game.
- B. Nhận xét, đánh giá chưa đúng sự thật để có lợi cho mình.
- C. Nói đúng sự thật với thầy cô, bạn bè và những người xung quanh.
- D. Người dân nói không cung cấp đúng thông tin với những người có trách nhiệm thi hành pháp luật.

Câu 4: Em tán thành ý kiến nào dưới đây khi nói về biểu hiện của tôn trọng sự thật?

- A. Không ai biết thì không nói sự thật.
- B. Chỉ cần trung thực với một bạn là đủ.
- C. Không chấp nhận sự giả tạo, lừa dối.
- D. Nói bí mật của người khác cho bạn nghe.

Câu 5: Việc không nên làm để trở thành người tôn trọng sự thật?

- A. Biết nhận lỗi của bản thân và nhận thức khách quan về người khác.
- B. Trung thực trong thi cử, báo cáo thầy giáo về lỗi sai của bạn.
- C. Tố cáo hành vi, việc làm sai trái.
- D. Che giấu, bao biện lời nói dối của người khác.

Câu 6: Tự làm, tự giải quyết công việc, tự lo liệu, tạo dựng cuộc sống cho mình được gọi là

- A. trung thành
- B. trung thực
- C. tự lập

Câu 7: Hành động nào dưới đây là biểu hiện của đức tính tự lập?

- A. H đi dã ngoại nhưng bạn không tự chuẩn bị mà nhờ chị gái chuẩn bị giúp mình.
- B. L luôn tự dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm, giặt quần áo mà không cần bố mẹ nhắc nhở.
- C. Gặp bài toán khó, V giờ ngay phần hướng dẫn giải ra chép mà không suy nghĩ.
- D. Làm việc nhóm nhưng T không tự giác mà luôn ỷ lại vào các bạn.

Câu 8: Biết nhìn nhận, đánh giá về khả năng, thái độ, hành vi, việc làm, điểm mạnh, điểm yếu...của bản thân được gọi là

- A. thông minh
- B. tự nhận thức về bản thân.
- C. có kĩ năng sống
- D. tự trọng

Câu 9: Tự nhận thức bản thân sẽ giúp chúng ta thực hiện được những việc làm nào dưới đây?

- A. Tìm cách che giấu những điểm hạn chế của bản thân.
- B. Nhận ra được các thói quen xấu, có hại và duy trì thói quen đó.
- C. Tìm cách khắc phục điểm yếu và phát huy điểm mạnh của bản thân.
- D. Tự hào về bản thân và luôn cho rằng mình là người tài giỏi hơn người.

Câu 10: Đây là một trong những việc chúng ta cần làm để nhận thức đúng về bản thân?

- A. Quan sát phản ứng và lắng nghe nhận xét của người khác về mình.
- B. Sống nội tâm, không cần phải chia sẻ những cảm nhận của mình.
- C. Bản thân mình tự ý thức không cần phải để ý người khác nói về mình.
- D. Nhận thấy mình giỏi thì không cần phải rèn luyện hay học hỏi gì thêm nữa.

PHẦN II: TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm): Vì sao phải rèn luyện tính tự lập trong cuộc sống? Hãy kể những việc làm thể hiện tính tự lập của em trong cuộc sống hằng ngày?

Câu 2: (2.0 điểm) Em sẽ xử sự như thế nào trong các tình huống sau?

- a. Trong tiết học Toán, còn một số vấn đề em chưa hiểu.
- b. Trong tiết sinh hoạt lớp, cô giáo chủ nhiệm muốn học sinh phát biểu ý kiến của mình về các biện pháp giúp lớp thực hiện tốt nội quy.

Câu 3: (1.0 điểm)

Hưng và Minh cùng đi học. Trên đường đi, Minh rẽ vào cửa hàng đồ chơi điện tử nên đến lớp muộn, nhưng Minh báo với cô giáo là bị hỏng xe giữa đường. Nếu em là Hưng, em sẽ làm gì khi thấy Minh báo cáo với cô giáo là Minh bị hỏng xe?

...Hết...

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ B

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước phương án đó.

Câu 1: Quan tâm, giúp đỡ người khác, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người khó khăn, hoạn nạn là khái niệm nào dưới đây?

- A. Giúp đỡ người khác. B. Yêu thương con người.
C. Đồng cảm và thương hại. D. Thương hại người khác.

Câu 2: Những gì có thật trong cuộc sống và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống được gọi là

- A. sự thật B. dũng cảm
C. khiêm tốn D. tự trọng

Câu 3: Đâu là biểu hiện tôn trọng sự thật?

- A. Nói đúng những gì mình được chứng kiến.
B. Luôn bảo vệ mọi ý kiến, việc làm của mình.
C. Phê phán những việc mà mình không thích.
D. Dù không bằng lòng nhưng luôn đồng ý theo số đông trong tập thể.

Câu 4: Em tán thành ý kiến nào dưới đây khi nói về biểu hiện của tôn trọng sự thật?

- A. Cố gắng không làm mất lòng ai.
B. Phê phán những việc làm sai trái.
C. Chỉ làm những việc mà mình thích.
D. Hạn chế tham gia vào những việc không liên quan đến mình

Câu 5: Em không đồng tình với ý kiến nào dưới đây?

- A. Nên tôn trọng sự thật để bản thân cảm thấy được yên bình.
B. Tôn trọng sự thật trong một số tình huống cần thiết.
C. Học cách tôn trọng sự thật ngay từ khi còn bé.
D. Tôn trọng sự thật, cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp hơn.

Câu 6: Tự lập là

- A. dựa vào người khác, nếu mình có thể nhờ được.
B. tự làm lấy các công việc của mình trong cuộc sống.
C. ỷ lại vào người khác, đặc biệt là vào bố mẹ của mình.
D. đợi bố mẹ sắp xếp nhắc nhở mới làm, không thì thôi.

Câu 7: Hành động thể hiện tính tự lập là

- A. chỉ học bài cũ khi bị cô giáo nhắc nhở.
- B. khi mẹ nhắc nhở mới giặt quần áo, nấu cơm.
- C. nhà có điều kiện thì không cần học nhiều.
- D. tích cực phát biểu xây dựng bài trong lớp.

Câu 8: Biết nhìn nhận, đánh giá đúng về bản thân mình là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Tự nhận thức về bản thân.
- B. Tư duy thông minh.
- C. Có kĩ năng sống tốt.
- D. Sống tự trọng.

Câu 9: Tự nhận thức về bản thân sẽ giúp chúng ta

- A. sống tự cao, tự đại khi biết được những điểm mạnh của bản thân.
- B. bắt chước lối sống của người khác cho phù hợp với tất cả mọi người.
- C. nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy, điểm yếu để khắc phục.
- D. tỏ ra thờ ơ, không có trách nhiệm với tình huống xảy ra trong đời sống.

Câu 10: Đây là một trong những việc chúng ta cần làm để nhận thức đúng về bản thân?

- A. Không cần phải quan sát phản ứng và lắng nghe nhận xét của người khác về mình.
- B. Khi thấy mình hoàn hảo rồi thì không cần phải rèn luyện hay học hỏi gì thêm nữa.
- C. Đánh giá bản thân qua thái độ, hành vi, kết quả trong hành động, tình huống cụ thể.
- D. Sống nội tâm, không cần phải chia sẻ những cảm nhận của mình với người khác.

PHẦN II: TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Vì sao phải rèn luyện tính tự lập trong học tập? Hãy nêu những việc làm thể hiện tính tự lập trong học tập của em?

Câu 2: (2.0 điểm)

Em sẽ xử sự như thế nào trong các tình huống sau?

- a. Em phát hiện một bạn trong lớp đã nói xấu em với nhiều người.
- b. Với tính nhút nhát, cô giáo giao nhiệm vụ cho em báo cáo bài tập của nhóm trước lớp.

Câu 3: (1.0 điểm)

Bạn Cường và bạn An chơi rất thân với nhau. Vì An có mâu thuẫn với Dũng nên An đã bịa đặt rằng Dũng là người ăn trộm đồ của nhà hàng xóm. An muốn Cường đứng ra làm chứng cho mình là người nói đúng sự việc trên và đem chuyện này kể với các bạn trong lớp. Trong tình huống đó, nếu em là bạn Cường thì em sẽ làm gì?

...Hết...

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Hướng dẫn chấm này có 03 trang)

HSKT: Hoàn thành đúng 05 câu trắc nghiệm thì Đạt

I. TRẮC NGHIỆM: (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Mã đề A	D	A	C	C	D	C	B	B	C	A
Mã đề B	B	A	A	B	B	B	D	A	C	C

II. TỰ LUẬN: (5.0 điểm)

MÃ ĐỀ A :

Câu 1: (2.0 điểm)	HS trả lời: - Giải thích được nguyên nhân cần tự lập trong cuộc sống hằng ngày: + Sẽ giúp chúng ta thành công trong cuộc sống và xứng đáng được người khác kính trọng. - Những việc làm thể hiện tính tự lập trong cuộc sống hằng ngày: (Hs kể được ít nhất 2 việc làm - Mỗi việc làm:0.5đ) + Tự dọn dẹp nhà cửa. + Biết chăm sóc sức khỏe của bản thân. + Tự nấu những món ăn đơn giản khi vắng ba mẹ. + Phụ giúp ba mẹ đi chợ, trồng rau, ... (HS chọn các việc làm phù hợp vẫn ghi điểm tối đa)	1.0 điểm
--------------------------	--	-----------------

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

Câu 2: (2.0 điểm)	a. Mạnh dặn hỏi bạn bè hoặc thầy giáo những điều chưa hiểu, mong thầy và bạn có thể giảng lại cho mình hiểu... b. Cùng với các bạn trong lớp thảo luận, đóng góp ý kiến đề xuất các biện pháp giúp lớp thực hiện tốt nội quy, bản thân cũng phải tự giác thực hiện nội quy trường lớp.	1.0 điểm 1.0 điểm
Câu 3 (1.0 điểm)	Em sẽ xử sự: - Chưa vội vàng nói với cô giáo. - Để cuối tiết nhẹ nhàng góp ý cho Minh, giúp Minh hiểu được việc không thành thật với cô giáo là không nên mà hãy rút kinh nghiệm lần sau đừng nói dối nữa. - Khuyên Minh nên tôn trọng sự thật, thật thà nhận lỗi với cô và hứa lần sau không tái phạm... (HS chọn cách giải quyết phù hợp vẫn ghi điểm tối đa)	0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm

(Phần tự luận tùy theo cách giải quyết, trình bày của HS, GV thấy đúng linh hoạt ghi điểm)

MÃ ĐỀ B:

Câu 1: (2.0 điểm)	HS trả lời: - Giải thích được nguyên nhân cần tự lập trong học tập: + Sẽ giúp chúng ta tiến bộ, thành công trong học tập và được thầy cô, bạn bè yêu quý. - Những việc làm thể hiện tính tự lập trong học tập (Hs kể ít nhất 2 việc làm – Mỗi việc làm: 0.5đ) + Tự chuẩn bị bài mà không để ba mẹ nhắc nhở. + Tích cực xây dựng, phát biểu bài trong giờ học. + (HS chọn các việc làm phù hợp vẫn ghi điểm tối đa)	1.0 điểm
Câu 2: (2.0	a. Xem lại bản thân mình ưu điểm, nhược điểm	1.0 điểm

điểm)	của mình. Nếu những điều bạn kia nói là đúng mình sẽ chủ động sửa chữa. Nếu bạn nói chưa đúng sẽ gặp bạn để góp ý với bạn yêu cầu bạn tôn trọng và nói đúng về mình. b. Nhận nhiệm vụ cô giao và chuẩn bị chu đáo bài báo cáo với sự góp ý của nhóm để trình bày trước đám đông Tự tin và nỗ lực vượt qua sự nhút nhát của bản thân để hoàn thành.	1.0 điểm
Câu 3: (1.0 điểm)	* Nếu là Cường, em sẽ: - Can ngăn hành động của An và khẳng định việc làm của An sai trái, đi ngược với sự thật. - Cần giúp An hiểu rõ là không nên có hành động nói sai sự thật, vu oan cho người khác là một lỗi lầm lớn. - Chỉ ra những hậu quả mà An sẽ phải gây ra cho Dũng và cho cả An, ...	0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm

(Phần tự luận tùy theo cách giải quyết, trình bày của HS, GV thấy đúng linh hoạt ghi điểm)

TIẾT 19,20,21	ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM	NS: 11/1/2024
----------------------	---	--------------------------

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.
- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.
- Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.

2. Về năng lực:

- **Tự chủ và tự học:** Tự giác học tập, lao động và biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.; nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.
- **Điều chỉnh hành vi:** Biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. Từ đó điều chỉnh hành vi và có cách ứng xử phù hợp với từng tình huống.
- **Phát triển bản thân:** Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện về ứng phó những tình huống bất ngờ xảy ra bản thân và cộng đồng xã hội.
- **Tư duy phê phán:** Đánh giá, phê phán được những hành vi đúng và chưa đúng về cách ứng phó với những tình huống nguy hiểm, bất ngờ xảy ra.
- **Hợp tác, giải quyết vấn đề:** Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm có thêm những kinh nghiệm cho bản thân và giúp đỡ cộng đồng.

3. Về phẩm chất:

- **Nhân ái:** Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để có thêm những kinh nghiệm, cách giải quyết đúng đắn, phù hợp khi có những tình huống nguy hiểm, bất ngờ xảy ra.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để có thêm kinh nghiệm cho bản thân giúp ích cho bản thân và cộng đồng đất nước.
- **Chăm chỉ:** tập luyện, trau dồi những kiến thức, kỹ năng để có thể ứng phó với những sự cố bất ngờ xảy ra đối với bản thân và cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về những tình huống nguy hiểm có thể xảy ra bất cứ lúc nào chuẩn bị vào bài học mới.
- Nêu được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.
- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.

b. Nội dung:

Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Em hãy chia sẻ về một tình huống nguy hiểm mà em đã từng gặp hoặc chứng kiến qua các gợi ý sau:

Câu 1: Tình huống đó diễn ra khi nào?

Câu 2: Em đã làm gì khi gặp tình huống đó?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Một tình huống nguy hiểm mà em đã từng gặp hoặc chứng kiến theo gợi ý sau: có người lạ đi theo khi em đi học về.

Câu 1: Tình huống đã diễn ra khi: em đi học về 1 mình

Câu 2: Em đã làm gì khi gặp tình huống đó: em đã tìm sự giúp đỡ của mọi người xung quanh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhanh tay nhanh mắt” Luật chơi: - Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 1 phút các em lần lượt lên bảng ghi những tình huống nguy hiểm có thể xảy ra - Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được. - GV đưa câu hỏi: Câu 1: Tình huống đó diễn ra khi nào? Câu 2: Em đã làm gì khi gặp tình huống đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời. Ví dụ như:	

Một tình huống nguy hiểm mà em đã từng gặp hoặc chứng kiến theo gợi ý sau: có người lạ đi theo khi em đi học về, gặp lốc xoáy, lũ lụt ...

Câu 1: Tình huống đã diễn ra khi: em đi học về 1 mình

Câu 2: Em đã làm khi gặp tình huống đó: em đã tìm sự giúp đỡ của mọi người xung quanh.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học: Trong cuộc sống thường có nhiều điều bất ngờ xảy ra mà chúng ta không thể lường trước được. Vậy trước những tình huống nguy hiểm đó, ta cần phải làm gì và làm như thế nào, nhờ sự giúp đỡ của ai. Để giải đáp những thắc mắc này cô và chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: *Nêu được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.*

a. Mục tiêu: Nêu được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin, cùng tìm hiểu nội dung thông tin nói về các tình huống nguy hiểm trong sách giáo khoa.

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh: Nhận biết các tình huống nguy hiểm và hậu quả của nó

Em hãy đọc các thông tin, tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi:

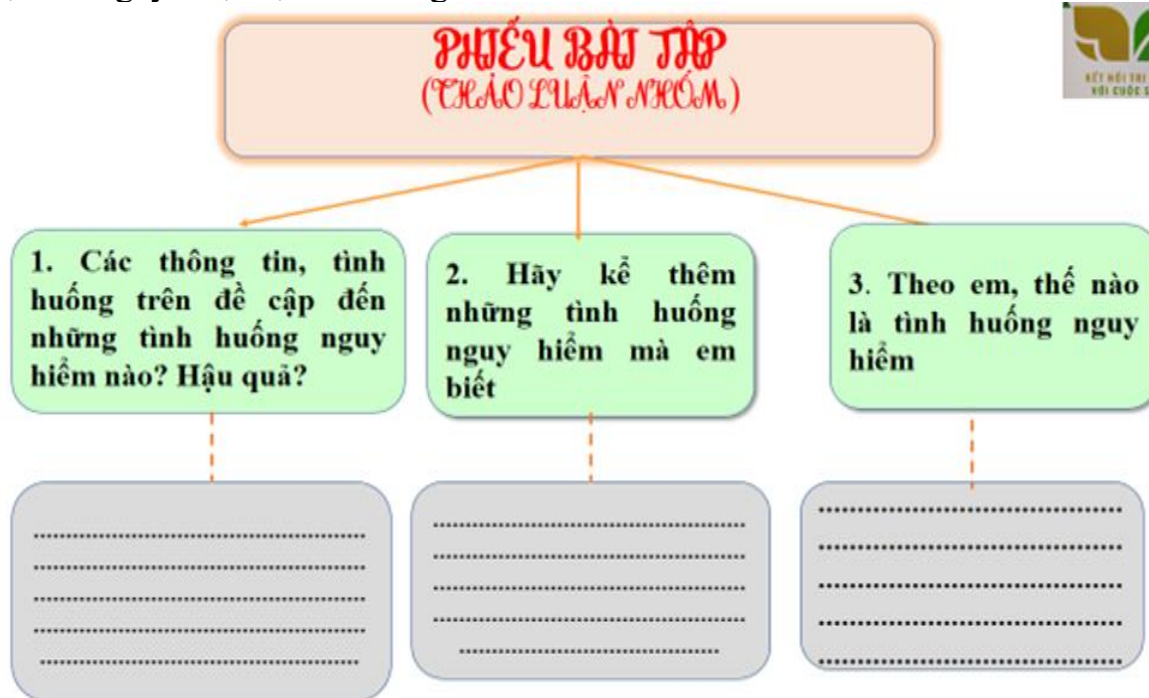
1/ Khi đang chơi trước cửa nhà, Lan thấy một người phụ nữ lạ mặt giới thiệu là người quen, muốn gặp mẹ Lan để gửi đồ và trao đổi công việc. Lan mở cửa và lễ phép mời người phụ nữ lạ mặt vào nhà. Sau đó, Lan cảm thấy buồn ngủ và ngủ thiếp đi. Đến khi tỉnh dậy, Lan thấy mẹ ngồi bên cạnh, trong nhà có nhiều người, có cả công an. Lan lơ mơ hiểu ra là nhà mình vừa bị mất trộm.

2/ Mùa đông, mưa đá, lốc xoáy, sét thường gây thiệt hại lớn về tài sản, hoa màu và con người. Nhiều ngôi nhà bị tốc mái, sập, hư hỏng nặng, khiến nhiều gia đình rơi vào cảnh “màn trời chiếu đất”, cuộc sống bị đảo lộn. Nhiều người bị thương, thậm chí có người còn bị thiệt mạng do những hiện tượng thiên tai khốc liệt này.

3/ Đang ngồi học bài, Hải nghe tiếng còi xe cứu hỏa rú vang cả khu phố. Nhìn qua cửa sổ, thấy ngọn lửa bùng cháy dữ dội từ ngôi nhà bên cạnh, em cầm vội chiếc khăn

ướt che mũi, men theo cầu thang chạy xuống tầng một để thoát ra ngoài.

4/ Vào mùa mưa, ở một số tỉnh miền núi thường xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở đất. Đây là loại hình gây thiệt hại lớn về người và tài sản.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh



d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1: Thế nào là tình huống	

nguy hiểm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập

Gv yêu cầu học sinh đọc thông tin
Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập

Câu 1: Các thông tin, tình huống trên đề cập đến những tình huống nguy hiểm nào? Hậu quả?

Câu 2: Hãy kể thêm những tình huống nguy hiểm mà em biết

Câu 3: Theo em thế nào là tình huống nguy hiểm?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

- Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

***Gv Tích hợp quyền con người: thực hiện quyền sống, quyền được bảo vệ.**

1.Nhận biết các tình huống nguy hiểm và hậu quả của nó.

-Tình huống nguy hiểm là những sự việc

bất ngờ xảy ra, có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng, gây thiệt hại về tài sản, môi trường cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội.

- Tình huống nguy hiểm từ tự nhiên là những hiện tượng tự nhiên có thể gây tổn thất về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và làm gián đoạn các hoạt động kinh tế, xã hội.

- Tình huống nguy hiểm từ con người là những mối nguy hiểm bất ngờ, xuất phát từ những hành vi cố ý hoặc vô tình từ con người gây tổn thất cho con người và xã hội.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: *Cách ứng phó trước những tình huống nguy hiểm*

a. Mục tiêu: Cách ứng phó trước những tình huống nguy hiểm

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh, đọc tình huống

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh: Cách ứng phó trước những tình huống nguy hiểm

* Tình huống 1: Chiều nay, Hoa đi học về muộn hơn mọi ngày. Khi đến đoạn đường

vắng, em bị một kẻ lạ mặt bất ngờ kéo tay định lôi lên xe máy.

* Tình huống 2: Trong trường hợp gặp hoả hoạn, em sẽ làm gì?

* Tình huống 3: Hè này, Hân được tham gia lớp học bơi. Thầy giáo đặc biệt lưu ý cách ứng phó và cứu người khi bị đuối nước đó là:

- Bình tĩnh, hít thật nhiều hơi vào phổi, cố gắng nín thở càng lâu càng tốt, thả lỏng

người để nước đẩy sát lên mặt nước.

- Dùng tay hoặc chân làm mái chèo, quạt nước đẩy đầu nhô khỏi mặt nước hoặc cũng có thể quạt nước xiên, đẩy người trôi đi dễ dàng bởi vì trong nước người trở nên nhẹ hơn so với trên cạn.

- Khi chuyển động lên xuống, há miệng to hít vào nhanh và sâu khi ở trên mặt nước, ngậm miệng, thở ra từ từ bằng mũi hoặc bằng miệng khi ở dưới mặt nước.

* Tình huống 4: ứng phó khi gặp giông, lốc, sét, khi gặp lũ quét, lũ ống, sạt lở đá



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập, phần tham gia trò chơi....)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa, phiếu bài tập và trò chơi “Tiếp sức đồng đội” ? Em hãy quan sát những hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi: Em hãy mô tả nội dung và đặt tên cho từng bức hình trên. * Trò chơi “Tiếp sức đồng đội” Luật chơi: + Giáo viên chia lớp thành hai đội. Mỗi đội cử 5 bạn xuất sắc nhất. Nhóm 1: Tìm hiểu về cách ứng phó khi gặp người lạ, khi gặp hoả hoạn Nhóm 2: Tìm hiểu về cách ứng phó khi gặp	2. Cách ứng phó trước những tình huống nguy hiểm - Chủ động tìm hiểu, học tập các kỹ năng ứng phó trong mỗi tình huống nguy hiểm sẽ giúp chúng ta bình tĩnh, tự tin, thoát khỏi nguy hiểm trong cuộc sống. - Luôn ghi nhớ các số điện thoại của người thân, các số điện thoại khẩn cấp: + 111: Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em + 112: Yêu cầu trợ giúp, tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi toàn quốc +113 Gọi công an hoặc cảnh sát khi có việc liên quan tới an ninh, trật tự

mưa dông lốc, sấm sét, lũ ống lũ quét, sạt lở đất. + Thời gian: Trò chơi diễn ra trong vòng năm phút. + Cách thức: Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau dơ tay nêu các đáp án, nhóm nào trả lời được nhiều đáp án đúng hơn thì nhóm đó sẽ chiến thắng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: + Nghe hướng dẫn. + Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. + Tham gia chơi trò chơi nhiệt tình, đúng luật. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.	+114: Gọi cơ quan phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn + 115: Gọi cấp cứu y tế.
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn

b. Nội dung:

- Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy.
- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

Cho HS chơi trò chơi tiếp sức kể về những tình huống nguy hiểm trong thực tiễn cuộc sống. Sau đó cho HS lựa chọn để đóng vai xử lý tình huống mà HS vừa kể ra như: gặp người lạ mặt đang theo dõi mình; khi trong nhà bị rò rỉ ga mà không có người lớn ở nhà

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: <i>? Bài tập: GV cho học sinh làm bài tập sách giáo khoa theo từng bài ứng với các kĩ thuật động não, khăn trải bàn ,trò chơi đóng vai..</i> Bài 1: Hãy nhận xét sự nguy hiểm có thể xảy ra và cách xử lí của mỗi nhân vật trong các tình huống dưới đây: a.Thấy chuông báo cháy của chung cư vang lên, Hằng chạy ngay ra thang máy để thoát hiểm. b.Trời nắng nóng, sau khi chơi đá bóng, các bạn rủ nhau xuống sông tắm nhưng Nam từ chối và khuyên các bạn không nên tắm sông. c.Hoà vẫn lội qua suối để về nhà dù trời đang mưa to và có thể xảy ra lũ quét. Bài 2: Đang trên đường đi học về, Hồng gặp một người lạ, tự xưng là bạn của mẹ và đề nghị đưa Hồng về nhà? Nếu là Hồng, em sẽ làm gì? GV hướng dẫn luật chơi cho học sinh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, suy nghĩ, hoàn thành bài tập. - Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Với hoạt động trò chơi: HS nghe hướng dẫn, tham gia. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên đóng vai tình huống và trình bày cách giải quyết tình huống của nhóm mình.	

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- Hướng dẫn các bạn thiết kế một sản phẩm tuyên truyền kỹ năng ứng phó với một tình huống nguy hiểm.
- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án..

* Em hãy tìm hiểu về những tình huống nguy hiểm thường xảy ra ở địa phương em và nêu cách ứng phó với tình huống đó theo bảng mẫu sau:

Tình huống nguy hiểm	Cách ứng phó
.....	

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án ... + Hoạt động dự án: thiết kế một sản phẩm tuyên truyền kỹ năng ứng phó với một tình huống nguy hiểm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm	

tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
--	--

***Hướng dẫn tự học**

- Học thuộc nội dung bài học
- Nhận biết các tình huống nguy hiểm và cách ứng phó trước các tình huống đó.
- Chuẩn bị bài: Tiết kiệm:
- + Đọc trước nội dung bài
- + Trả lời các câu hỏi trong bài.
- + Đọc phần ghi nhớ

TIẾT 22,23,24	TIẾT KIỂM	NS: 15/1/2024
----------------------	------------------	----------------------

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Khái niệm và biểu hiện của tiết kiệm.
- Ý nghĩa của tiết kiệm.
- Thái độ, hành vi thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập.
- Nhận xét được việc thực hành tiết kiệm của bản thân, những người xung quanh, phê phán hành vi lãng phí, keo kiệt, hà tiện.

2. Về năng lực

- *Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động, thực hiện tiết kiệm.
- *Điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được việc làm tiết kiệm,việc làm gây lãng phí. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, điều chỉnh bản thân trong cuộc sống nhằm hình thành và phát huyđức tính tiết kiệm..
- *Phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy tính tiết kiệm. Xác định được lí tưởng sống của bản thân, lập kế hoạch học tập và rèn luyện đức tính tiết kiệm.
- *Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi lãng phí, hà tiện. Đồng tình, ủng hộ những hành vi tiết kiệm có ý nghĩa tích cực.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị cầu đức tính tiết kiệm.

3. Về phẩm chất

- **Yêu nước:** Tự hào về truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc.

- **Nhân ái:** Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để thực hành tính tiết kiệm.

- **Trách nhiệm:** Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng, gương mẫu trong việc sử dụng đúng mức, hợp lý của cải vật chất, thời gian, sức lực. Đấu tranh bảo vệ những hành động ý nghĩa; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lệch lạc trong tiết kiệm như hoang phí, hà tiện, keo kiệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh, bài hát

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên *Giáo dục công dân 6*, tư liệu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú, gợi hiểu biết ban đầu về bài học.

- Khai thác vốn sống, hiểu biết của hs về chủ đề bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng bài hát “**Đội em làm kế hoạch nhỏ**”

1/ Bài hát nói về phong trào gì của ĐTNTP HCM? Trường em có không? Em có tham gia không?

2/ Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa hoạt động đó?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Câu 1,2: Bài hát nói về PT làm kế hoạch nhỏ của các bạn thiếu niên, có nhiều ý nghĩa trong việc giáo dục đức tính tiết kiệm cho hs như sử dụng vật liệu (giấy vụn, phế thải...) tái chế thành đồ dùng mới, giảm ô nhiễm môi trường...

- HS chia sẻ thêm về ý nghĩa những hoạt động tiết kiệm ở trường, lớp, ở nhà...

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua bài hát “ Đội em ... ” Xem video karaoke “ Đội em làm kế hoạch nhỏ ” và trả lời câu hỏi: 1/ Bài hát nói về phong trào gì của ĐTNTP HCM? Trường em có không? Em có tham gia không? 2/ Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa hoạt động đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.	

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh cử đại diện lần trình bày các câu trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học: *Tiết kiệm là đức tính quý báu, cần thiết trong cuộc sống. Vậy tiết kiệm là gì? Biểu hiện tiết kiệm như thế nào cô và các em sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.*

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Thế nào là tiết kiệm?

a. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm tiết kiệm.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh thảo luận cặp đôi :đọc thầm(tất cả hs đã được hd đọc trước ở nhà) truyện đọc trong sgk , cùng tìm hiểu nội dung câu chuyện về hành động của bạn Hải.

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua phiếu học tập để hướng dẫn học sinh: thế nào là tiết kiệm ?

PHIẾU BÀI TẬP	
	Hải đã có việc làm gì?
	Em có suy nghĩ gì về hành động, việc làm của Hải?
	Em hiểu thế nào là tiết kiệm?

c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh.

PHIẾU BÀI TẬP



Hải đã có việc làm gì?

Hải tiết kiệm tiền để mua xe đạp, nhưng khi em gái ốm, Hải dùng tiền tiết kiệm để phụ mẹ chữa bệnh cho em.



Em có suy nghĩ gì về hành động, việc làm của Hải?

-Hải biết sử dụng vật chất, tiền bạc hợp lí.



Em hiểu thế nào là tiết kiệm?

Tiết kiệm là biết sử dụng một cách hợp lí của cái, tiền bạc, thời gian, sức lực của mình và người khác.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận cặp đôi thông qua câu hỏi Đọc thầm truyện đọc <i>Hải có việc làm gì?</i> <i>Em có suy nghĩ gì về hành động, việc làm của Hải?</i> <i>Em hiểu thế nào là tiết kiệm?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc theo cặp, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kĩ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	1. Tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm. a. Khái niệm: - Tiết kiệm là biết sử dụng một cách hợp lí của cái, tiền bạc, thời gian, sức lực của mình và người khác.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu biểu hiện của tiết kiệm

a. Mục tiêu:

- nêu được các biểu hiện của tiết kiệm trong cuộc sống.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát 6 tranh thảo luận nhóm bàn (cặp đôi).

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi: Biểu hiện của tiết kiệm.

6 tranh



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các cặp đôi.

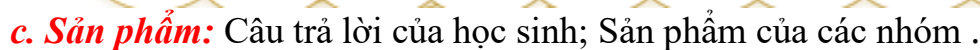
d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Nhiệm vụ 2: Biểu hiện của tiết kiệm. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa và trò chơi “tiếp sức đồng đội” Em hãy quan sát những hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi: - Chỉ ra biểu hiện của tiết kiệm, chưa tiết kiệm trong bức tranh trên? * Trò chơi “tiếp sức đồng đội”	b. Biểu hiện của tiết kiệm. - Chi tiêu hợp lý - Tắt các thiết bị điện, khóa vòi nước khi không sử dụng. - Sắp xếp thời gian làm việc học. - Sử dụng hợp lý và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên. - Bảo quản đồ dùng học tập, lao động khi sử dụng

Luật chơi: + Giáo viên chia lớp thành hai đội. Mỗi đội cử 5 bạn xuất sắc nhất. Đại diện hai đội lên viết biểu hiện trong 3'. Đội nào có nhiều biểu hiện sẽ chiến thắng - Lưu ý: Các đáp án trùng nhau sẽ chỉ được tính là 1 biểu hiện. + Thời gian: Trò chơi diễn ra trong vòng 3 phút. + Cách thức: Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau viết các đáp án và dán lên cây, nhóm nào viết được nhiều đáp án đúng hơn thì nhóm đó sẽ chiến thắng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS: - Nghe hướng dẫn. - Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên... - Tham gia chơi trò chơi nhiệt tình, đúng luật. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc theo cặp - Học sinh chơi trò chơi “tiếp sức đồng đội” Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. Giáo viên giới thiệu: Chú ý phân biệt tiết kiệm với hà tiện, keo kiệt.	- Bảo vệ của công...
--	-----------------------------

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu ý nghĩa của tiết kiệm

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua câu hỏi tình huống sgk/ 38.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm .

THẢO LUẬN NHÓM BÀN: 5'



1. anh Hoà chi tiêu không tiết kiệm, kiếm được tiêu hết, không nghĩ đến tích lũy.

hậu quả là khi khó khăn, ốm đau không có tiền trang trải.

Vì thế phải tích lũy để trang trải khi bất trắc, làm chủ cuộc sống, tạo dựng cuộc sống yên vui, hạnh phúc

2. - Phong trào nuôi lợn tiết kiệm giúp các bạn rèn luyện ý thức sử dụng tiền bạc hợp lý, có tích lũy.

Phong trào cũng tạo ra nguồn hỗ trợ kịp thời, giúp đỡ các bạn trong lớp có hoàn cảnh khó khăn tham gia học tập, thể hiện sự quý trọng sức lao động của người khác, bản thân.

- Cần biết chi tiêu hợp lý, có tích lũy. Quan tâm, chia sẻ khó khăn với người khác phù hợp với khả năng của mình.

3. bố mẹ Nam quyết tâm dành dụm tiền bằng cách mỗi tính toán việc chi tiêu để có thể tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ. Cứ như vậy, trong vòng một năm đủ tiền mua tivi".

-việc tiết kiệm đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn, đầy đủ hơn.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi tình huống sgk. <i>Theo em, tình yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với người được nhận tình yêu thương và người thể hiện tình yêu thương với người khác?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).	2. Ý nghĩa của tiết kiệm -Tiết kiệm giúp chúng ta quý trọng thành quả lao động; đảm bảo cho cuộc sống ổn định, ấm no, hạnh phúc và thành công.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Cách thực hiện tiết kiệm

a. Mục tiêu:

- Nêu được một số cách tiết kiệm trong cuộc sống.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi thảo luận chung: Cách thực hiện tiết kiệm.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động: quan sát trang sgk/39 .Liệt kê một số cách tiết kiệm trong cuộc sống Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS nghe hướng dẫn, làm việc cặp đôi suy nghĩ, trả lời. - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.	3. Cách thực hiện tiết kiệm: - Tắt các thiết bị điện khi không cần thiết. Tận dụng ánh sáng tự nhiên, gió tự nhiên...sử dụng các phương tiện, thiết bị tiết kiệm điện... -Tiết kiệm tiền như nuôi lợn tiết kiệm... - Lập thời gian biểu, thực hiện theo kế hoạch... - Khóa vòi nước khi không sử dụng, ...

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả thảo luận(cặp đôi) - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. Nhắc lại các nội dung khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, cách thực hiện tiết kiệm.	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- hs củng cố tri thức được khám phá , thực hành qua xử lý tình huống cụ thể.

b. Nội dung:

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, trò chơi ...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, và chơi sắm vai, thảo luận. ? Bài tập 1,2 : GV cho học sinh làm bài tập 1, 2 cá nhân Bài tập 1: Em hãy cùng các bạn trong nhóm thực hiện nhiệm vụ sau:	

a) Liệt kê những biểu hiện lãng phí đồ dùng học tập và kể ra ba cách tiết kiệm đồ dùng học tập của học sinh.

b) Liệt kê những biểu hiện lãng phí thời gian và kể một vài cách tiết kiệm thời gian của học sinh.

GV chỉ ra những việc làm chưa tiết kiệm của hs, đưa ra cách tiết kiệm, khuyến khích hs nêu ra việc làm chưa tiết kiệm của bản thân và chia sẻ về hậu quả của nó.

? Bài tập 2: Em hãy nhận xét hành vi của các bạn dưới đây:

a) Khi ăn buffet ở nhà hàng, Lan chỉ lấy vừa đủ thức ăn.

b) Dương thường bật điều hoà, quạt trần, tivi suốt ngày ngay cả khi ra sân chơi với các bạn.

c) Quân rủ Tuấn ra quán chơi điện tử, tiêu hết cả số tiền mẹ mới cho để mua sách học tiếng Anh.

GV hỏi : Trong các bạn trên em học tập bạn nào? bạn nào đáng phê bình? ý nghĩa của việc làm tiết kiệm?

? ? Bài tập 3: Bài tập tình huống: GV cho học sinh chơi trò chơi sắm vai giải quyết tình huống.

Tình huống 1:

Gia đình Lan sống bằng những đồng lương ít ỏi của bố. Một hôm nữa là đến sinh nhật Lan, nhóm bạn thân trong lớp gợi ý Lan, nhóm bạn gợi ý Lan nên tổ chức sn ở nhà hàng cho sang trọng

Nếu là Lan, em sẽ làm gì?

- Chia nhóm, phân công vai diễn, xây dựng kịch bản, lời thoại(hd hs chuẩn bị ở nhà). báo cáo vào tiết 3.

- Gv nhận xét cách giải quyết t/h. cách chơi sắm vai. rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

GV cho học sinh thảo luận tình huống

2, 3. theo hai dãy bàn:

Dãy 1 thảo luận theo bàn t/h 2

Tình huống 2:

Từ hôm được mẹ mua cho chiếc điện thoại để tiện liên lạc, Hùng không muốn rời nó lúc nào. Ngoài những giờ học trên lớp, Hùng lại mở điện thoại lướt Web, lên mạng xã hội tán chuyện với bạn bè, chơi điện tử nên đã sao nhãng chuyện học hành. Cô giáo và bố mẹ đã nhắc nhở nhưng Hùng vẫn không thay đổi vì cho rằng đó là cách để thư giãn, xả bớt căng thẳng sau giờ học.

Em có nhận xét gì về việc sử dụng thời gian của Hùng? Điều này sẽ ảnh hưởng gì đến kết quả học tập?

Em có lời khuyên gì cho Hùng?

Tình huống 3:

Dãy 1 thảo luận theo bàn t/h 3: Tuyết luôn nhận mình là người sống tiết kiệm với thói quen chọn mua những thứ có giá rẻ, đang được giảm giá. Bạn thường không chia sẻ đồ dùng của mình với các bạn vì cho rằng cần phải tiết kiệm.

Em có đồng ý với cách tiết kiệm của Tuyết không? vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, sắm vai
Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.

Với hoạt động sắm vai: HS nghe hướng dẫn, tham gia.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn trong cuộc sống

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện dự án thực hành tiết kiệm “ **Làm kế hoạch nhỏ**”

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phân dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án ... + Hoạt động dự án: Nhóm 1: Em hãy cùng các bạn thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về tiết kiệm điện, nước. Nhóm 2: Em hãy cùng các bạn trong lớp xây dựng và thực hiện dự án thực hành tiết kiệm "Làm kế hoạch nhỏ" (ví dụ: thu gom sách, báo, truyện cũ,...). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	

GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
---	--

***Hướng dẫn tự học**

- Học thuộc nội dung bài
- Chuẩn bị bài: Công dân nước CHXHCN Việt Nam:
 - + Đọc nội dung bài.
 - + Trả lời các câu hỏi
 - + Đọc ghi nhớ

TIẾT 25,26	CÔNG DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	NS: 6/03/2024
-------------------	---	----------------------

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được quy định của Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động, thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- *Phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy truyền thống yêu nước.
- *Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, pháp luật ảnh hưởng xấu đến đất nước.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ

công dân.

3. Về phẩm chất:

- **Yêu nước:** Tự hào về quê hương đất nước.

- **Nhân ái:** Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

- **Trách nhiệm:** Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống yêu nước. Tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế học tập, hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhận biết về trang phục công dân của các nước trên thế giới và xác định được người mặc trang phục đó là công dân của nước nào? Và bắt đầu vào bài mới

- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Căn cứ vào đâu để xác định được công dân của mỗi nước

b. Nội dung: Hình ảnh stile về các trang phục của các quốc gia trên thế giới

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Câu 1: Những hình ảnh trang phục mà các bạn nhìn thấy cho thấy đây là công dân nước nào?

Câu 2: Ý nghĩa của trang phục đó đối với công dân mỗi nước

d. Tổ chức hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 (năm 2020, 2021) Chính phủ Việt Nam đã tổ chức nhiều chuyến bay đón công dân Việt Nam từ những vùng dịch nguy hiểm trên thế giới về nước an toàn? Câu 1 : Theo em, vì sao chính phủ Việt Nam quan tâm đến việc đưa công dân Việt Nam về nước	- Hộ chiếu quốc gia lần lượt là: Việt Nam, Nga, Nhật Bản. Ý nghĩa của cuốn hộ chiếu đó để cho biết mình thuộc công dân của quốc gia nào.

Câu 2 : Hãy chia sẻ cảm xúc của em khi được là công dân Việt Nam.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời

Câu 1: Theo em là công dân Việt Nam đang phải sống trong hoàn cảnh toàn thể giới phải đấu tranh với dịch bệnh Cô vít-19 thì em cần làm gì?

Câu 2 : Em sẽ vận động những người sống xung quanh em, làm gì để bảo vệ bản khỏi dịch bệnh cô vít- 19

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học: *Dịch bệnh diễn ra là điều không ai mong muốn và rất nhiều quốc gia đang phải gồng mình chống chọi với đại dịch,. Là công dân nước VN con cần thực hiện tốt quy định 5K của chính phủ, ở yên trong nhà, hạn chế ra đường và tụ tập nơi đông người. Làm như vậy chính là thể hiện trách nhiệm và lòng yêu nước của chính mình.*

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu khái niệm công dân

a. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm quyền công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh tìm hiểu về hộ chiếu của các quốc gia trên thế giới

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh:

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Nhiệm vụ 1:	1.Khái niệm công dân

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập trong việc xác định công dân của mỗi nước - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập Câu 1: Em hãy quan sát các cuốn hộ chiếu dưới đây và cho biết đó là hộ chiếu quốc gia nào? Câu 2 : Ý nghĩa của cuốn hộ chiếu đó. - Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để trả lời 3 câu hỏi theo SGK Câu 1: Em đồng ý với ý kiến của bạn nào ? vì sao? Câu 2: Em hãy cho biết công dân là ai? Câu 3 : Căn cứ nào để xác định 1 người là công dân Việt Nam? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	Công dân là người dân của một nước, có các quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định
--	---

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. Mục tiêu:

- Nắm được các căn cứ để xác định được công dân nước CHXHCNVN

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin luật quốc tịch Việt Nam 2008, sửa đổi bổ sung năm 2018 để trả lời các câu hỏi
- GV giao nhiệm vụ cho học sinh trả lời các câu hỏi liên quan đến quan hệ giữa nhà nước với công dân, liên quan đến quốc tịch trẻ em

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập, phần tham gia trò chơi....)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa và chia nhóm để tiến hành thảo luận Câu 1 : Căn cứ nào để xác định được một người là công dân Việt Nam Câu 2: Trong những trường hợp dưới đây, trường hợp nào là trẻ em Việt Nam Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: + Nghe hướng dẫn. + Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân - Học sinh chơi trò chơi tiếp sức Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.	2. Căn cứ xác định công dân nước CHXHCN Việt Nam - Trẻ em sinh ra có cha và mẹ là công dân Việt Nam. - Trẻ em sinh ra có cha là công dân Việt Nam, Mẹ là công dân nước ngoài. - Trẻ em sinh ra có mẹ là công dân Việt Nam , cha là người không quốc tịch. - Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam có cha mẹ là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam. - Trẻ em bị bỏ rơi, không rõ cha mẹ là ai.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần **Khám phá** áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b. Nội dung:

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và diễn kịch ...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và diễn kịch ... ? Bài tập 1: Quan sát các mẫu giấy dưới đây và nêu quốc tịch của một công dân được ghi ở tờ giấy nào?  ? Bài tập 2 : Bài tập tình huống * Tình huống 1: Bồ mẹ Hùng là người Nga đến Việt Nam sinh sống. Hùng sinh ra và lớn lên ở Việt nam. Có người nói Hùng là người Việt gốc Hoa, không phải công dân Việt Nam * Tình huống 2: Bồ của Lan là người Việt Nam, mẹ Lan là người Đức , Lan sinh ra và lớn lên ở Việt nam nhìn khuôn mặt Lan có nhiều nét giống người Châu Á. Các bạn trong lớp bàn thảo không biết Lan là người nước nào?	

❶ Bố mẹ Hùng là người Nga đến Việt Nam làm ăn, sinh sống. Hùng sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Có người nói Hùng là người Việt gốc Nga, không phải là công dân Việt Nam.	❷ Bố của Lân là người Việt Nam, mẹ là người Đức. Lân sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Nhìn khuôn mặt Lân có nhiều nét của người châu Âu, các bạn trong lớp bạn không biết Lân là công dân nước nào.
❸ Theo em, Hùng có phải là công dân Việt Nam không? Giải thích vì sao.	❹ Theo em, Lân có phải là công dân Việt Nam không? Giải thích vì sao.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.

- Với hoạt động diễn kịch: HS nghe hướng dẫn, tham gia.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm.

- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS.

- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:

+ Kết quả làm việc của học sinh.

+ Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.

Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức

4. Hoạt động 4: Vận dụng

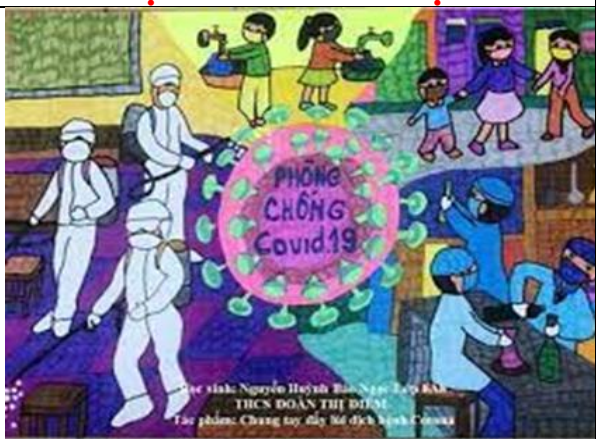
a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án..

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi trong SGK phần Vận dụng Câu 1: Em hãy vẽ một bức tranh thể hiện lòng tự hào dân tộc Việt Nam Câu 2: Hãy viết nửa trang giấy về một tấm gương đạt giải quốc tế và cho biết những điều mình học hỏi được từ tấm gương đó Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	 Em Nguyễn Thị Mai - Trường THPT Thác Bà là một trong 75 em học sinh được tuyên dương tại Liên hoan thiếu nhi vượt khó và Tổng phụ trách Đội giỏi năm 2015. Sinh ra trong một gia đình có hoàn cảnh khó khăn, song em không chán nản, bỏ bê học hành mà luôn phấn đấu vươn lên trong học tập. Nhiều năm nay, em luôn đạt danh hiệu học sinh khá giỏi, nhiệt tình tham gia các phong trào do Liên Đội nhà trường tổ chức, đã góp phần vào thành tích chung của nhà trường. Em tâm sự: “Gia đình em khó khăn, bố mẹ vất vả mưu sinh chính là động lực giúp e vượt khó để vươn lên trong học tập, giúp bố mẹ yên tâm công tác. Ước mơ của em sau này được trở thành cô giáo để dạy học và giúp đỡ

	cho các em học sinh nghèo thiết thực hơn”.
--	--

***Hướng dẫn tự học**

- Học thuộc nội dung bài học.
- Chuẩn bị bài: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân:
 - + Đọc kỹ nội dung bài học
 - + Trả lời các câu hỏi
 - + Đọc ghi nhớ

TIẾT 27,29	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN	NS: 20/1/2024
-------------------	--	----------------------

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- Thực hiện được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động, thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.
- *Điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống nhằm phát huy giá trị to lớn của tình yêu thương con người.
- *Phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những giá trị về tình yêu thương con người theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. Xác định được lí tưởng sống của bản thân lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân để phù hợp với các giá trị đạo đức về yêu thương con người.
- *Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, chà đạp lên các giá trị nhân văn của con người với con người.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tình yêu thương con người.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước:* Tự hào về truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc.
- *Nhân ái:* Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để góp phần vun đắp giá trị của tình yêu thương con người.
- *Trách nhiệm:* Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống yêu thương con người. Đấu tranh bảo vệ những truyền thống tốt đẹp; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lệch lạc trong mối quan hệ giữa con người với con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- **1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh, phiếu học tập và các mẫu chuyện, tấm gương, tình huống liên quan đến thực hiện quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân;

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân để chuẩn bị vào bài học mới.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu:

b. Nội dung: GV có thể chuyển phần khởi động thành hội thoại để HS chơi trò chơi sắm vai tranh luận.

A: Người dẫn truyện: Lớp 6A có một số bạn nhà xa nên thường đi xe đạp điện đến trường. Trong đó, một vài bạn không đội mũ bảo hiểm.

B: 2 HS (lớp 6): Đi xe đạp điện, không đội mũ bảo hiểm đèo bạn...

A: Người dẫn truyện: Theo bạn, học sinh lớp 6 có được sử dụng xe đạp điện không?

B: Người dẫn truyện: Người điều khiển xe đạp điện khi tham gia giao thông có bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm không? Vì sao?

GV dựa vào gợi ý để đặt câu hỏi và xác định HS nào có câu trả lời đúng:

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

+ Theo Luật Giao thông đường bộ, xe đạp điện (xe đạp máy) được coi là phương tiện giao thông thô sơ.

+ Điều kiện của người điều khiển xe thô sơ tham gia giao thông là: Có sức khỏe bảo đảm điều khiển xe an toàn; Hiểu biết quy tắc giao thông đường bộ.

+ Khi tham gia giao thông, người điều khiển, người ngồi trên xe đạp điện phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách và không được thực hiện các hành vi sau:

- Mang, vác vật cồng kềnh;
- Sử dụng ô;
- Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;
- Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;
- Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

• GV kết luận:

Thông tin: Độ tuổi có thể sử dụng xe đạp điện, xe máy điện:

Dựa trên các Quy định, Bộ luật và Nghị định ở phần trên chúng ta có thể kết luận rằng **hiện tại chưa có văn bản nào của chính phủ về việc quy định độ tuổi sử dụng xe đạp điện tại Việt Nam**. Xe đạp điện vẫn được gọi là xe thô sơ và người dân hoàn toàn được tự do lựa chọn làm phương tiện di chuyển dựa trên nhu cầu sử dụng mỗi ngày.

- Còn đối với xe máy điện thì được xem như là xe gắn máy có động cơ 50 phân khối. Tức là chỉ **những người đủ 16 tuổi trở lên mới được quyền sử dụng, vận hành và tham gia giao thông.**

Luật Giao thông đường bộ không quy định độ tuổi người sử dụng xe thô sơ. Vì vậy, HS lớp 6 có thể sử dụng xe đạp điện khi tham gia giao thông nhưng phải đội mũ bảo hiểm và tuân thủ các quy định của pháp luật.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi sắm vai tình huống Luật chơi: TÌNH HUỐNG - Lớp 6/1 có một số bạn nhà xa nên thường đi xe đạp điện đến trường. Trong đó, một vài bạn không đội mũ bảo hiểm. - Chuẩn bị: 1 xe đạp điện - 1 HS dẫn truyện, tuyên truyền - 1 nhóm 3, 4 HS (2 nam, 2 nữ) tham gia đóng vai - Theo em, học sinh lớp 6 có được sử dụng xe đạp điện không? - Người điều khiển xe đạp điện khi tham gia giao thông có bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm không? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, suy nghĩ, tập đóng vai, trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt đóng vai và trả lời các câu hỏi + Theo Luật Giao thông đường bộ, xe đạp điện (xe đạp máy) được coi là phương tiện giao thông thô sơ. + Điều kiện của người điều khiển xe thô sơ tham gia giao thông là: Có sức khỏe bảo đảm điều khiển xe an toàn; Hiểu biết quy tắc giao thông đường bộ. + Khi tham gia giao thông, người điều	

hiển, người ngồi trên xe đạp điện phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách và không được thực hiện các hành vi sau:

- Mang, vác vật cồng kềnh;
- Sử dụng ô;
- Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;
- Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;
- Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện đóng vai, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Luật Giao thông đường bộ không quy định độ tuổi người sử dụng xe thô sơ. Vì vậy, HS lớp 6 có thể sử dụng xe đạp điện khi tham gia giao thông nhưng phải đội mũ bảo hiểm và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Việc chúng ta tuân thủ luật giao thông đường bộ chính là thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân. Vậy, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là gì? Cô và các em sẽ cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013

Mục tiêu: HS nêu được các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013.

Nội dung

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các bức tranh trong SGK để thực hiện nhiệm vụ:

Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

khoá XIII, kì họp thứ 6 thông qua ngày 28 - 11 - 2013. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Chương II. Đó là các quyền cơ bản về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.

- Em hãy đọc thông tin kết hợp với quan sát các hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi

- Nhóm quyền chính trị: quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước (Điều 27); quyền tham gia quản lí nhà nước (Điều 28); quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí (Điều 25); quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo (Điều 24);...

- Nhóm quyền dân sự: quyền sống (Điều 19); quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm (Điều 20); quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình (Điều 21); quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở (Điều 22); quyền tự do đi lại và cư trú (Điều 23); quyền bình đẳng giới (Điều 26); quyền tự do kết hôn và li hôn (Điều 36);...

- Nhóm quyền về kinh tế: quyền tự do kinh doanh (Điều 33); quyền có việc làm (Điều 35); quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất (Điều 32);...

Nhóm quyền văn hoá, xã hội: quyền học tập (Điều 39); quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật (Điều 40); quyền được đảm bảo an sinh xã hội (Điều 34); quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ (Điều 38);...

Các nghĩa vụ cơ bản mà công dân phải thực hiện: trung thành với Tổ quốc (Điều 44); thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân (Điều 45); tuân theo Hiến pháp và pháp luật (Điều 46); nộp thuế (Điều 47); bảo vệ môi trường (Điều 43); nghĩa vụ học tập (Điều 39);...

PHIẾU HỌC TẬP

+ Xác định các nhóm quyền và nêu nội dung các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định trong Hiến pháp năm 2013.

+ Ghép các hình ảnh với nhóm quyền và nghĩa vụ phù hợp.



Hãy ghép các bức tranh với nhóm quyền và nghĩa vụ phù hợp.

Gợi ý:

- Nhóm quyền chính trị: hình 8;
- Nhóm quyền dân sự: hình 1;

- Nhóm quyền kinh tế: hình 9;
- Nhóm quyền văn hoá - xã hội: hình 2, 4;
- Nhóm nghĩa vụ cơ bản của công dân: hình 3, 5, 6, 7.

Sau khi HS trả lời câu hỏi, nộp lại phiếu học tập, GV nhận xét, tổng kết thông qua **kết luận**: Các quyền, nghĩa vụ này là các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp - Đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. (Khoản 1 Điều 14) Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. (Khoản 1 Điều 15)

PHIẾU HỌC TẬP

- + Xác định các nhóm quyền và nêu nội dung các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định trong Hiến pháp năm 2013.
- + Ghép các hình ảnh với nhóm quyền và nghĩa vụ phù hợp.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Gợi ý:

- Nhóm quyền chính trị: hình 8;
- Nhóm quyền dân sự: hình 1;

- **Nhóm quyền kinh tế:** hình 9;
- **Nhóm quyền văn hoá - xã hội:** hình 2, 4;
- **Nhóm nghĩa vụ cơ bản của công dân:** hình 3, 5, 6, 7.

* Sau khi HS trả lời câu hỏi, nộp lại phiếu học tập, GV nhận xét, tổng kết thông qua **kết luận:**

Các quyền, nghĩa vụ này là các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp - Đạo luật có giá trị pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và Pháp luật. **(Khoản 1 Điều 14)** Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. **(Khoản 1 Điều 15)**

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc thông tin Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập THẢO LUẬN NHÓM: 4' - Nhóm 1: Xác định các nhóm quyền và nêu nội dung các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định trong Hiến pháp năm 2013. - Nhóm 2: Ghép các hình ảnh với nhóm quyền và nghĩa vụ phù hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kĩ năng khai thác thông tin, tranh ảnh trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần	1. Khái niệm -Quyền cơ bản của công dân là những lợi ích cơ bản mà công dân được hưởng, được Nhà nước bảo vệ và đảm bảo theo Hiến pháp và pháp luật.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân

a. Mục tiêu:

- HS biết cách thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân.

b. Nội dung:

- GV có thể in phần thông tin thành phiếu học tập, sau đó phát và yêu cầu HS làm việc cá nhân.

PHIẾU HỌC TẬP		
Thông tin/tình huống	Thực hiện (ghi Tốt hoặc Chưa tốt)	Giải thích
1/		
2/		

Gợi ý:

1/ Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi (trích Điều 37 - Luật Trẻ em).

2/ Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng (trích Điều 46 - Hiến pháp).

3/ Không ai được bóc lột, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác (trích Điều 21 - Hiến pháp).

4/ Tham khảo ý 1.

5/ Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi trẻ em (trích Điều 37 - Hiến pháp).

6/ Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội (trích Điều 15 - Hiến pháp); Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự (trích Điều 45 - Hiến pháp).

7/ Trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các vấn đề liên quan đến trẻ em; được tự do hội họp theo quy định của pháp luật phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và sự phát triển của trẻ em; được cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến, nguyện vọng chính đáng (Điều 34 - Luật Trẻ em).

8/ Tham khảo ý 1.

-GV kết luận và khuyên HS nên học tập, noi gương bạn Hương (thông tin 1), bạn Minh (thông tin 3), bạn Hà (thông tin 5), bạn Liên (thông tin 6), bạn Hùng (thông tin 8) và không nên thực hiện theo bạn Bình (thông tin 2), bạn Phương (thông tin 3), bạn Thắng (thông tin 4), gia đình Liên (thông tin 6), bạn Trang (thông tin 7).

-GV tiếp tục đặt câu hỏi cho HS: **Từ các thông tin, tình huống và thực tiễn cuộc sống, em đã được hưởng những quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ cơ bản nào của công dân?**

- GV mời hai đến ba HS chia sẻ câu trả lời, cả lớp cùng nghe và bổ sung, hoàn thiện.

-GV nhận xét kết quả làm việc của HS, khen ngợi, khuyến khích HS tích cực, chủ động thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ công dân.

- **GV kết luận:**

+ Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

+ Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

+ Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

- **Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về quy định của Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, sau đó tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung kiến thức trong SGK.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập, phần tham gia trò chơi....)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS			NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV có thể in phần thông tin thành phiếu học tập, sau đó phát và yêu cầu HS làm việc cá nhân.			2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân - Nghĩa vụ cơ bản của công dân là những việc mà Nhà nước bắt buộc công dân phải thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật - Các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
PHIẾU HỌC TẬP			
Thông tin/tình huống	Thực hiện	Giải thích	
1.Hương là học sinh lớp 6, ngoài việc học tốt hạn còn chăm chỉ lao động giúp đỡ bố			
2.Thấy bác lao công đang quét dọn sân trường Bình vứt luôn vỏ hộp sữa xuống sân			
3. Biết Lan định bóc thư của bạn khác để xem Minh đã khuyên Lan không nên làm			
4. Ngày nào bố mẹ cũng phải nhắc Thắng học bài nhưng bạn chỉ ôn bài khi sắp tới kì			
5. Nhiều lần chứng kiến chú Hưng đánh con, nên Hà đã gọi điện báo với Tổng đài điện			
6. Gia đình Liên tìm mọi cách để anh trai không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Biết			
7. Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của học sinh nhưng Trang không tham gia vì cho rằng ý			
8. Hùng luôn tích cực học tập và rèn luyện để sau này trở thành người công dân có ích cho			

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa

- Em hãy xác định những ai đã thực hiện đúng, ai thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Vì sao?

- Em đã làm gì để thực hiện đúng nghĩa vụ của học sinh

*** Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận (cá nhân)**

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh nhận xét phần trình bày của các bạn

- **Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.**

- Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Công dân được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ do Nhà nước quy định. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

- Việc thực hiện quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

- Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Cách rèn luyện (trách nhiệm của công dân)

a. Mục tiêu:

- Đánh giá được thái độ, hành vi để thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (học sinh)

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi để hướng dẫn học sinh: **Em đã làm gì để thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân (học sinh)?**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học	. Cách rèn luyện:

tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi để hướng dẫn học sinh:

- **Từ các thông tin, tình huống và thực tiễn cuộc sống, em đã được hưởng những quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ cơ bản nào của công dân? Em đã làm gì để thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân (học sinh)?**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời hai đến ba HS chia sẻ câu trả lời, cả lớp cùng nghe và bổ sung, hoàn thiện.

HS nghe hướng dẫn, làm việc cá nhân suy nghĩ, trả lời.

- GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của câu hỏi, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- Nhận xét và bổ sung cho các bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:

+ Kết quả làm việc của học sinh.

+ Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.

Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

- GV nhận xét kết quả làm việc của HS, khen ngợi, khuyến khích HS tích cực, chủ động thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ

*** Trách nhiệm của công dân**

+ Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

+ Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

+ Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

- Là học sinh....

công dân.

- GV kết luận:

+ Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

+ Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

+ Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

- Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về quy định của Hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, sau đó tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung kiến thức trong SGK.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

-HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần **Khám phá** áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b. Nội dung:

- Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy.

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh- *Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học.*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò

? *Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học.*

Bài 1: Chơi trò chơi

"Cây Hiến pháp"

- **Chia lớp thành hai đội chơi,**

- **Mỗi đội cử 5 bạn xuất**



NỘI DUNG CẦN ĐẠT

II. Luyện tập

Bài 1: Chơi trò chơi "Cây Hiến pháp"

Một số quyền các em được hưởng ngay từ khi sinh ra (ví dụ: quyền được sống, được chăm sóc sức khỏe, được đảm bảo an toàn về tính mạng,...) và giải thích có những quyền mà em được hưởng hoặc thực hiện được các quyền đó phải đáp ứng các

sắc nhất

- Đại diện hai đội lên bảng và viết, dán. Một đội viết tên các quyền, một đội viết tên các nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013 vào giấy và dán lên "Cây Hiến pháp". trong 5'

- Đội nào viết được nhiều và đúng các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân sẽ được 10 điểm.

- Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013.

- GV mời đại diện các bạn tham gia thi ở 2 đội lên viết và dán kết quả của đội mình, các bạn ở đội một, hai chú ý lắng nghe và bổ sung (nếu cần).

GV phân tích các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp. Trong đó nhấn mạnh một số quyền các em được hưởng ngay từ khi sinh ra (ví dụ: quyền được sống, được chăm sóc sức khỏe, được đảm bảo an toàn về tính mạng,...) và giải thích có những quyền mà để được hưởng hoặc thực hiện được các quyền đó phải đáp ứng các điều kiện (độ tuổi hoặc các quy định khác) pháp luật quy định (ví dụ: quyền kết hôn, quyền tự do kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ thuế,...).

Bài tập 2: Em hãy cho biết, bạn nào dưới đây thực hiện tốt, bạn nào thực hiện chưa tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Vì sao?

a) Bạn Kim thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập, lao động của công dân: vì Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi (trích Điều 37 - Luật Trẻ em).

b) Bạn Lan chưa thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân:

c) Việc Nam thường xuyên dọa nạt, đánh em gái là việc làm không đúng. Nam là anh nên khi thấy em bày bừa ra nhà Nam nên khuyên bảo và

điều kiện (độ tuổi hoặc các quy định khác) pháp luật quy định (ví dụ: quyền kết hôn, quyền tự do kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ thuế,...).

Bài tập 2: Em hãy cho biết, bạn nào dưới đây thực hiện tốt, bạn nào thực hiện chưa tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Vì sao?

giúp đỡ em thu dọn; Nếu em khóc, Nam phải dỗ dành, chơi với em.

d) Việc Hưng tự ý bóc thư cô giáo gửi cho bố mẹ là sai. Đây là hành vi xâm phạm quyền bí mật thư tín của công dân. Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, công dân có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

Bài tập 3: Bài tập tình huống: GV cho học sinh thảo luận nhóm bàn

Tình huống 1:

Lan là một học sinh hoạt bát, tích cực tham gia các hoạt động của lớp và liên đội nhưng mẹ Lan thường ngăn cấm không cho em tham gia các hoạt động tập thể vì cho rằng sẽ ảnh hưởng đến việc học tập.

- Theo em, Lan nên làm gì để mẹ không ngăn cấm mình tham gia hoạt động tập thể?

Trả lời

+ **Tình huống 1:** Theo Hiến pháp 2013 và Luật Trẻ em quy định: Trẻ em có quyền được tham gia hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em.

Lan có thể trực tiếp hoặc nhờ thầy, cô giáo nói chuyện với bố mẹ để bố mẹ tạo điều kiện cho em tham gia các hoạt động tập thể. Lan cũng cần cố gắng học tốt để chứng minh cho bố mẹ thấy việc tham gia các hoạt động tập thể không ảnh hưởng đến việc học.

Tình huống 2: Mặc dù công việc của bố mẹ Hà rất vất vả nhưng Hà rất ít khi làm việc nhà để giúp đỡ bố mẹ vì nghĩ rằng mình chỉ cần có nghĩa vụ học giỏi là được.

a) Em suy nghĩ gì về việc làm của Hà?

b) Theo em, Hà cần làm gì để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của học sinh?

Trả lời

+ **Tình huống 2:**

1/ Luật Trẻ em quy định bốn phận của trẻ em đối với gia đình là: Học tập, rèn luyện, giữ gìn

Bài tập 3: Bài tập tình huống:

nền nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em.

2/ Hà cần thực hiện tốt bốn phận của trẻ em (với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, hoàn thành sơ đồ bài học.

Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.

Với hoạt động trò chơi: HS nghe hướng dẫn, tham gia.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm, trò chơi tích cực.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm.

- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS.

- GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:

+ Kết quả làm việc của học sinh.

+ Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.

Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống

- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án..

1/ Em hãy vẽ bức tranh hoặc sưu tầm một câu chuyện thể hiện một việc làm thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và thuyết minh về bức tranh, câu chuyện đó. - GV hướng dẫn HS về nhà vẽ bức tranh, sưu tầm câu chuyện thể hiện một việc làm thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và nộp bài vào tiết học sau.

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

- GV hướng dẫn HS tổ chức trưng bày tranh vẽ ở lớp học hoặc chia sẻ câu chuyện và yêu cầu HS chia sẻ ý nghĩa của bức tranh, câu chuyện đó với các bạn trong lớp. Những HS khác nhận xét. GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

2/ Em hãy viết khoảng nửa trang giấy về nghĩa vụ của HS và những việc em đã làm để thực hiện nghĩa vụ đó.

GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập này ở nhà và nộp lại cho GV. Trong tiết học hôm sau, GV sẽ lựa chọn một vài bài viết để đọc cho cả lớp nghe rồi nhận xét và chốt lại vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: 1/ Em hãy vẽ bức tranh hoặc sưu tầm một câu chuyện thể hiện một việc làm thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và thuyết minh về bức tranh, câu chuyện đó. - GV hướng dẫn HS về nhà vẽ bức tranh, sưu tầm câu chuyện thể hiện một việc làm thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và nộp bài vào tiết học sau. - GV hướng dẫn HS tổ chức trưng bày tranh vẽ ở lớp học hoặc chia sẻ câu chuyện và yêu cầu HS chia sẻ ý nghĩa của bức tranh, câu chuyện đó với các bạn trong lớp. Những HS khác nhận xét. GV nhận xét, đánh giá và kết luận. 2/ Em hãy viết khoảng nửa trang giấy về nghĩa vụ của HS và những việc em đã làm để thực hiện nghĩa vụ đó. GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập này ở nhà và nộp lại cho GV. Trong tiết học hôm sau, GV sẽ lựa chọn một vài bài viết để đọc cho cả lớp nghe rồi nhận xét và chốt lại vấn đề. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe,	

nguyên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
---	--

***Hướng dẫn tự học**

- Học thuộc nội dung bài
- Hoàn thiện các bài tập
- Tự ôn tập các bài tuần 19-16 để kiểm tra giữa kì 2.
- Chuẩn bị: Kiểm tra giữa kì

TIẾT 28

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2

NS: 16/3/2024

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học (từ tuần 19-26) so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo Viên: Đề, hướng dẫn chấm
2. Học sinh: Giấy, bút, thước.

III. Tiến trình dạy học

1. Ổn định lớp.
2. Phát đề kiểm tra
3. Làm bài
4. Thu bài

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA GIỮA KỲ II- NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: GD CD – LỚP 6
Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MA TRẬN ĐỀ

T T	Mạch h nội dung	Nội dung/chủ đề/bài	Mức độ đánh giá								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tỉ lệ %		Tổng điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1		Ứng phó với các tình huống nguy hiểm	2 câu		2 câu			½ câu		½ câu			
		Tỉ lệ	10%		10 %			20 %		10 %	20 %	30 %	5
		Tiết kiệm	2 câu		2 câu								
		Tỉ lệ	10%		10 %						20 %		2
		Công dân nước CHXH CN VN	2 câu	1/2 câu		1/2 câu							
		Tỉ lệ	10%	10 %		10%					10 %	20 %	3
Tổng câu			6	1/2	4	1/2		1/2		1/2			12
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		50%	50%	10
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%		

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA GIỮA KỲ II
MÔN: GD CD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Ứng phó với các tình huống nguy hiểm	*Nhận biết: -Khái niệm, biểu hiện của những tình huống nguy hiểm -Nguyên nhân gây nguy hiểm *Thông hiểu -Cách ứng phó với t/h nguy hiểm *Vận dụng thấp: nhận xét việc ứng phó với các tình huống nguy hiểm * Vận dụng cao: Cách xử lí khi gặp tình huống nguy hiểm	2 TN,	2TN	½ TL	½ TL
2		Tiết kiệm	* Nhận biết - Nêu được khái niệm của tiết kiệm - Nêu được biểu hiện của tiết	2TN	2 TN		

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

			kiệm *Thông hiểu -Việc cần làm thể hiện tính tiết kiệm				
3		Công dân nước CHXH CNVN.	*Nhận biết: khái niệm công dân, quốc tịch. *Thông hiểu: Giải thích được vì sao là công dân VN/không phải là công dân VN	2TN ½ TL	½ TL		
Tổng				6 TN, ½ TL	4TN, ½ TL	½ TL	½ TL
Tỉ lệ %				40 %	30 %	20 %	10 %
Tỉ lệ chung				70 %		30 %	

Câu 8: Khi gặp mưa dông, lốc, sét, chúng ta **không** nên thực hiện hành động nào dưới đây?

- A. ở trong nhà khi trời mưa dông, lốc, sét.
- B. tắt thiết bị điện trong nhà (điện thoại di động, tivi...).
- C. nếu đang đi ngoài đường, cần nhanh chóng tìm nơi trú ẩn an toàn.
- D. nếu đang đi ngoài đường, hãy nhanh chóng tìm tới các gốc cây to để trú ẩn.

Câu 9: Để tiết kiệm thời gian, khi có thời gian rảnh rỗi em sẽ làm gì?

- A. chơi game.
- B. lên Facebook nói chuyện với mọi người.
- C. đi chơi với bạn bè.
- D. học bài cũ và soạn bài mới, đọc sách, giúp bố mẹ việc nhà.

Câu 10: Để tiết kiệm, em cần tránh điều gì?

- A. lối sống đua đòi, xa hoa và lãng phí.
- B. sắp xếp việc làm khoa học tránh lãng phí thời gian.
- C. bảo quản, sử dụng và tận dụng các đồ dùng học tập, lao động.
- D. trân trọng vật chất và sức lao động của người khác.

PHẦN II: TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm):

Bố mẹ A là người Anh qua Việt Nam làm ăn và sinh sống, A sinh ra ở Việt Nam. Theo em, A có phải là công dân Việt Nam hay không ? Vì sao ?

Câu 2 (3.0 điểm):

Trời nắng nóng, sau khi chơi đá bóng, Nam rủ các bạn xuống sông tắm.

a/ Em có nhận xét gì về việc làm của Nam?

b/ Nếu em là bạn cùng chơi đá bóng với Nam, trong tình huống trên em sẽ làm như thế nào?

-Hết-

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm có 02 trang)

KIỂM TRA GIỮA KỲ II
MÔN: GDCD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)*

MÃ ĐỀ B

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước câu trả lời đó.

Câu 1: Điều gì còn thiếu trong câu sau: “Tình huống nguy hiểm từ.....là những mối nguy hiểm bất ngờ, xuất phát từ những hành vi cố ý hoặc vô tình từ....gây tổn thất cho con người và xã hội”.

A. con người B. máy móc C. tự nhiên D. động vật

Câu 2: Tình huống nào sau đây **không phải** là tình huống nguy hiểm?

A. Mưa, gió, bão B. Sấm, sét C. Sạt, lở đất D. Nhật thực

Câu 3: Tiết kiệm là sử dụng một cách hợp lý, đúng mức:

A. truyền thống yêu nước B. truyền thống văn hóa
C. lối sống tốt đẹp D. của cải vật chất, thời gian, sức lực

Câu 4: Đối lập với tiết kiệm là

A. kiên trì B. lãng phí C. siêng năng D. trung thực

Câu 5: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có Quốc tịch tại:

A. Trung Quốc B. Việt Nam C. Nhật Bản D. Mỹ

Câu 6: Công dân là người dân của một nước, có quyền và nghĩa vụ do:

A. pháp luật quy định. B. người khác trao tặng.
C. mua bán mà có. D. giáo dục mà có.

Câu 7: Nhân vật trong tình huống nào dưới đây đã biết ứng phó với tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên?

A. Đang có mưa lớn, Bình rủ các bạn cùng lớp ra sân trường tắm mưa.
B. Phong khuyên các bạn không bơi lội trên sông suối khi có lũ quét, lũ ống.
C. Lan vẫn thản nhiên sử dụng các thiết bị điện tử khi ngoài trời mưa giông, lốc, sét.

D. Dù dự báo sắp có mưa bão lớn, gia đình ông Hải vẫn cho thuyền ra khơi đánh cá.

Câu 8: Bạn An khi đang di chuyển trên đường gặp mưa dông, sấm sét. An nên làm gì?

A. tiếp tục di chuyển xem như không có chuyện gì.
B. dừng xe lại chỗ có gốc cây to để trú vì đó là nơi an toàn.

- C. chạy nhanh đến nhà gần nhất xin trú, chờ hết sấm sét mới di chuyển tiếp.
- D. đứng giữa đường chờ hết sấm, sét rồi đi tiếp vì đó cũng là cách an toàn.

Câu 9: Để tiết kiệm thời gian, em cần phải làm gì?

- A. đi chơi với bạn bè
- B. tranh thủ học bài và giúp bố mẹ trông em
- C. chơi game
- D. ngủ cả ngày

Câu 10: Sống tiết kiệm **không** mang lại ý nghĩa nào sau đây?

- A. biết quý trọng thành quả lao động của bản thân và người khác.
- B. đảm bảo cho cuộc sống ổn định, ấm no, hạnh phúc.
- C. làm giàu cho bản thân gia đình và đất nước.
- D. bị người khác khinh bỉ và xa lánh.

PHẦN II: TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm):

Bố mẹ B là người Mi qua Việt Nam làm ăn và sinh sống, B sinh ra ở Việt Nam. Theo em, B có phải là công dân Việt Nam hay không ? Vì sao ?

Câu 2 (3.0 điểm):

Tan học, Hoa đạp xe về nhà. Bỗng mây đen kéo tới, sấm chớp ầm ầm, mưa rơi nặng hạt. Hoa rủ các bạn trú tạm dưới gốc cây to bên đường.

a/ Em có nhận xét gì về cách ứng phó của bạn Hoa ?

b/ Nếu em là Hoa, trong tình huống trên em sẽ làm như thế nào?

(Hết)

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Hướng dẫn chấm này có 01 trang)

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	C	A	A	D	C	D	D	A

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1. (2.0 điểm)	- A không phải là công dân Việt Nam.	1.0
	- Vì A sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam nhưng bố mẹ A là người mang quốc tịch Anh chỉ sang Việt Nam làm ăn sinh sống không có quốc tịch Việt Nam (xác định quốc tịch theo huyết thống- quốc tịch của cha hoặc mẹ)	1.0
Câu 2. (3.0 điểm)	a. Nhận xét: - Đây là việc làm rất nguy hiểm, vì: + Các bạn đi tắm mà không có người lớn đi cùng. + Không mặc áo phao nên nguy cơ đuối nước rất cao.	1.0
		1.0
	b. Nếu em là bạn cùng chơi bóng với Nam, em sẽ: - Can ngăn, khuyên không có các bạn tự ý xuống sông tắm. - Nếu các bạn không nghe, em sẽ báo với người lớn ở gần đó hoặc chạy về báo với bố mẹ để ngăn chặn kịp thời, tránh những điều đáng tiếc xảy ra.	1.0

***Lưu ý: HSKT CHỈ CẦN LÀM ĐÚNG 5 CÂU TN LÀ ĐẠT**

GV trong quá trình chấm có thể linh hoạt với những cách giải thích khác phù hợp

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

HƯỚNG DẪN CHẤM

KIỂM TRA GIỮA KỲ II
MÔN: GD CD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ B

(Hướng dẫn chấm này có 01 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	D	B	B	A	B	C	B	D

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1. (2.0 điểm)	- B không phải là công dân Việt Nam.	1.0
	- Vì B sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam nhưng bố mẹ B là người mang quốc tịch Mỹ chỉ sang Việt Nam làm ăn sinh sống không có quốc tịch Việt Nam (xác định quốc tịch theo huyết thống- quốc tịch của cha hoặc mẹ)	1.0
Câu 2. (3.0 điểm)	a. Việc làm của Hoa rất nguy hiểm. Vì: - Gốc cây, cành cây có thể ngã, gây đổ đè lên người. - Các đường dây điện có thể bị đứt, dẫn đến nguy cơ điện giật. - Sét đánh....	1,0 1.0
	b. Nếu em là Hoa, em sẽ: - Nhanh chóng tìm nơi trú ẩn an toàn. - Hết mưa mới tiếp tục về nhà	0.5 0.5

***Lưu ý: HSKT CHỈ CẦN LÀM ĐÚNG 5 CÂU TN LÀ ĐẠT**

GV trong quá trình chấm có thể linh hoạt với những cách giải thích khác phù hợp.

I. MỤC TIÊU: Sau bài học này, hs có thể:

1. Về kiến thức:

- Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em.
- Nêu được ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

* Năng lực giao tiếp và hợp tác :

- Đánh giá được nguyện vọng, khả năng của từng thành viên trong nhóm để đề xuất phương án tổ chức hoạt động hợp tác.
- Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.
- Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.

* Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được các quyền trẻ em và ý nghĩa của quyền trẻ em.

- Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

* Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Tích cực tham gia các hoạt động nhằm thực hiện quyền trẻ em.

3. Về phẩm chất:

* Nhân ái: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động để bảo vệ quyền trẻ em.

* Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

* Trách nhiệm: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động để bảo vệ quyền trẻ em.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học:

- Tranh ảnh, âm nhạc (bài hát Quyền trẻ em), những ví dụ thực tế... gắn với bài “Quyền cơ bản của trẻ em”;
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint...

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, vở bài tập thực hành Giáo dục công dân 6, tư liệu báo chí, thông tin, clip.
- Máy chiếu Powerpoint, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

- Học sinh bước đầu nhận biết được các nhóm quyền cơ bản của trẻ em.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Các quyền cơ bản của trẻ em.

b. Nội dung:

Hs lắng nghe video bài hát “*Quyền trẻ em*” (Trịnh Vĩnh Thành) và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Hs lắng nghe bài hát “<i>Quyền trẻ em</i>” (Trịnh Vĩnh Thành) và tham gia trò chơi “<i>Ai hiểu biết hơn</i>” Luật chơi: Hs lắng nghe và liệt kê các quyền trẻ em được nhắc tới trong bài hát vào phiếu học tập cá nhân (giấy nhớ) trong 1 phút. Hết thời gian 1 phút, gv sẽ thu phiếu xác suất, mời hs trình bày, cả lớp nhận xét. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs hoạt động cá nhân, hết thời gian, gv chọn xác suất hs trình bày và nhận xét. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Học sinh báo cáo kết quả hoạt động cá nhân. Bước 4: Kết luận, nhận định - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học: <i>Nội dung bài hát này đã đề cập đến một số quyền của trẻ em như: quyền được chăm lo, quyền được bảo vệ, quyền được tham gia, quyền được đến trường, quyền được vui chơi. Đây là những quyền mà mỗi trẻ em đều được hưởng.</i>	

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em.

a. Mục tiêu:

- HS nêu được bốn nhóm quyền cơ bản của trẻ em.
- HS giải thích được vì sao trẻ em cần phải có bốn nhóm quyền cơ bản

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh, thông tin, hình ảnh, tình huống
- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh tìm hiểu về các nhóm quyền cơ bản của trẻ em.

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu học tập)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giới thiệu vài nét về Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Luật trẻ em năm 2016 và bốn nhóm quyền cơ bản của trẻ em theo nội dung trong SGK. - Hs lắng nghe, hoạt động nhóm, đọc thông tin và quan sát các bức tranh trong sgk, hoàn thiện phiếu học tập trả lời các câu hỏi sau bằng kỹ thuật Think-Pair- Share trong 5- 7 phút: Bước 1: Hoạt động cá nhân. Bước 2: Hoạt động cặp đôi Bước 3: Cử đại diện chia sẻ trước lớp. * Nhóm 1: Quyền được sống còn: 1. Em hãy kể tên các quyền trong nhóm quyền được sống còn của trẻ em? 2. Vì sao trẻ em cần có quyền được sống còn? * Nhóm 2: Quyền được bảo vệ 1. Em hãy cho biết các bức tranh trên đề cập đến những quyền nào của trẻ em cần được 20/11? 2. Vì sao trẻ em cần có quyền được bảo vệ? * Nhóm 3: Quyền được phát triển 1. Em hãy cho biết các bức tranh trên đề cập tới quyền được phát triển nào của trẻ em. 2. Vì sao trẻ em cần có quyền được phát triển * Nhóm 4: Quyền được tham gia 1. Em hãy cho biết các bức tranh trên đề cập tới quyền được phát triển nào của trẻ em? 2. Vì sao trẻ em cần có quyền được tham gia? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs hoạt động nhóm, hết thời gian, gv chọn xác suất nhóm hs trình bày và nhận xét chéo. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV mời đại diện các nhóm cử đại diện báo cáo kết quả hoạt động nhóm, các nhóm còn lại nhận xét, góp ý. * Nhóm 1: Quyền được sống còn: 1. Quyền sống còn của trẻ em gồm: quyền được khai sinh, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền được	1. Tìm hiểu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em: Quyền cơ bản của trẻ em là những lợi ích cơ bản mà trẻ em được hưởng và được Nhà nước bảo vệ - Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989 và Luật Trẻ em năm 2016 đã ghi nhận các quyền cơ bản của trẻ em. Các quyền đó có thể chia thành bốn nhóm: + Nhóm quyền sống còn: là những quyền được sống và được đáp ứng các nhu cầu cơ bản để tồn tại như được nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe. + Nhóm quyền bảo vệ: là những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bị bóc lột và xâm hại. + Nhóm quyền phát triển: là những quyền được đáp ứng các nhu cầu cho sự phát triển một cách toàn diện như được học tập, được vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, + Nhóm quyền tham gia: là những quyền được tham gia vào những công việc có ảnh

chăm sóc và nuôi dưỡng

2. Trẻ em cần có quyền được sống còn vì trẻ em còn nhỏ, sức khỏe cả thể chất và tinh thần còn yếu nên dễ gặp phải các nguy cơ ảnh hưởng đến sự sống còn. Do đó trẻ em cần có quyền được sống còn để được yêu thương, chăm sóc nhằm duy trì sự sống.

*** Nhóm 2: Quyền được bảo vệ**

1. Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, không bị bóc lột sức lực động, không bị xâm hại tình dục và quyền bị một đời sống riêng tư.

2. Trẻ em còn non nớt về thể chất, tinh thần và thiếu kinh nghiệm sống nên rất dễ bị xâm hại, lạm dụng, bóc lột, bắt cóc... Do đó, trẻ em cần có quyền được bảo vệ để đảm bảo an toàn cho bản thân.

*** Nhóm 3: Quyền được phát triển**

1. Quyền được học tập, quyền được vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu.

2. Trẻ em cần có quyền được phát triển vì trẻ em là đối tượng còn nhỏ, cần phải trải qua quá trình phát triển để hoàn thiện về thể chất, tinh thần, trí tuệ, nhân cách. Trong quá trình này, trẻ em cần được cung cấp các điều kiện cần thiết về dinh dưỡng, giáo dục, vui chơi giải trí, rèn luyện... để phát triển toàn diện.

*** Nhóm 4: Quyền được tham gia**

1. Quyền được phát biểu ý kiến, quan điểm riêng của bản thân về những quan đến trẻ em; quyền được giao lưu, kết bạn.

2. Trẻ em cần có quyền được tham gia vì trẻ em cũng là một thành viên của gia đình và xã hội. Trẻ em có nhận thức, tình cảm, suy nghĩ riêng về những điều mà các em tiếp nhận từ thế giới xung quanh; trẻ em có quyền bày tỏ ý kiến về những vấn đề liên quan đến bản thân mình.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và kết luận:

*** Nhóm 1: Quyền được sống còn:**

+ **Nhóm quyền được sống còn của trẻ em** bao gồm quyền của trẻ em được sống cuộc sống bình thường và được đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất để tồn tại và phát triển thể chất.

+ Các quyền được sống còn của trẻ em: quyền được sống; quyền được khai sinh và có quốc tịch; quyền

hưởng đến cuộc sống của trẻ em như được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình.

được chăm sóc, nuôi dưỡng quyền được chăm sóc sức khỏe; quyền được sống chung với cha mẹ quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha mẹ; quyền được đảm bảo an sinh xã hội

+ Tất cả mọi người đều có quyền được sống. Trong đó, trẻ em là những người còn nhỏ tuổi, thể chất và tinh thần chưa phát triển hoàn thiện nên sẽ gặp nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến sự sống còn nhất. Vì vậy, trẻ em cần được đảm bảo nhóm quyền được sống còn để được quan tâm, chăm sóc về dinh dưỡng, y tế và tình cảm nhằm duy trì sự sống

*** Nhóm 2: Quyền được bảo vệ**

+ **Nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em** là những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bóc lột, xâm hại,

+ Các quyền được bảo vệ của trẻ em: quyền bí mật đời sống riêng tư quyền được lưu về để không bị xâm hại tình dục; quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy, quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa ở nhiễm môi trường, xung đột vũ trang.

+ Trẻ em nhỏ tuổi, thể chất, tinh thần, trí tuệ, nhân cách còn dừng trong giai đoạn phát triển, chưa có nhiều sự trải nghiệm trong cuộc sống, thiếu kinh nghiệm sống nên trẻ em cần có quyền được bảo vệ để chống lại tất cả các hình thức bạo lực, bóc lột sức làm động, xâm hại tình dục, sao những bỏ rơi, buôn bán, bắt cóc, chiến tranh và lạm dụng ma túy.

*** Nhóm 3: Quyền được phát triển**

+ **Nhóm quyền được phát triển của trẻ em** là nhóm quyền nhằm đáp ứng các nhu cầu cho trẻ em được phát triển một cách toàn diện.

+ Các quyền được phát triển của trẻ em: quyền được có mức sống đầy đủ; quyền được - giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu; quyền vui chơi, giải trí; quyền giữ gìn, phát huy bản sắc; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Trẻ em là những con người đang trong giai đoạn phát triển để hoàn thiện về thể chất (chiều cao, cân nặng, sức khỏe), tinh thần, trí tuệ nhân cách... Do đó, trẻ em cần được đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết để phát triển bản thân một cách hài hoà. Nếu không được đáp ứng đầy đủ các quyền được phát triển, trẻ em có thể phải chịu những thiệt thòi về thể chất (suy sinh dưỡng, sức khoẻ yếu...), tổn thương về tâm lí, thiếu hụt về trí tuệ, lệch lạc về nhân cách.

*** Nhóm 4: Quyền được tham gia**

+ **Nhóm quyền được tham gia của trẻ em** là những quyền nhằm đảm bảo cho trẻ em được tham gia vào các vấn đề liên quan đến bản thân bằng những cách thức phù hợp với nhận thức và độ tuổi.

+ Nhóm quyền được tham gia của trẻ em gồm: quyền được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời, phù hợp; quyền tìm kiếm, thu nhận các thông tin dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật và được tham gia hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em; quyền được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các vấn đề liên quan đến trẻ em; được tự do hội họp theo quy định của pháp luật phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và sự phát triển của trẻ em được cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến, nguyện vọng chính đáng.

+ Trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến về những vấn đề liên quan đến bản thân mình, được tham gia vào các hoạt động xã hội phù hợp với năng lực và độ tuổi của bản thân, Thực hiện quyền được tham gia giúp cho trẻ con thêm hiểu biết và năng cao hơn nhận thức, tích lũy được kinh nghiệm; giúp người lớn đưa ra những quyết định đúng đắn nhất để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống có liên quan tới trẻ em.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em

a. Mục tiêu:

- HS giải thích được ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thông tin trong SGK và thảo luận trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV y.c hs thảo luận nhóm bàn, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi sau: 1. Em hãy cho biết, quyền trẻ em có ý nghĩa như thế nào? 2. Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu các quyền của trẻ em không được thực hiện? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: - Hs thảo luận nhóm bàn trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm trả lời hai câu hỏi trên. Sau khi đại diện các nhóm trả lời, những thành viên khác trong lớp nhận xét, bổ sung ý kiến. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và kết luận: + Quyền trẻ em thể hiện sự tôn trọng quan tâm, bảo vệ của cộng đồng quốc tế và mỗi quốc gia đối với trẻ em. Đây là điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ, toàn diện cả về thể chất và tinh thần, Quyền trẻ em đảm bảo cho trẻ em được sống được phát triển trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương, an toàn và bình đẳng. Thực hiện quyền trẻ em cũng là sự đảm bảo cho tương lai tươi đẹp của đất nước và của toàn nhân loại. + Trẻ em là tương lai của nhân loại. Nếu quyền trẻ em không được thực hiện, trẻ em sẽ phải đối diện với rất nhiều nguy cơ mất an toàn, ảnh hưởng đến sự phát triển và sống còn của bản thân. Tình trạng bất bình đẳng và tệ nạn xã hội sẽ không ngừng gia tăng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của các quốc gia và toàn thế giới. Do đó mỗi quốc gia cần có sự quan tâm, quán triệt việc thực hiện quyền trẻ em. - Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về bốn nhóm quyền cơ bản của trẻ em, ý nghĩa của quyền trẻ em và tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung kiến thức ở	2. Ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em: - Quyền trẻ em là điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần. Thực hiện quyền trẻ em đảm bảo cho trẻ em được sống, được phát triển trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương, an toàn, lành mạnh, bình đẳng. - Bốn phạm của trẻ em: yêu quý, kính trọng, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; kính trọng thầy, cô giáo; lễ phép với người lớn, thương yêu em nhỏ, đoàn kết với bạn bè giúp đỡ gia đình và những người gặp khó khăn theo khả năng của mình; chăm chỉ học tập, rèn luyện thân thể; sống khiêm tốn, trung thực và có đạo đức, tôn trọng pháp luật; tuân theo nội quy của nhà trường; tôn trọng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đoàn kết quốc tế...

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể.

b. Nội dung:

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, phiếu bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Nhiệm vụ 1: Bài tập 1: Kể về bốn nhóm quyền của trẻ em Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV chia lớp thành bốn nhóm, tham gia trò chơi “<i>Ai nhanh hơn</i>” làm bài tập 1 (3 phút) Gv phổ biến luật chơi: Các nhóm lần lượt kể tên các quyền cụ thể trong bốn nhóm quyền của trẻ em theo hình thức nối tiếp (ví dụ: nhóm 1: Kể tên một quyền được sống còn xong thì nhóm 2 sẽ kể tiếp tên một quyền được phát triển. Các nhóm sẽ lần lượt kể tên các quyền cụ thể trong bốn nhóm quyền cho đến khi hết. Nếu một nhóm nào đó kể sai tên hoặc không biết thì các nhóm còn lại sẽ được phép bổ sung. Nhóm nào kể sai tên hoặc kể được ít nhất thì sẽ bị phạt (ví dụ: hát một bài hoặc làm một hành động ngộ nghĩnh nào đó). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: Hs suy nghĩ cá nhân, thống nhất trong nhóm và tham gia trò chơi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Hs các nhóm thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của gv Bước 4: Kết luận, nhận định: - GV nhận xét các nhóm và kết luận những nội dung chính về bốn nhóm quyền của trẻ em. Nhiệm vụ 2: Bài tập 2: Sắp xếp các quyền cụ thể của trẻ em theo bốn nhóm quyền Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu hs hoàn thiện phiếu học tập cá nhân trong 2 phút, sau đó gv bắt thăm chọn hs trình bày trước lớp. PHIẾU HỌC TẬP	

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

Nhóm quyền được sống còn	Nhóm quyền được bảo vệ	Nhóm quyền được phát triển.	Nhóm quyền được tham gia

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:
 HS hoàn thành việc trả lời câu hỏi và điền phiếu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
 - Hs trình bày trước lớp (nếu được chọn), cả lớp bổ sung thêm nếu thấy chưa đầy đủ

Bước 4: Kết luận, nhận định
 GV nhận xét và kết luận:
 - Nhóm quyền được sống còn: b, g, h.
 - Nhóm quyền được bảo vệ: e, l
 - Nhóm quyền được phát triển: a, c, i
 - Nhóm quyền được tham gia: d, k.

Nhiệm vụ 3: Bài tập 3:
Kể về một tấm gương thực hiện tốt quyền của trẻ em và rút ra bài học cho bản thân.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:
 GV nêu yêu cầu bài tập, cho HS thời gian suy nghĩ, sau đó chỉ định (hoặc lấy tình thân xung phong) một vài bạn kể câu chuyện về tấm gương thực hiện tốt quyền trẻ em và nêu bài học mà bản thân rút ra qua câu chuyện về tấm gương đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:
 Hs suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
 - Hs kể câu chuyện về tấm gương thực hiện tốt quyền trẻ em và nêu bài học mà bản thân rút ra qua câu chuyện về tấm gương đó.
 - Cả lớp nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định
 GV nhận xét và kết luận.

Nhiệm vụ 4: Bài tập 4: Xử lý tình huống

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:
 GV nêu yêu cầu bài tập, cho HS thời gian suy nghĩ cá nhân, sau đó HS sắm vai xử lý theo yêu cầu: HS đọc tình huống trong SGK, thảo luận lên kịch bản đóng vai.
 + HS đóng vai Quân và bố mẹ để trả lời câu hỏi

“Quân hiểu về quyền trẻ em trong tình huống này đúng hay sai? Vì sao?” và đưa ra cách xử lý tích cực, phù hợp cho Quân khi bị bố mẹ mắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

Hs suy nghĩ cá nhân, sắm vai xử lý tình huống.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đóng vai Quân và bố mẹ

- Cả lớp nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Quân hiểu sai về quyền trẻ em vì:

- Sách tham khảo là do bố mẹ bỏ tiền ra mua, là tài sản trong gia đình

- Mục đích Quân cho bạn sách là vì không thích đọc cho người khác để không phải đọc nữa...

- Trẻ em còn nhỏ, chưa làm việc để kiếm được tiền, những tài sản trong nhà đều do bố mẹ làm ra. Sách vở và những đồ dùng mà bố mẹ mua là để cho các em học tập, sinh hoạt. Khi các em muốn mang sách vở, đồ dùng này cho người khác thì các em cần hỏi ý kiến của bố mẹ, tuyệt đối không nên vì lòng biếng, không muốn sử dụng mà mang sách vở, đồ dùng của mình đi cho

- Bố mẹ Quân: giải thích cho Quân vì sao tự ý mang sách cho bạn là sai, nếu muốn cho bạn sách Quân nên hỏi ý kiến bố mẹ, nếu không muốn đọc sách tham khảo đó thì nên nói với bố mẹ để chọn mua quyển khác phù hợp hơn

- Quân: xin lỗi bố mẹ vì đã tự ý mang sách tham khảo cho bạn, giải thích cho bố mẹ vì sao không thích đọc sách, nhà bố mẹ giúp đỡ nếu đọc thấy khó hiểu, góp ý với bố mẹ loại sách tham khảo mà mình thích.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

HS liên hệ thực tế về quyền trẻ em và ý nghĩa quyền trẻ em

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	

- GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án ... + Hoạt động dự án: Em hãy viết thư tư vấn cho một bạn hay bị bố đánh và dọa cho nghỉ học để giúp bạn được hưởng các quyền cơ bản của trẻ em. GV hướng dẫn HS về nhà viết bức thư, sau đó nộp vào tiết học tuần sau Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 4: Kết luận, nhận định Gv hướng dẫn: Bức thư nên tập trung vào các nội dung: + Đồng cảm, chia sẻ và động viên khi quyền trẻ em của bạn bị xâm phạm. + Khuyến bạn nên đấu tranh, nhờ sự can thiệp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giúp đỡ để bạn không bị bố đánh và dọa cho nghỉ học. - Ở tiết học sau, GV có thể lựa chọn một vài bức thư ấn tượng và đọc lại cho cả lớp cùng nghe. HS nhận xét, góp ý. GV nhận xét và chốt lại vấn đề	
--	--

***Hướng dẫn tự học**

- Học thuộc nội dung bài
- Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị: Thực hiện quyền trẻ em:
- + Đọc kĩ nội dung bài
- + Trả lời các câu hỏi
- + Đọc trước ghi nhớ

TIẾT 32	ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ	NS: 21/4/2024
----------------	--------------------------------	----------------------

I. Mục tiêu.

1. Kiến thức.

Giúp học sinh củng cố, khắc sâu một số kiến thức trọng tâm của các bài đã học: Từ bài 8 đến bài 11

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực nhận thức, tư duy logic.

- **Năng lực chuyên biệt :** năng lực sử dụng ngôn ngữ

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh có thái độ ôn tập tích cực.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Hệ thống hoá nội dung ôn tập, máy chiếu, máy tính

2. Chuẩn bị của học sinh: Xem lại các kiến thức đã học

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

1. Khởi động (2p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
Gv nêu mục tiêu tiết học	Lắng nghe	

2/ Hình thành kiến thức (42p)

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6 NĂM HỌC 2023-2024

Bài 8: Tiết kiệm

- Tiết kiệm là gì?
- Các biểu hiện của tiết kiệm.
- Ý nghĩa của tiết kiệm

Bài 9: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Công dân là gì?
- Quốc tịch là gì?
- Thế nào là Công dân nước CHXHCNVN ?
- Người có quốc tịch Việt Nam là người thuộc các trường hợp nào?

Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- Thế nào là quyền cơ bản của công dân?
- Thế nào là nghĩa vụ cơ bản của công dân?
- Nêu 4 nhóm quyền công dân: chính trị; dân sự; kinh tế; văn hóa xã hội
- Các nghĩa vụ cơ bản mà công dân phải thực hiện: học tập; bảo vệ, chăm sóc; ...

Bài 11: Quyền trẻ em

- Quyền trẻ em là gì?
- Các nhóm quyền trẻ em:
 - + Nhóm quyền sống còn: là những quyền được sống và được đáp ứng các nhu cầu cơ bản để tồn tại như được nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe.
 - + Nhóm quyền bảo vệ: là những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bị bóc lột và xâm hại.
 - + Nhóm quyền phát triển: là những quyền được đáp ứng các nhu cầu cho sự phát triển một cách toàn diện như được học tập, được vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động văn hoá, nghệ thuật,
 - + Nhóm quyền tham gia: là những quyền được tham gia vào những công việc có ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ em như được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình.

*** Bài tập:**

Câu 1. Gia đình V sống bằng những đồng lương ít ỏi của bố. Một hôm nữa là đến sinh nhật V, nhóm bạn thân trong lớp gợi ý V tổ chức sinh nhật ở nhà hàng cho sang trọng. Nếu là V em sẽ làm gì?

- A. Xin bố mẹ tiền để tổ chức ở nhà hàng cho sang trọng.
- B. Mỗi năm sinh nhật có một lần nên phải tổ chức hoành tráng.
- C. Tổ chức sinh nhật tại nhà đơn giản tiết kiệm, đầm ấm, vui vẻ.
- D. Mắng cho bạn một trận vì tham gia vào chuyện của mình.

Câu 2. Ý kiến nào sau đây đúng khi nói về tiết kiệm?

- A. Tiết kiệm thể hiện đạo đức của con người.
- B. Tiết kiệm làm cho con người trở nên bủn xỉn.
- C. Chỉ tiết kiệm tài sản của mình còn của công thì dùng thoải mái.
- D. Kinh tế bây giờ phát triển cao nên không cần phải tiết kiệm nữa.

Câu 3. Việc làm nào sau đây là không biết tiết kiệm?

- A. An thích chiếc áo khoác nhưng mẹ không có tiền nên An không đòi mẹ mua.
- B. Thấy bố mẹ vất vả Lan ăn sáng ở nhà rồi đi học, không xin tiền của bố mẹ.
- C. Ngày nào đi học Nam cũng mua đồ ăn vặt hết 30.000 đồng.
- D. Hòa để dành tiền mừng tuổi mua dụng cụ học tập.

Câu 4. Sử dụng một cách hợp lý, đúng mức của cải vật chất, thời gian, sức lực của mình và của người khác gọi là?

- A. Tiết kiệm. B. Hà tiện. C. Keo kiệt. D. Bủn xỉn.

Câu 5. Quyền công dân được tham gia bàn bạc, thảo luận, đóng góp ý kiến vào những vấn đề chung của xã hội là thuộc quyền nào trong Hiến pháp 2013?

- A. Quyền bất khả xâm phạm thân thể. B. Quyền tự do ngôn luận.

C. Quyền khiếu nại. D. Quyền tự do đi lại.

Câu 6: Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa như thế nào?

A. Đều có quyền như nhau. B. Đều có nghĩa vụ như nhau.

C. Đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau.

D. Đều bình đẳng về quyền và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Câu 7: Ý nào dưới đây không đúng khi nói về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân:

A. Quyền công dân không tách rời với nghĩa vụ công dân.

B. Việc thực hiện quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

C. Người phạm tội bị phạt tù không phải thực hiện nghĩa vụ công dân.

D. Những người là công dân Việt Nam có quyền và phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ của công dân.

Câu 8: Quyền cơ bản của công dân là:

A. Những lợi ích cơ bản mà người Công dân được hưởng và được pháp luật bảo vệ.

B. Những đảm bảo pháp lí của nhà nước cho tất cả mọi người.

C. Những lợi ích cốt lõi mà bất cứ ai trên thế giới đều được hưởng.

D. Những đảm bảo của Liên hiệp quốc cho tất cả mọi người trên thế giới.

Câu 9: Quyền nào của công dân dưới đây không thuộc nhóm quyền dân sự:

A. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

B. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

C. Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình.

D. Quyền tự do đi lại và cư trú.

Câu 10: Công dân bình đẳng trước pháp luật là:

A. Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

B. Công dân có quyền, nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

C. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng sẽ bị xử lí theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.

D. Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

Câu 11: Trách nhiệm của học sinh chúng ta khi thực hiện quyền trẻ em là:

A. Tích cực thực hiện các quyền trẻ em để phát triển bản thân.

B. Ủng hộ những hành vi thực hiện đúng quyền trẻ em.

C. Phê phán những hành vi vi phạm quyền trẻ em.

D. Tất cả ý trên đều đúng.

Câu 12: Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và căn cứ Luật Trẻ em năm 2016. Theo đó, quyền cơ bản của trẻ em được chia làm mấy nhóm cơ bản?

A. Ba nhóm cơ bản. B. Bốn nhóm cơ bản. C. Sáu nhóm cơ bản. D. Mười nhóm cơ bản.

Câu 13: Em A mồ côi cha mẹ từ nhỏ, được ông bà B là chủ quán phở nhận nuôi.

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

Hàng ngày em phải làm việc giúp bố mẹ nuôi từ sáng sớm đến tối mịt, trong khi làm không may bị rơi vỡ đồ thì sẽ bị đánh, hành hạ rất dã man. Vậy hành vi của ông bà B, đã vi phạm nhóm quyền nào?

- A. Nhóm quyền bảo vệ. B. Nhóm quyền phát triển. C. Nhóm quyền sống còn.
D. Nhóm quyền tham gia.

Câu 14: Nội dung nào dưới đây không thể hiện trách nhiệm của gia đình khi thực hiện quyền trẻ em?

- A. Chăm sóc, giáo dục trẻ em. B. Tạo điều kiện, cho trẻ học tập.
C. Xử lý nghiêm hành vi vi phạm. D. Tiến hành khai sinh cho trẻ.

Câu 15: Tại buổi sinh hoạt lớp, em đứng lên phát biểu quan điểm của mình về việc tổ chức cắm trại nhân dịp kỉ niệm 26/3. Trong tình huống này em đã sử dụng nhóm quyền nào?

- A. Nhóm quyền bảo vệ. B. Nhóm quyền phát triển. C. Nhóm quyền sống còn.
D. Nhóm quyền tham gia.

Câu 16: Bố mẹ D rất quan tâm đến chuyện học hành của bạn. Ngoài những giờ học trên lớp, bố mẹ thường thuê gia sư để củng cố kiến thức cho D. Nhưng D không muốn học, em thường trốn học để đi lang thang ở những quán điện tử... Nếu là bạn của D thì em khuyên bạn như thế nào?

- A. Bạn nên cố gắng hơn trong học tập để phát triển bản thân.
B. Không nói gì cả, vì mỗi người có suy nghĩ, lựa chọn riêng.
C. Đồng ý với việc làm của bạn, vì bố mẹ bắt học quá nhiều.
D. Đây là việc của gia đình bạn, nên mình không nên xen vào.

Câu 17: Em H bị lây nhiễm HIV từ mẹ ngay lúc mới chào đời. Khi em lên 2 tuổi, gia đình đưa em đi học ở mẫu giáo. Tuy nhiên, Ban Giám hiệu trường mẫu giáo đã từ chối tiếp nhận em H vì lý do em có thể làm lây nhiễm HIV cho người khác.... Hành động của, Ban Giám hiệu trường mẫu giáo trong tình huống này là:

- A. Đúng, vì bảo vệ các trẻ em khác. B. Có thể thông cảm được. C. Hoàn toàn đúng luật.
D. Sai, vi phạm quyền trẻ em.

Câu 18: Ý nào dưới đây không đúng khi nói về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân:

- A. Các quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
B. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.
C. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.
D. Không cần phải tôn trọng quyền và nghĩa vụ của người khác. Chỉ cần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân của mình.

Câu 19: Ở Châu Á, Việt Nam là nước thứ mấy phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em?

- A. Thứ hai. B. Thứ nhất. C. Thứ tư. D. Thứ ba.

Câu 20: Nếu phải lựa chọn một slogan (khẩu hiệu) thể hiện quyền bầu cử, ứng cử

Kế hoạch bài giảng GD&CD 6

của công dân, theo em, slogan nào dưới đây là đúng:

- A. Công dân đủ 20 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân.
- B. Quyền bầu cử là quyền lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực của Nhà nước.
- C. Quyền ứng cử là thể hiện nguyện vọng được ứng cử vào những vị trí trong xã hội mà mình mong muốn.
- D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 21: Trường THPT X, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ thu hút đông đảo các bạn học sinh tham gia vào những dịp chào mừng kỉ niệm các ngày lễ lớn. Các hoạt động học sinh được tham gia đó nói đến nhóm quyền nào?

- A. Nhóm quyền phát triển. B. Nhóm quyền bảo vệ. C. Nhóm quyền sống còn.
- D. Nhóm quyền tham gia.

Câu 22: Hành vi nào dưới đây, vi phạm quyền trẻ em?

- A. Chị gái thường xuyên xem trộm nhật kí của H.
- B. Bố mẹ vẫn khuyến khích X đi học dù bạn bị khuyết tật.
- C. Là con nuôi nhưng G được bố mẹ tạo điều kiện cho ăn học.
- D. T phát biểu ý kiến xây dựng lớp trong giờ sinh hoạt.

***Hướng dẫn tự học (1p)**

- Tự ôn luyện các nội dung có trong đề cương ôn tập.
- Xem và tìm câu trả lời cho các tình huống của mỗi bài trong SGK

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

		Tỉ lệ	10%							10%		1	
		Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	2 câu		2 câu			½ câu		½ câu			
		Tỉ lệ	10%		10%			20%		10%	20%	30%	5
		Quyền cơ bản của trẻ em		½ câu	2 câu	½ câu							
		Tỉ lệ		10%	10%	10%					10%	20%	3
Tổng câu			6	1/2	4	1/2		½		1/2			12
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		50% 50%		10
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%		

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

BẢNG ĐẶC TẢ

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023-2024
Môn: GD CD – Lớp 6
Thời gian: 45 phút
(Không kể thời gian giao đề)

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Tiết kiệm	* Nhận biết: - Khái niệm, biểu hiện của tiết kiệm.	2 TN			
2	Công dân nước CHXHCN	Công dân nước CHXHCN NVN	* Nhận biết - Cơ sở là công dân của nước CHXHCNVN, quốc tịch của 1	2TN			

Kế hoạch bài giảng GD CD 6

	VN		nước.				
3	Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	* Nhận biết: Khái niệm quyền công dân; các nhóm quyền cơ bản của công dân. * Hiểu: Biểu hiện của quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. * Vận dụng thấp: nhận xét việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân. * Vận dụng cao: Cách xử lý để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân.	2TN	2TN	1/2 TL	1/2TL
4	Quyền trẻ em	Quyền trẻ em	* Nhận biết: Nhận biết hành vi vi phạm quyền trẻ em. * Thông hiểu: Hiểu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em, hành vi vi phạm quyền trẻ em. - Giải thích được hành vi vi phạm quyền trẻ em.	1/2 TL	2TN, 1/2TL		
Tổng				6 TN, ½ TL	4TN, ½ TL	½ TL	½ TL
Tỉ lệ %				40 %	30 %	20 %	10 %
Tỉ lệ chung				70 %		30 %	

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề này gồm có 2 trang)	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: GD CD – Lớp 6 Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)
---	---

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM: (5.0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng (A hoặc B, C, D) trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước phương án đó.

Câu 1: Sử dụng một cách hợp lý, đúng mức của cải vật chất, thời gian, sức lực của mình và của người khác gọi là

- A. tiết kiệm
B. hà tiện
C. keo kiệt
D. bủn xỉn

Câu 2: Ý kiến nào sau đây đúng khi nói về tiết kiệm?

- A. Tiết kiệm thể hiện đạo đức của con người.
B. Tiết kiệm làm cho con người trở nên bủn xỉn.
C. Chỉ tiết kiệm tài sản của mình còn của công thì dùng thoải mái.
D. Kinh tế bây giờ phát triển cao nên không cần phải tiết kiệm nữa.

Câu 3: Người nào dưới đây **không phải** là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Trẻ em có cha mẹ là công dân của Việt Nam.
B. Người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam.
C. Người nước ngoài sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam.
D. Trẻ em sinh ra ở Việt Nam, có mẹ là người Việt Nam, cha không rõ là ai.

Câu 4: Quốc tịch của một người **không được** ghi nhận ở giấy tờ nào?

- A. Hộ chiếu
B. Giấy khai sinh.
C. Căn cước công dân
D. Bằng đại học

Câu 5: Quyền cơ bản của công dân là

- A. Những đảm bảo pháp lí của nhà nước cho tất cả mọi người.
B. Những lợi ích cốt lõi mà bất cứ ai trên thế giới đều được hưởng.
C. Những đảm bảo của Liên hiệp quốc cho tất cả mọi người trên thế giới.
D. Những lợi ích cơ bản mà người công dân được hưởng và được pháp luật bảo

vệ.

Câu 6: Nội dung nào dưới đây **không thuộc** nhóm quyền chính trị cơ bản của công dân Việt Nam?

- A. Quyền tham gia quản lí nhà nước.
B. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
C. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
D. Quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan nhà nước.

Câu 7: Việc làm nào dưới đây thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân?

- A. Luôn đòi bố mẹ chiều theo ý muốn của bản thân.
- B. Thành lập công ty kinh doanh nhưng không đóng thuế.
- C. Ngăn cấm con tham gia các hoạt động tập thể của trường, lớp.
- D. Tô cáo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi đánh đập, hành hạ trẻ em.

Câu 8: Công an bắt người trong trường hợp nào dưới đây thì **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm của công dân?

- A. Chị D bị bắt, nói xấu người khác.
- B. Hai người hàng xóm đang cãi nhau.
- C. Một người đang bỏ khóa lấy trộm tài sản.
- D. Hai học sinh đang gây gổ với nhau tại sân trường.

Câu 9: Tại buổi sinh hoạt lớp, bạn N đã đứng lên phát biểu quan điểm của mình về việc tổ chức cắm trại nhân dịp kỉ niệm 26/3. Trong tình huống này, N đã sử dụng nhóm quyền nào trong các nhóm quyền trẻ em?

- A. Nhóm quyền bảo vệ.
- B. Nhóm quyền phát triển.
- C. Nhóm quyền sống còn.
- D. Nhóm quyền tham gia.

Câu 10: Hành vi nào dưới đây, vi phạm quyền trẻ em?

- A. Chị gái thường xuyên xem trộm nhật kí của H.
- B. Bố mẹ vẫn khuyến khích X đi học dù bạn bị khuyết tật.
- C. Là con nuôi nhưng G được bố mẹ tạo điều kiện cho ăn học.
- D. T phát biểu ý kiến xây dựng lớp trong giờ sinh hoạt.

II. TỰ LUẬN: (5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Em A (9 tuổi) được cô giáo và các bạn đưa vào bệnh viện cấp cứu vì có biểu hiện đau bụng dữ dội. Nhưng bác sĩ nói rằng, không thể khám và cấp cứu cho em A ngay được (mặc dù các bệnh nhân của bác sĩ chỉ thăm khám, không ở tình trạng nguy cấp) vì lí do các bệnh nhân đến trước, đang xếp hàng chờ khám và không thể ưu tiên.

Theo em, hành vi của bác sĩ có vi phạm quy định của Luật trẻ em không? Vì sao?

Câu 2: (3.0 điểm) Ngọc và Hoa đến nhà của Ngân chơi. Ngọc thấy cuốn sổ nhật kí của Ngân để trên bàn học nên đã tự ý mở ra xem.

Em có nhận xét gì qua hành động của Ngọc về quyền và nghĩa vụ của công dân? Nếu em là Hoa, em sẽ làm gì?

HẾT.

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề này gồm có 2 trang)	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: GD CD – Lớp 6 Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)
---	--

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: (5.0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng (A hoặc B, C, D) trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước phương án đó.

Câu 1: Biết sử dụng hợp lí, có hiệu quả của cải, thời gian, sức lực của mình và của người khác là

- A. giản dị
B. tiết kiệm
C. keo kiệt
D. xa hoa

Câu 2: Nhận định nào sau đây đúng khi nói về tiết kiệm?

- A. Người tiết kiệm là người sống keo kiệt.
B. Tiết kiệm không mang lại giá trị cho cuộc sống.
C. Sống tiết kiệm là lối sống tốt đẹp của con người.
D. Chỉ những người nghèo mới phải sống tiết kiệm.

Câu 3: Người nào dưới đây là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc.
B. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam có cha mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.
C. Trẻ em có quốc tịch nước khác.
D. Trẻ em sinh ra ở Việt Nam, có cha mẹ là người nước ngoài.

Câu 4: Để phân biệt người Việt Nam và người nước ngoài ta căn cứ vào luật nào sau đây?

- A. Luật đất đai
B. Luật trẻ em
C. Luật hôn nhân và gia đình
D. Luật Quốc tịch Việt Nam

Câu 5: Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa như thế nào?

- A. Công dân đều có quyền như nhau.
B. Công dân đều có nghĩa vụ như nhau.
C. Công dân đều có quyền và nghĩa vụ giống nhau.
D. Công dân đều bình đẳng về quyền và làm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Câu 6: Quyền nào của công dân dưới đây **không** thuộc nhóm quyền dân sự?

- A. Quyền tự do đi lại và cư trú.
B. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.
C. Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình.
D. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh

dự và nhân phẩm.

Câu 7: Việc làm nào dưới đây thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân?

- A. Chưa đóng thuế đầy đủ khi tham gia hộ kinh doanh.
- B. Chung tay làm sạch đường làng, ngõ phố.
- C. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.
- D. Lười biếng, không chăm lo học tập.

Câu 8: Việc làm nào dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân theo quy định trong Hiến pháp 2013?

- A. Đọc thư giúp người khiếm thị.
- B. Kiểm tra đủ số lượng thư khi gửi.
- C. Trả thư vì không đúng tên người nhận.
- D. Đọc thư của người khác khi chưa được họ cho phép.

Câu 9: T là lớp trưởng của lớp 6A. Trong buổi sinh hoạt lớp, T đứng lên nhận xét tình hình của lớp trong tuần vừa qua, đồng thời phát biểu ý kiến về kế hoạch hoạt động của lớp trong tuần tới. Theo em, T đã thực hiện đúng nhóm quyền nào trong các nhóm quyền trẻ em?

- A. Quyền được sống còn.
- B. Quyền được bảo vệ.
- C. Quyền phát triển.
- D. Quyền tham gia.

Câu 10: Việc làm nào dưới đây, thực hiện đúng quyền trẻ em?

- A. Bảo vệ trẻ em khỏi hành vi xâm hại.
- B. Cha mẹ chia tay, không chăm lo cho con cái.
- C. Bắt trẻ em nghỉ học để làm việc kiếm tiền.
- D. Nghiêm cấm trẻ em phát biểu trong cuộc họp.

II. TỰ LUẬN: (5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Bé M có năng khiếu đặc biệt và rất thích tham gia môn bơi lội, nhà trường động viên bố mẹ M tạo điều kiện cho M luyện tập để thi đấu thể thao cấp huyện. Nhưng bố mẹ M kịch liệt phản đối và tìm mọi cách ngăn cản M không cho tham gia luyện tập với lý do bơi chỉ cần biết là đủ, không cần phải giỏi.

Vậy theo em, việc làm của bố mẹ M như vậy có vi phạm quy định của Luật trẻ em không? Vì sao?

Câu 2: (3.0 điểm) Trong giờ ra chơi, N bị mất bút. N nghi ngờ K đã lấy bút của mình vì chỉ có K ngồi cạnh N nhất. N mang chuyện này nói với cả lớp rằng K là một kẻ trộm. Nhưng sau đó, N đã tìm thấy cây bút trong túi quần của mình.

Trong tình huống trên, em có nhận xét gì qua hành động của N về quyền và nghĩa vụ công dân? Nếu là bạn của N, em sẽ khuyên bạn ra sao?

HẾT.

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm.)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: GD CD– Lớp 6 Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)
--	---

HƯỚNG DẪN CHẤM
(Hướng dẫn chấm này có 01 trang)

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	A	C	D	D	B	D	C	D	A

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1. (2.0 điểm)	- Hành vi của bác sĩ là vi phạm quy định trong Luật trẻ em.	1.0
	- Vì theo Luật trẻ em, trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên khám và chữa bệnh, đặc biệt là những hợp nguy cấp cần cấp cứu gấp như em A.	1.0
Câu 2. (3.0 điểm)	a. Nhận xét: - Ngọc chưa thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Vì việc tự ý xem nhật kí của Ngân. Đây là hành vi xâm phạm quyền bí mật thư tín của công dân.	1.0 1.0
	b. Nếu em là bạn của Hoa, em sẽ: - Khuyên Ngọc không được có hành động như vậy vì Ngọc đã vi phạm quyền riêng tư về bí mật thư tín của công dân. - Khuyên Ngọc xin lỗi Ngân về việc làm của mình.	1.0

***Lưu ý: HSKT:**
- Phần Trắc nghiệm: trả lời đúng 5/10 câu: 5.0 điểm
- Phần Tự luận: Như thang điểm chung

GV trong quá trình chấm có thể linh hoạt với những cách giải thích khác phù hợp

MÃ ĐỀ B

(Hướng dẫn chấm này có 01 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) *Mỗi câu đúng được 0.5 điểm*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	B	D	D	B	C	D	D	A

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1. (2.0 điểm)	- Việc làm của ba mẹ M có vi phạm quy định của Luật trẻ em.	1.0
	- Vì trẻ em có quyền được phát triển năng khiếu cá nhân vì thế gia đình và nhà trường cần phối hợp chặt chẽ, tạo mọi điều kiện trên tinh thần tôn trọng ý kiến, sở thích của cá nhân M.	1.0
Câu 2. (3.0 điểm)	a. Hành động của N là quy phạm quyền và nghĩa vụ của công dân. N đã xúc phạm danh dự, nhân phẩm của K, kết luận K là kẻ trộm trong khi K không lấy bút của N.	1.0 1.0
	b. Nếu em là bạn của N, em sẽ khuyên bạn rằng: + N đã vi phạm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nhắc nhở bạn trước khi kết luận điều gì cần kiểm tra và xem xét kỹ để tránh hậu quả không đáng có. + N nên xin lỗi N và hứa sẽ không có những hành động tương tự như vậy nữa. Nếu N vẫn không nhận ra lỗi sai thì em sẽ trình bày với giáo viên để kịp thời giúp bạn sửa chữa.	1.0

***Lưu ý: HSKT:**

- Phần Trắc nghiệm: trả lời đúng 5/10 câu: 5.0 điểm

- Phần Tự luận: Như thang điểm chung

GV trong quá trình chấm có thể linh hoạt với những cách giải thích khác phù hợp.

TIẾT 34,35	THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM	NS:10/3/2024
-------------------	-------------------------------	---------------------

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.
- Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em.
- Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em.
- Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi.

Năng lực phát triển bản thân: Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản thân mình.

3. Về phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em.

Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải, bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế học tập, hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em để chuẩn bị vào bài học mới.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Ai sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo quyền trẻ em?

b. Nội dung: Học sinh cùng nghe bài hát “Dấu chấm hỏi” (sáng tác: Thế Hiển).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Câu 1: Bạn nhỏ trong bài hát không được ai nuôi dưỡng, chăm sóc, không được đi học, không được ăn no.

Câu 2: Có nhiều tổ chức cá nhân phải chịu trách nhiệm đảm bảo quyền trẻ em cho bạn nhỏ là: bố mẹ, nhà trường, nhà nước, công an...

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua tìm hiểu bài hát “Dấu chấm hỏi” (sáng tác: Thế Hiển).	

Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Câu 1: Bạn nhỏ trong bài hát không được hưởng những quyền nào của trẻ em? Câu 2: Ai sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo quyền trẻ em cho bạn nhỏ ấy? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. Câu 1: Bạn nhỏ trong bài hát không biết bố mẹ mình là ai, không có nhà ở, không được ai nuôi dưỡng, chăm sóc, không được đi học, không được ăn no, không được bảo vệ. Câu 2: Có nhiều tổ chức cá nhân phải chịu trách nhiệm đảm bảo quyền trẻ em cho bạn nhỏ là: bố mẹ, nhà trường, nhà nước, công an, các tổ chức xã hội... - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học <i>Ngoài xã hội vẫn còn nhiều mảnh đời bất hạnh, nhiều trẻ em không được sống trong yêu thương, chăm sóc, không được hưởng đầy đủ quyền trẻ em. Để trẻ em được sống, được học tập, được phát triển đầy đủ cần sự giúp đỡ, hỗ trợ của mỗi cá nhân, gia đình, nhà trường và toàn xã hội.</i>	
--	--

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em

a. Mục tiêu:

- Nêu được trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh tìm hiểu 3 tình huống trong sách giáo khoa.

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh: trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc tình huống Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập Câu 1: Trong các tình huống, bạn nào đã thực hiện đúng, bạn nào thực hiện chưa đúng quyền và bổn phận của trẻ em. Vì sao? Câu 2: Học sinh có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Câu trả lời của HS: Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	1. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em *Tình huống *Nhận xét - Trẻ em có những quyền và bổn phận của mình. Cùng với bốn nhóm quyền cơ bản của mình, mỗi trẻ em cần phải có thái độ kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, thành viên trong gia đình bằng các việc làm phù hợp với bản thân, có thái độ tôn trọng giáo viên và mọi người, ... - Mỗi học sinh cần nắm rõ các quyền và bổn phận của mình, có thái độ tích cực, chủ động trong các việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em để bảo vệ và phát triển bản thân một cách toàn diện, đồng tình ủng hộ các hành vi thực hiện đúng quyền trẻ em và phê phán những hành vi vi phạm quyền trẻ em

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em

a. Mục tiêu:

- Phân tích và chỉ ra trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em qua các tình huống.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc, tìm hiểu tình huống

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập, phần tham gia trò chơi....)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa, phiếu bài tập và trò chơi tiếp sức ? Em đọc những tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi: Tình huống 1: Nghỉ hè về thăm quê, An được ông bà dẫn đi tham quan và kể cho nghe nhiều câu chuyện thú vị về các di tích lịch sử ở địa phương. Ông bà còn dạy An cách trồng rau và chăm sóc vật nuôi trong nhà. Đây thật là một kì nghỉ vui vẻ và bổ ích. Tình huống 2: Trường học của Lâm có kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa cho học sinh. Để tổ chức các hoạt động phù hợp với học sinh, nhà trường đã đưa ra một số nội dung hoạt động ngoại khóa để các em đóng góp ý kiến và lựa chọn nội dung mà các em hứng thú nhất. Tình huống 3: Chính quyền xã K đã tổ chức cuộc thi Tìm hiểu về pháp luật giao thông đường nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức tham gia giao thông an toàn của học sinh. Cùng với những phần quà có ý nghĩa, Ban tổ chức còn tuyên truyền đến từng thôn xóm để động viên con em mình tham gia. Tình huống 4: Nhận được tin báo của anh Hải, cơ quan công an đã điều tra, bắt giữ vợ chồng ông Nam về hành vi thường xuyên đánh đập con nuôi là bé	2. Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em *Tình huống *Nhận xét: Tình huống 1: Bố mẹ, ông bà An đã làm đúng trách nhiệm trong việc thực hiện quyền trẻ em. Tình huống 2: Trường học Lâm đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong thực hiện quyền trẻ em. Tình huống 3: Chính quyền xã K thực hiện đúng trách nhiệm trong thực hiện quyền trẻ em. Tình huống 4: Vợ chồng ông Nam vi phạm quyền trẻ em khi thường xuyên đánh đập bé Tùng. Vi phạm quyền bảo vệ của trẻ em.

Tùng. Tòa án đã xét xử và tuyên phạt tù vợ chồng ông Nam về hành vi hành hạ người khác và hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Câu hỏi: Trong những tình huống trên theo em tình huống nào thực hiện đúng quyền trẻ em, tình huống nào chưa thực hiện đúng quyền trẻ em?

*** Phiếu bài tập:** Tìm hiểu trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em qua các tình huống.

+ Giáo viên chia lớp thành bốn nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một tình huống.

+ Học sinh tìm hiểu tình huống rồi viết ra giấy A1 để báo cáo theo nhóm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS:

+ Nghe hướng dẫn.

+ Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- Học sinh chơi trò chơi tiếp sức

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em a. Mục tiêu: - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc, tìm hiểu tình huống - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập, phần tham gia trò chơi....) d. Tổ chức thực hiện: c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm . d. Tổ chức thực hiện:	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa, phiếu bài tập và trò chơi tiếp sức <i>Câu hỏi: Theo em gia đình, nhà trường, xã hội có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền trẻ em</i> * Phiếu bài tập: Tìm hiểu trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em bằng cách hoàn thiện phiếu bài tập * Trò chơi tiếp sức Luật chơi: + Giáo viên chia lớp thành ba đội, một đội tìm hiểu về trách nhiệm của gia đình trong việc thực hiện quyền trẻ em, một đội tìm hiểu về trách nhiệm của nhà trường trong việc thực hiện quyền trẻ em, một đội tìm hiểu về trách nhiệm của xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em + Thời gian: Trò chơi diễn ra trong vòng	2. Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em - Gia đình: Tiến hành khai sinh, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em, tạo điều kiện, khuyến khích trẻ em tham gia các hoạt động học tập, vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu phù hợp, quản lý và bảo vệ trẻ em khỏi các nguy cơ bị xâm hại, bị lạm dụng, bị mua bán... - Nhà trường: quản lý, chăm sóc sức khỏe, giáo dục trẻ em, đảm bảo môi trường học tập an toàn cho học sinh... - Xã hội: đảm bảo các quyền trẻ em được thực hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm quyền trẻ em, xây dựng, thực hiện các chính sách về quyền trẻ em, cung cấp các dịch vụ an toàn, bảo vệ quyền lợi của trẻ...

năm phút.

+ *Cách thức:* Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau viết các đáp án lên bảng, nhóm nào viết được nhiều đáp án đúng hơn thì nhóm đó sẽ chiến thắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS:

+ Nghe hướng dẫn.

+ Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.

+ Tham gia chơi trò chơi nhiệt tình, đúng luật.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân

- Học sinh chơi trò chơi tiếp sức

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần **Khám phá** áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b. Nội dung:

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và diễn kịch ...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và diễn kịch ... ? Bài tập 1: Em hãy nêu một số biểu hiện thực hiện tốt và thực hiện chưa tốt quyền trẻ em ở gia đình, trường học và địa phương em. ? Bài tập 2: Em tán thành hoặc không tán thành với việc làm của bạn nào dưới đây? Vì sao? ? ? Bài tập 3: Bài tập tình huống: GV cho học sinh đóng vai diễn kịch. Các bạn khác theo dõi, nêu nhận xét. Tình huống 1: Giờ ra chơi, Quân và các bạn ra sân trường đá cầu. Trong lúc đỡ cầu, Quân vô tình giẫm phải chân của Hưng. Mặc dù Quân đã xin lỗi nhưng Hưng vẫn tỏ thái độ khó chịu và mắng chửi Quân bằng những lời lẽ khó nghe và còn đe dọa Quân. Tình huống 2: Trường Lan tổ chức cho học sinh đi tham quan di tích lịch sử. Tuy nhiên, bố của Lan rất buồn và không biết phải làm gì để bố đồng ý cho mình đi? Nếu em là Lan em sẽ làm gì để bố đồng ý? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho	Bài tập 1:  <table><tr><th></th><th>Biểu hiện thực hiện tốt quyền trẻ em</th><th>Biểu hiện thực hiện chưa tốt quyền trẻ em</th></tr><tr><td>Gia đình</td><td> - Yêu thương chăm sóc trẻ em - Bố mẹ cho con đi học năng khiếu </td><td> - Bố mẹ không cho con ra sân chơi - Bố mẹ cấm con học đàn </td></tr><tr><td>Nhà trường</td><td> - Thầy cô khuyến khích học sinh đọc sách - Học sinh tham gia cuộc thi tìm hiểu quyền trẻ em </td><td> - Học sinh trốn học - Học sinh đánh bạn </td></tr><tr><td>Xã hội</td><td> - Đoàn thanh niên xã tổ chức trại hè cho thiếu nhi - Mở trung tâm bảo trợ xã hội cho trẻ em mồ côi </td><td> - Chủ hàng xóm chưa đăng kí khai sinh cho con - Trạm y tế xã chậm tiêm vắc xin cho trẻ em </td></tr></table> Bài tập 2: Em tán thành với ý kiến b và d Em không tán thành với ý kiến a và c Bài tập 3: TH1: Nếu là Hưng em sẽ nói bạn biết bạn làm như vậy là vi phạm quyền xúc phạm người khác. TH2: Nếu là Lan em sẽ nói với bố mẹ em muốn đi để học hỏi thêm kinh nghiệm bên ngoài và muốn trau dồi thêm kiến thức cho bản thân, con cũng có quyền được vui chơi.		Biểu hiện thực hiện tốt quyền trẻ em	Biểu hiện thực hiện chưa tốt quyền trẻ em	Gia đình	- Yêu thương chăm sóc trẻ em - Bố mẹ cho con đi học năng khiếu	- Bố mẹ không cho con ra sân chơi - Bố mẹ cấm con học đàn	Nhà trường	- Thầy cô khuyến khích học sinh đọc sách - Học sinh tham gia cuộc thi tìm hiểu quyền trẻ em	- Học sinh trốn học - Học sinh đánh bạn	Xã hội	- Đoàn thanh niên xã tổ chức trại hè cho thiếu nhi - Mở trung tâm bảo trợ xã hội cho trẻ em mồ côi	- Chủ hàng xóm chưa đăng kí khai sinh cho con - Trạm y tế xã chậm tiêm vắc xin cho trẻ em
	Biểu hiện thực hiện tốt quyền trẻ em	Biểu hiện thực hiện chưa tốt quyền trẻ em											
Gia đình	- Yêu thương chăm sóc trẻ em - Bố mẹ cho con đi học năng khiếu	- Bố mẹ không cho con ra sân chơi - Bố mẹ cấm con học đàn											
Nhà trường	- Thầy cô khuyến khích học sinh đọc sách - Học sinh tham gia cuộc thi tìm hiểu quyền trẻ em	- Học sinh trốn học - Học sinh đánh bạn											
Xã hội	- Đoàn thanh niên xã tổ chức trại hè cho thiếu nhi - Mở trung tâm bảo trợ xã hội cho trẻ em mồ côi	- Chủ hàng xóm chưa đăng kí khai sinh cho con - Trạm y tế xã chậm tiêm vắc xin cho trẻ em											

nhóm khác. - Với hoạt động diễn kịch: HS nghe hướng dẫn, tham gia. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức	
---	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án..

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động		
	Việc trẻ em nên	Việc trẻ em không

dự án ... + Em hãy tìm hiểu và trang bị cho bản thân các kiến thức và kĩ năng phòng, chống xâm hại trẻ em. Ghi lại những việc trẻ em nên làm và không nên làm để phòng chống nguy cơ xâm hại trẻ em theo bảng mẫu sau:		làm để phòng chống nguy cơ bị xâm hại	nên làm để phòng chống nguy cơ bị xâm hại	
	Việc trẻ em nên làm để phòng chống nguy cơ bị xâm hại	Việc trẻ em không nên làm để phòng chống nguy cơ bị xâm hại	Dám chỉ ra các hành vi thực hiện chưa đúng quyền trẻ em Dám bày tỏ ý kiến với mọi người	Không che giấu người phạm tội Không tiếp xúc với người lạ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên.				
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).				
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức				

***Hướng dẫn tự học**

- Học thuộc nội dung bài
- Hoàn thiện các bài tập